



**ĐỒNG HÀNH BỀN VỮNG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



# MỤC LỤC

|    |  |
|----|--|
| 06 | <b>GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN</b> |
| 07 | <b>DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT</b>       |
| 08 | <b>THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT</b>          |
| 10 | <b>DẤU ẤN SASCO 2022</b>                     |
| 14 | <b>SASCO 30 NĂM - HÀNH TRÌNH ĐIỀU KỲ</b>     |

## CHƯƠNG

## 01

## THÔNG TIN CHUNG

|    |  |
|----|--|
| 18 | Thông tin khái quát                                    |
| 20 | Quá trình hình thành và phát triển                     |
| 22 | Lĩnh vực kinh doanh                                    |
| 30 | Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý |
| 32 | Ban Lãnh đạo Công ty                                   |
| 36 | Các Công ty con, Công ty liên kết                      |
| 38 | Định hướng phát triển                                  |

## CHƯƠNG

## 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

|    |   |
|----|---|
| 44 | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 55 | Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc  |
| 60 | Báo cáo của Hội đồng quản trị           |

## CHƯƠNG

## 03

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

|    |  |
|----|--|
| 66 | Hội đồng Quản trị  |
| 74 | Ban Kiểm soát  |
| 82 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc |
| 86 | Quản trị rủi ro  |

## CHƯƠNG

## 04

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

|    |  |
|----|--|
| 90 | Chiến lược phát triển bền vững   |
| 92 | Hoạt động phát triển bền vững của Công ty với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc |
| 96 | Các vấn đề trọng yếu trong chiến lược phát triển bền vững của SASCO                              |

## CHƯƠNG

## 05

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

|     |  |
|-----|--|
| 108 | Thông tin về doanh nghiệp  |
| 109 | Báo cáo của Hội đồng Quản trị                                    |
| 110 | Báo cáo kiểm toán độc lập  |
| 111 | Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Mẫu số B 01 – DN)                 |
| 114 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B 02 – DN) |
| 115 | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Mẫu số B 03 – DN)           |
| 117 | Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Mẫu số B 09 – DN)        |

# ĐỒNG HÀNH BỀN VỮNG

## GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thế giới bước vào năm 2022 với hy vọng về một cuộc sống “bình thường mới” sau đại dịch Covid-19, nhưng thực tế phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng ở quy mô toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO) cũng đã trải qua một năm nhiều thách thức, thị trường hàng không phục hồi mạnh mẽ như giai đoạn trước dịch, áp lực cạnh tranh ngày càng lớn đi cùng với những thay đổi trong hành vi chi tiêu của khách hàng.

Bên cạnh những khó khăn hiện hữu, vẫn có nhiều tín hiệu lạc quan cho kinh tế, thương mại nội địa và quốc tế khi Việt Nam và hầu hết các quốc gia đã mở cửa giao thương du lịch, tạo đà cho ngành Hàng không từng bước lấy lại vị thế. Năm bắt cơ hội này, cùng với kinh nghiệm, tiềm lực, khả năng thích ứng và nỗ lực không ngừng nghỉ, SASCO đã có một năm khôi phục, phát triển kinh doanh, đầu tư, gia tăng hiệu suất và năng lực phục vụ khách hàng. Công ty liên tục cải tiến sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, góp phần nâng tầm chất lượng dịch vụ sân bay, đặc biệt tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.

Năm 2022 có ý nghĩa đặc biệt, là năm bản lề trước khi SASCO bước vào tuổi 30 - đánh dấu một hành trình tạo dựng và trưởng thành đầy ý nghĩa.

Báo cáo thường niên năm 2022 của SASCO lựa chọn chủ đề “**Đồng hành bền vững**”. Đây không chỉ là lời tổng kết trọn vẹn cho những nỗ lực cống hiến của Công ty trong một năm qua, mà còn là lời cam kết tiếp tục đồng hành với các bên liên quan, hướng đến sự phát triển bền vững, cân đối hài hòa giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường.

Năm 2023 được dự báo tiếp tục là một năm đầy biến động của kinh tế thế giới. Với tâm thế vững vàng, SASCO sẽ luôn tự tin tiến bước, nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách, không ngừng vươn xa, hoàn thiện sứ mệnh của một nhà cung cấp dịch vụ thương mại sân bay hàng đầu.

## DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

|              |                       |                       |   |
|--------------|-----------------------|-----------------------|---|
| <b>BCTN</b>  | Báo cáo thường niên   | <b>LNST</b>           | Lợi nhuận sau thuế                                      |
| <b>BKS</b>   | Ban Kiểm soát         | <b>LNTT</b>           | Lợi nhuận trước thuế                                    |
| <b>BTGD</b>  | Ban Tổng Giám đốc     | <b>NSNN</b>           | Ngân sách Nhà nước                                      |
| <b>CBCNV</b> | Cán bộ Công nhân viên | <b>PCCC</b>           | Phòng cháy chữa cháy                                    |
| <b>CP</b>    | Cổ phần               | <b>SASCO</b>          | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất |
| <b>DHĐCĐ</b> | Đại hội đồng cổ đông  | <b>SXKD</b>           | Sản xuất kinh doanh                                     |
| <b>HDQT</b>  | Hội đồng Quản trị     | <b>TP. HCM</b>        | Thành phố Hồ Chí Minh                                   |
| <b>ISO</b>   | Tiêu chuẩn ISO        | <b>TTTM SASCO TSN</b> | Trung tâm thương mại SASCO Tân Sơn Nhất                 |

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



**ÔNG NGUYỄN HẠNH**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị SASCO  
từ 20/4/2017 đến nay.

### Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể CBCNV,

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO), tôi xin gửi đến Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

### Kính thưa Quý vị,

Năm 2022, trong bối cảnh quốc tế nhiều sóng gió, kinh tế Việt Nam vẫn đạt sự ổn định với khả năng kiểm soát lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở mức cao. Ngành hàng không Việt Nam chứng kiến sự hồi phục sau hơn 2 năm thách thức vì dịch bệnh, nhưng hiện hữu nhiều khó khăn và rào cản khiến sự tăng trưởng không đồng đều ở các phân khúc. Thị trường và khách hàng trọng điểm của Công ty SASCO trong năm 2022 bị gián đoạn, các thay đổi hành vi trong chi tiêu của khách hàng tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty ngay tại thị trường truyền thống cũng ngày càng gia tăng.

Với chủ trương **“Đồng hành bền vững”** SASCO hợp tác chặt chẽ cùng đối tác hàng không, ban ngành thành phố, triển khai chuỗi các hoạt động gia tăng năng lực phục vụ, đưa Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất và thành phố Hồ Chí Minh trở thành điểm đến hấp dẫn với nhiều trải nghiệm mới mẻ, thú vị. Công ty huy động mạnh mẽ các nguồn lực, tận dụng tối đa để phục hồi của ngành hàng không và du lịch, biến thách thức thành cơ hội, bước đi tiên phong trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường.

Với tinh thần đó, SASCO tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tại các điểm kinh doanh và triển khai các mô hình kinh doanh mới để gia tăng trải nghiệm khách hàng. Hành trình 2022 của SASCO thể hiện sinh động, đầy trách nhiệm với chiến lược trồng rừng, tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường bền vững, chúng tôi sẵn sàng phục vụ cùng Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất và các chương trình cộng đồng hỗ trợ giáo dục, ươm mầm tài năng trên khắp các tỉnh thành đất nước.

Nỗ lực vượt bậc của toàn đội ngũ đã đưa SASCO hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế bền vững và được ghi nhận các thành tích tự hào. SASCO vinh dự được gắn biểu trưng Thương hiệu Quốc gia lần thứ tư liên tiếp, TOP 10 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam và TOP 5 doanh nghiệp thực hiện nâng cao quyền năng phụ nữ và bình đẳng giới tại nơi làm việc, TOP 10 Công ty bán lẻ uy tín, TOP 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn, cùng nhiều danh hiệu uy tín khác do khách hàng yêu mến đánh giá trên các nền tảng trực tuyến về du lịch và dịch vụ hàng không.

### Thưa Quý vị,

Kinh tế thế giới năm 2023 còn biến động, song hiện hữu những triển vọng lạc quan về sự phục hồi và tăng trưởng. Với SASCO, năm 2023 đánh dấu chặng đường 30 năm hình thành và phát triển của doanh nghiệp. “30 năm - Hành trình diệu kỳ” - khởi nguồn từ những viên gạch đầu tiên đến vị thế của một thương hiệu uy tín, dẫn đầu về dịch vụ sân bay, là minh chứng cho sức mạnh đoàn kết, nỗ lực cống hiến từ đội ngũ Ban lãnh đạo, các CBCNV và hơn hết là sự tin tưởng, đồng hành từ chính Quý khách hàng, cổ đông, đối tác cho một SASCO diệu kỳ ngày hôm nay.

SASCO tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển bền vững với các mục tiêu trọng tâm, gia tăng chất lượng và đẳng cấp dịch vụ, thiết lập đà tăng trưởng mới và nâng tầm uy tín thương hiệu, tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu dịch vụ sân bay tại Việt Nam, hướng đến các cơ hội, thị trường năng động mới tiềm năng ngoài ngành Hàng không.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng tri ân tình cảm, sự hợp tác, hỗ trợ của Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể CBCNV đã dành cho SASCO trong năm 2022 và trên suốt chặng đường đã qua. SASCO tận tâm, thấu hiểu, sẵn sàng cùng Quý khách hàng, cổ đông, đối tác kiến tạo giá trị cho sự phát triển chung của ngành hàng không và phụng sự vì Việt Nam thịnh vượng.

**Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Nguyễn Hạnh**

## DẤU ẤN SASCO 2022

Kinh tế thế giới năm 2022 có những dấu hiệu tích cực, chuỗi cung ứng toàn cầu được khơi thông, hoạt động thương mại - dịch vụ trở lại sôi động. Song tồn tại nhiều thách thức trong bối cảnh thế giới đầy biến động. Đón đầu cơ hội hồi phục của ngành Hàng không, SASCO nhanh chóng triển khai và phát triển nhiều dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường sau đại dịch.

### 01 Khai trương SASCO SHOP flagship Ga đi Quốc nội, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

Với tổng diện tích hơn 450m<sup>2</sup> cùng thiết kế vừa hiện đại vừa đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc, khu mua sắm SASCO SHOP tại Ga đi Quốc nội, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất khai trương vào đầu năm 2022 là một bước đi tiên phong của SASCO đón đầu làn sóng phục hồi, thổi bùng sức sống mới cho nhà ga Tân Sơn Nhất, nâng tầm dịch vụ sân bay cho khách hàng trong bối cảnh mới.



### 02 Khai trương SASCO SHOP flagship tại Ga đi Quốc tế, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

Cao điểm hè 2022, SASCO đưa vào khai thác khu mua sắm SASCO SHOP lớn nhất Cảng HKQT Tân Sơn Nhất với diện tích gần 600m<sup>2</sup> tại Ga đi Quốc tế, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất. Được ví như trung tâm mua sắm hiện đại giữa lòng sân bay, SASCO SHOP hội tụ hàng chục ngàn sản phẩm đặc sắc Việt Nam, cùng các chương trình ưu đãi hấp dẫn diễn ra quanh năm, mang đến cho khách hàng những trải nghiệm mua sắm thú vị, thư thái trước chuyến bay.



### 03 Chào đón tuổi mới với chương trình ưu đãi “Vạn niềm vui trên hành trình mới”



Trong suốt tháng 7 - Tháng sinh nhật chào tuổi 29, SASCO triển khai chương trình ưu đãi đặc biệt “Vạn niềm vui trên hành trình mới” trên toàn hệ thống dịch vụ. Không chỉ là những quà tặng sinh nhật ý nghĩa mà SASCO trao gửi, tri ân đến khách hàng thân thương của mình thông điệp đầy tâm huyết của người làm dịch vụ, những nỗ lực từng ngày mang đến những trải nghiệm tốt nhất, những niềm vui ấm áp.

### 04 Khai trương Nhà hàng The Phoenix phong cách Bistro tại Ga Quốc nội, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất



Sự trở lại hoành tráng của nhà hàng The Phoenix theo phong cách Bistro sang trọng, hiện đại vào tháng 11/2022 mang đến một phong vị mới trong “hệ sinh thái” vốn dĩ đã đặc sắc của SASCO, góp phần tạo nên không gian ẩm thực tươi mới, rực rỡ tại sân bay. The Phoenix là địa chỉ ẩm thực yêu thích của du khách và cũng là lựa chọn checkin không thể thiếu của giới trẻ mỗi lần đến Tân Sơn Nhất.

## 05 Khai trương Jasmine Business Lounge Phòng chờ thương gia đầu tiên dành cho hành khách Hồi giáo tại sân bay Việt Nam

Tháng 12/2022, SASCO khai trương Phòng chờ thương gia đầu tiên cho khách hồi giáo tại Ga đi Quốc tế, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất. Đây là phòng chờ sân bay đầu tiên tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế phục vụ cho hành khách hạng thương gia là tín đồ Hồi giáo, được chứng nhận bởi tổ chức liên minh Halal Quốc tế, Công ty Tư vấn & Huấn luyện Halal Malaysia (MHCT).

Sự có mặt của Phòng chờ thương gia Jasmine tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất góp phần hoàn thiện và nâng tầm dịch vụ hàng không tại đây, khi đáp ứng được các nhu cầu đa dạng, đồng thời thể hiện sự quan tâm, tôn trọng về văn hóa, tín ngưỡng của mọi hành khách trong nước và quốc tế.



## 06 Tổ chức sự kiện “Bay cùng Phở Việt” lan tỏa tinh hoa ẩm thực Việt Nam

Nối tiếp chuỗi sự kiện Ngày của Phở 12/12, SASCO đã kết hợp cùng báo Tuổi trẻ tổ chức chương trình “Bay cùng Phở Việt” lần thứ hai tại Phòng chờ Le Saigonais - Ga đi quốc tế, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất. Chương trình diễn ra với nhiều hoạt động thú vị và ý nghĩa, mang đến cho du khách những hương vị phở ngon, góp phần vào chiến dịch quảng bá phở Việt, thu hút du khách từ các vùng miền, lãnh thổ. Bay cùng phở Việt được nhìn nhận như hình ảnh sinh động nhất để nói về sự hồi phục sau đại dịch COVID-19 của TP.HCM.



## 07 Thành tựu năm 2022

Năm 2022, SASCO tiếp tục được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước, khách hàng, các hãng hàng không đánh giá cao, biểu dương, vinh danh thành tích xuất sắc, tiêu biểu:



Lần thứ 4 liên tiếp được gắn biểu trưng Thương hiệu Quốc gia (Vietnam Value)



SASCO tiếp tục vào TOP 10 bán lẻ uy tín nhất Việt Nam do Vietnam report bình chọn.



Top 50 Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn - Khối Doanh nghiệp Việt 2022



L'Azure Resort & Spa Phu Quoc đạt nhiều giải thưởng uy tín do khách hàng bình chọn trên các nền tảng đặt phòng hàng đầu: giải thưởng Agoda (9.2/10), Booking.com (9/10), Tripadvisor, My tour.



Năm thứ 7 liên tiếp, TOP 10 phát triển bền vững tại Việt Nam và là 1 trong 5 Doanh nghiệp Việt Nam thực hiện tốt nhất việc thúc đẩy quyền năng phụ nữ và bình đẳng giới tại nơi làm việc do Hội đồng doanh nghiệp Phát triển bền vững Việt Nam chứng nhận



## CHƯƠNG

# 01

## THÔNG TIN CHUNG

|  |    |
|--|----|
| Thông tin khái quát                                    | 18 |
| Quá trình hình thành và phát triển                     | 20 |
| Lĩnh vực kinh doanh                                    | 22 |
| Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 30 |
| Ban Lãnh đạo Công ty                                   | 32 |
| Các Công ty liên kết                                   | 36 |
| Định hướng phát triển                                  | 38 |



## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát



### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

|   |                 |   |
|---|-----------------|---|
| <b>Tên giao dịch</b>                                    |                 |   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất |                 |   |
| <b>Tên giao dịch quốc tế</b>                            |                 | <b>Tên viết tắt</b>   |
| Southern Airports Services<br>Joint Stock Company       |                 | SASCO   |
| <b>Giấy chứng nhận đăng ký<br/>doanh nghiệp số</b>      |                 | <b>Địa chỉ</b>  |
| 0301123125  |                 | Sân Bay Quốc tế Tân Sơn Nhất,<br>Phường 2, Q.Tân Bình, TP.HCM |
| <b>Vốn điều lệ</b>                                      |                 | <b>Mã chứng khoán</b>   |
| 1.334.813.100.000 VNĐ                                   |                 | SAS   |
| <b>Tel</b>  | <b>Fax</b>      | <b>Website</b>  |
| (028) 3844 8358   | (028) 3844 7812 | www.sasco.com.vn  |

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Tại Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của SASCO diễn ra chủ yếu tại địa bàn chính là khu vực Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

- » Kinh doanh hàng miễn thuế
- » Kinh doanh bán lẻ
- » Dịch vụ Phòng chờ thương gia
- » Dịch vụ cung ứng suất ăn hàng không và dịch vụ handling
- » Dịch vụ ăn uống
- » Dịch vụ du lịch, dịch vụ xe vận chuyển
- » Dịch vụ quảng cáo

### Tại Cảng HKQT Cam Ranh Tỉnh Khánh Hòa

Dịch vụ Phòng chờ thương gia

### Tại Thành phố Phú Quốc Tỉnh Kiên Giang

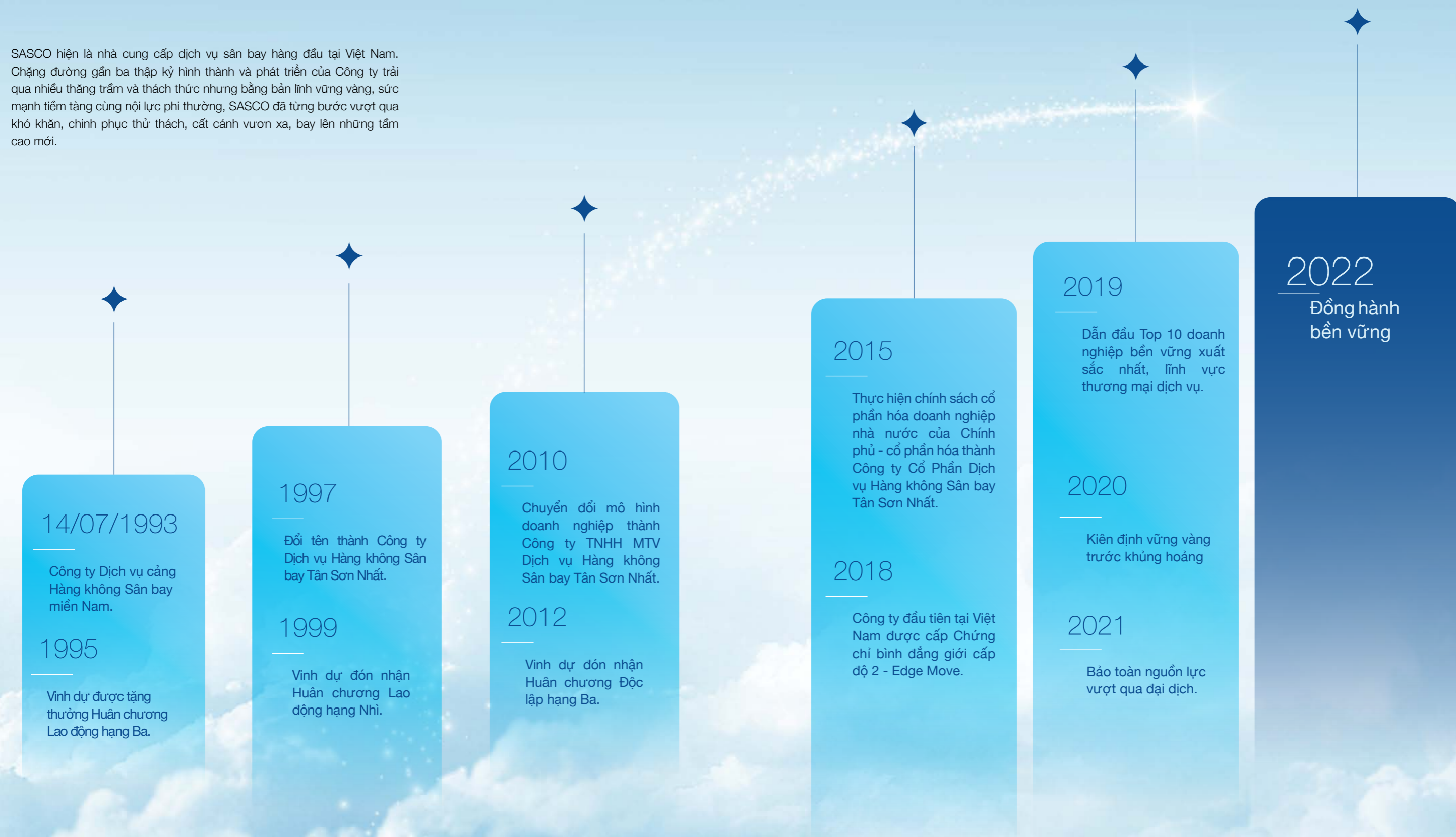
- » Khu nghỉ dưỡng L'Azure Resort and Spa
- » Dịch vụ Phú Quốc Bus tour
- » Sản xuất nước mắm Phú Nhĩ

### Tại Long An

Sản xuất nước mắm truyền thống, kinh doanh xuất nhập khẩu

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

SASCO hiện là nhà cung cấp dịch vụ sân bay hàng đầu tại Việt Nam. Chặng đường gần ba thập kỷ hình thành và phát triển của Công ty trải qua nhiều thăng trầm và thách thức nhưng bằng bản lĩnh vững vàng, sức mạnh tiềm tàng cùng nội lực phi thường, SASCO đã từng bước vượt qua khó khăn, chinh phục thử thách, cất cánh vươn xa, bay lên những tầm cao mới.



# LĨNH VỰC KINH DOANH

## Hoạt động kinh doanh

SASCO hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không cung cấp các dịch vụ thương mại tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.



## Lĩnh vực kinh doanh

### Tại thị trường sân bay Tân Sơn Nhất

Kinh doanh hàng miễn thuế;

Hệ thống bán lẻ;

Dịch vụ Phòng chờ thương gia;

Dịch vụ cung ứng suất ăn hàng không và dịch vụ handling;

Dịch vụ ăn uống;

Dịch vụ du lịch, dịch vụ xe vận chuyển;

Dịch vụ quảng cáo;

### Tại các chi nhánh của Công ty

Hệ thống sản phẩm, dịch vụ của Công ty được phát triển thông qua các chi nhánh tại các địa phương: Thành phố Phú Quốc - Kiên Giang, Thành phố Cam Ranh - Khánh Hòa, Long An

## Địa bàn kinh doanh

SASCO hiện đang khai thác các hoạt động dịch vụ, thương mại, sản xuất tại các khu vực khác nhau như sau:

**Thành phố Hồ Chí Minh** Hoạt động kinh doanh của SASCO là diễn ra chủ yếu tại địa bàn chính là khu vực Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.

**Thành phố Cam Ranh** Dịch vụ phòng chờ thương gia tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh.

**Phú Quốc** Khu nghỉ dưỡng L'Azure Resort and Spa, dịch vụ Phú Quốc Bus tour, sản xuất nước mắm Phú Nhĩ.

**Long An** Sản xuất nước mắm truyền thống, kinh doanh xuất nhập khẩu.

## Hệ thống sản phẩm dịch vụ



### SASCO Duty Free Tân Sơn Nhất

Hệ thống cửa hàng miễn thuế SASCO Duty Free nằm trong khu cách ly ga Quốc tế - Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất. Với hơn 20 quầy hàng, 15 ngành hàng chủ lực, quy tụ hơn 15.000 sản phẩm đến từ 200 thương hiệu danh tiếng, SASCO Duty Free mang đến cho khách hàng những trải nghiệm mua sắm đẳng cấp quốc tế với giá cạnh tranh so với thị trường nội địa và những trung tâm miễn thuế tại các sân bay khắp thế giới.



### SASCO Shop

SASCO SHOP là hệ thống cửa hàng bán lẻ lớn nhất tại sân bay Tân Sơn Nhất, gây ấn tượng bởi không gian thiết kế vừa sang trọng, đẳng cấp, vừa tôn vinh nét đẹp văn hoá Việt Nam. Với hơn 30.000 sản phẩm mang đặc trưng của từng vùng miền trên cả nước, SASCO SHOP là lựa chọn hàng đầu cho những trải nghiệm mua sắm tiện ích, phong phú và chất lượng cao của khách hàng.





### SASCO Business Lounge

Hệ thống phòng chờ hạng thương gia SASCO Business Lounge gồm 2 phòng chờ thương gia tại Ga Quốc nội, 6 phòng chờ tại Ga Quốc tế, Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất và 2 phòng chờ thương gia tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh. Mỗi phòng chờ đều có phong cách và nét đặc sắc riêng, mang đến cho khách hàng những giây phút thư giãn hoàn hảo cùng những dịch vụ đẳng cấp theo tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt với sự ra đời của phòng chờ Jasmine - phòng chờ đầu tiên tại sân bay Việt Nam dành cho hành khách đạo Hồi, SASCO đã thêm một lần nữa đặt dấu ấn tiên phong về phát triển các dịch vụ thương mại sân bay hàng đầu Việt Nam.

### Hệ thống nhà hàng và cafe

Hệ thống nhà hàng và cafe của SASCO nằm ở Ga Quốc nội và Ga Quốc tế - sân bay Tân Sơn Nhất, giới thiệu đến du khách và bạn bè quốc tế những hương vị đặc sắc, món ngon độc đáo, chú trọng tinh hoa ẩm thực địa phương đồng thời cũng đáp ứng nhu cầu ăn nhanh, tiện lợi, mang đi của hành khách trẻ. Trong năm 2022, sự trở lại hoành tráng của nhà hàng The Phoenix được ví như một nét chấm phá mới trong hệ sinh thái vốn đã đặc sắc của SASCO, thổi bùng sức sống mới, góp phần điểm tô không gian ẩm thực thêm rực rỡ tại sân bay.





**SASCO Travel**

SASCO Travel là thành viên của PATA (Pacific Asia Travel Association). SASCO Travel tập trung khai thác các dịch vụ du lịch, hỗ trợ như đặt xe sân bay, đón tiễn ưu tiên... mang đến những trải nghiệm du lịch tối ưu, an toàn và hấp dẫn cho du khách. Với lợi thế đặc biệt kết nối giữa du lịch và hàng không, SASCO Travel được lựa chọn là người bạn đồng hành tin cậy của du khách trong mỗi chuyến bay.



**SASCO Inflight Services**

Với mong muốn mang đến những trải nghiệm ẩm thực tốt nhất cho hành khách trên các chuyến bay của đối tác hãng hàng không, dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không của Trung tâm dịch vụ chuyến bay SASCO ngày càng được hoàn thiện cả về chiều rộng và chiều sâu. SASCO không ngừng nâng cao chất lượng, đa dạng hoá thực đơn cho từng đối tượng hành khách; dịch vụ cung ứng chuyên nghiệp; đồng thời liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thế giới. Đến năm 2022, dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không SASCO đã đạt chứng nhận HACCP CODEX do tổ chức Bureau Veritas cấp, chứng nhận tuân thủ HALAL do MHCT (Malaysia Halal Consultation & Training Agency) cấp.



**L'Azure Resort and Spa Phú Quốc**

Tọa lạc tại vị trí trung tâm thị trấn Dương Đông, sở hữu hệ thống biệt thự hướng biển với tầm nhìn khoáng đạt, không gian trong lành, L'Azure Resort and Spa là điểm đến lý tưởng cho những chuyến nghỉ dưỡng của du khách. Sự kết hợp hài hoà giữa phong cách thiết kế mộc mạc, gần gũi với thiên nhiên cùng các dịch vụ đẳng cấp, sang trọng của L'Azure Resort and Spa đã chinh phục trái tim của hàng triệu du khách trong và ngoài nước, được khách hàng bình chọn Top đầu trên các chuyên trang du lịch, lưu trú uy tín như Agoda (9.2/10), Booking.com (9/10), Tripadvisor, My tour.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông,  
Hội đồng Quản trị,  
Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

## Cơ cấu bộ máy quản lý



# BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

## Hội đồng Quản trị



### Ông Nguyễn Hạnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Thành viên không điều hành

#### Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ trường Đại học Seattle - Hoa Kỳ.

#### Quá trình công tác

- » Ông từng giữ vị trí Giám đốc Tài chính tại Boeing Subcontractor - Seattle, Hoa Kỳ và Giám đốc điều hành Philippines Airlines - Indochina.
- » Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại và hàng không, hiện tại Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm sáng lập viên Tập đoàn Liên Thái Bình Dương (IPP Group) và giữ vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức như Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh, Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu, Công ty TNHH Thời Trang và Mỹ phẩm Châu Mỹ, Công ty TNHH Kinh doanh Miễn thuế Việt Nam...
- » Tháng 04/2016, Ông được bầu chọn làm thành viên Hội đồng Quản trị SASCO.
- » Từ ngày 20/04/2017 đến nay, Ông được bầu chọn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị SASCO.



### Bà Đoàn Thị Mai Hương

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Kiêm Tổng Giám đốc

#### Trình độ chuyên môn

Cử nhân luật kinh tế Đại học Tổng hợp Moscow - Nga, Cử nhân Anh văn Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

#### Quá trình công tác

- » Gia nhập SASCO từ ngày đầu thành lập, Bà là người góp phần quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản trị công ty, xây dựng và phát triển chiến lược kinh doanh, marketing và phát triển nguồn nhân lực SASCO.
- » Với hơn 30 năm kinh nghiệm, nắm giữ các chức vụ quản lý chủ chốt tại SASCO, Bà được bầu làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 - 19/04/2017.
- » Từ ngày 20/04/2017 đến nay, Bà giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.



### Ông Vũ Hoàng Long

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Thành viên không điều hành

#### Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ khoa học trường Đại học University of Central Lancashire - Anh, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học North Central University - Hoa Kỳ.

#### Quá trình công tác

- » Ông có hơn 19 năm kinh nghiệm và kinh qua các vị trí quản lý tại các Công ty lớn trong nước như Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Việt Nam (Vinacico), Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông 1 (TRICO), Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).
- » Hiện tại, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Liên Thái Bình Dương (IPPG) và thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (CRTC).
- » Ông được bầu chọn làm thành viên Hội đồng Quản trị SASCO từ ngày 30/06/2020 đến nay.



### Bà Lê Thị Diệu Thúy

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Thành viên không điều hành

#### Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh trường Đại học Lincoln - Hoa Kỳ, Kiến trúc sư Đại học Kiến trúc TP. HCM.

#### Quá trình công tác

- » Bà vào làm việc tại Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) từ tháng 01/2003 và kinh qua các vị trí quản lý cấp cao của ACV. Hiện bà đang giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị ACV.
- » Bà được bầu chọn làm Thành viên Hội đồng Quản trị SASCO từ ngày 30/06/2020 đến nay.



### Ông Lê Anh Tuấn

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Thành viên không điều hành  
(Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2022)

#### Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Điện tử - Viễn thông trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Cử nhân tiếng Anh trường ĐH Ngoại ngữ Hà Nội, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - chuyên ngành Tài chính Đại học Tự do Vương quốc Bỉ.

#### Quá trình công tác

- » Từ tháng 11/2001 - 12/2015: Ông làm việc tại Tổng công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- » Từ tháng 01/2016 - 03/2020: Ông làm việc tại Vụ Quản lý doanh nghiệp của Bộ Giao thông vận tải.
- » Từ tháng 04/2020, Ông công tác tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, hiện Ông đang giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Thư ký Công ty.
- » Từ ngày 31/03/2022, Ông được bầu chọn giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị SASCO.



## BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

### Ban Điều hành



**Bà Đoàn Thị Mai Hương**  
Tổng Giám đốc

Nội dung chi tiết vui lòng xem phần thông tin HĐQT

**Ông Nguyễn Văn Hùng Cường**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

- » Với hơn 32 năm kinh nghiệm công tác và cống hiến, Ông giữ nhiều trọng trách, chức vụ quan trọng trong lĩnh vực kế toán tài chính, quản trị và hoạch định chiến lược kinh doanh của SASCO.
- » Năm 2007, Ông đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng tại SASCO.
- » Từ năm 2015 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SASCO, phụ trách và chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh, tài chính kế toán và hoạt động đầu tư của Công ty.

**Bà Nguyễn Minh Ngọc**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn**  
Thạc sĩ quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác**

- » Gia nhập SASCO từ năm 2003, Bà có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển chất lượng, dịch vụ và thương hiệu sản phẩm của SASCO.
- » Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc SASCO từ năm 2016 đến nay, phụ trách và chịu trách nhiệm về các hoạt động phát triển thương hiệu, phát triển sản phẩm, dịch vụ và tổ chức nhân sự của Công ty.

**Bà Tôn Nữ Diệu Trí**  
Kế toán trưởng

**Trình độ chuyên môn**  
Cử nhân Tài chính kế toán

**Quá trình công tác**

- » Bà có hơn 25 năm kinh nghiệm về quản lý, tài chính kế toán.
- » Bà gia nhập SASCO vào năm 2005. Năm 2012, Bà giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán SASCO.
- » Từ cuối năm 2016 đến nay, Bà được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính kế toán SASCO.

### Ban Kiểm soát



**Ông Lưu Quốc Hoàng**  
Trưởng Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn**  
Cử nhân Tài chính kế toán

**Quá trình công tác**

- » Ông có hơn 30 năm đóng góp cho ngành Hàng không với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán nội bộ.
- » Ông từng giữ chức vụ Phó Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ - Chế độ chính sách, Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
- » Ông được bầu chọn giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát SASCO vào tháng 04/2016.
- » Từ tháng 03/2018 đến nay, Ông được bầu chọn giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty SASCO.



**Bà Trần Thị Thu Trang**  
Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn**  
Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

**Quá trình công tác**

- » Bà có hơn 15 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp và tổ chức kiểm toán nước ngoài như: Công ty Kiểm toán KPMG, Công ty Dầu khí Chevron, Công ty Pepsico Vietnam.
- » Từ tháng 04/2016 đến nay, Bà được bầu giữ chức Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty.



**Ông Chu Khánh Toàn**  
Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn**  
Thạc sĩ tài chính chuyên ngành tài chính doanh nghiệp Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác**

- » Ông hiện là Phó Trưởng Phòng Tài chính, Ban Tài chính kế toán của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
- » Từ tháng 03/2018 đến nay, ông được bầu giữ chức Thành viên Ban Kiểm Soát SASCO.

## CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

| Tên Công ty  | Vốn điều lệ     | Tỷ lệ sở hữu | Ngành nghề kinh doanh chính   | Địa chỉ  |
|--|-----------------|--------------|---|--|
| <b>Công ty CP Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất</b> | 149.376.730.000 | 38,03%       | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; kiểm tra và phân tích kỹ thuật dầu mỡ và các sản phẩm dầu mỡ; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; đại lý môi giới, đấu giá; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác cho ngành xăng dầu; cho thuê máy móc, thiết bị và các đồ dùng hữu hình khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; vận tải hàng hóa, đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ đóng gói. | Số 45, Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM                         |
| <b>Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt</b>         | 14.290.289.718  | 29,00%       | Kinh doanh nhà hàng, quán bar, dịch vụ nhà khách, phòng họp; trưng bày và trực tiếp bán buôn, bán lẻ các mặt hàng Việt Nam; xuất nhập khẩu, môi giới xuất nhập khẩu; xúc tiến thương mại và đầu tư; tổ chức hội chợ, triển lãm hàng hóa và dịch vụ Việt Nam.  | Leipziger Str.54, VH, EG 1 OG - 10117 Berlin, Cộng hòa liên bang Đức |
| <b>Công ty TNHH Phú Quốc - SASCO</b>               | 10.800.262.269  | 50,00%       | Chế biến thủy hải sản, khai thác hải sản, kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua bán đồ gia dụng khác (hàng lưu niệm), đi du thuyền.   | Số 47, Nguyễn Huệ, KP5, Dương Đông, TP. Phú Quốc                     |
| <b>Công ty CP Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh</b>  | 2.000.000.000   | 20,00%       | Dịch vụ phục vụ đồ uống   | 415B Hoàng Văn Thụ, P.02, Q. Tân Bình, TP. HCM                       |
| <b>Công ty CP Phát triển Vườn Xanh</b>             | 1.200.000.000   | 24,00%       | Dịch vụ chăm sóc, bảo dưỡng vườn cảnh, hòn non bộ, công viên, cây xanh; Mua bán hóa, hạt giống cá cảnh; Mua bán thiết bị, dụng cụ, máy móc ngành công nghiệp, ngành xây dựng, ngành nông nghiệp, nuôi trồng; Trồng trọt, chăn nuôi; Thiết kế, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; San lấp mặt bằng; Bán lẻ thực phẩm các cửa hàng chuyên doanh; vận tải hàng hóa bằng ô tô...   | Số 45, Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM                         |

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

SASCO kiên định mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tăng trưởng kinh doanh gắn liền phát triển con người, thực thi trách nhiệm xã hội; cạnh tranh lành mạnh để thúc đẩy tiến bộ xã hội, vì sự phát triển của cộng đồng. Theo đó, định hướng phát triển của Công ty:



### KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

Là nhà cung cấp dịch vụ phi hàng không chất lượng cao, SASCO lấy sự hài lòng về dịch vụ khách hàng làm trung tâm của mọi hoạt động, từ đó tạo giá trị gia tăng cho đối tác khách hàng.



### ĐẦU TƯ NGUỒN NHÂN LỰC

Xây dựng nguồn nhân lực hạnh phúc, luôn tạo mọi điều kiện để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực, gắn kết trong một môi trường làm việc chuyên nghiệp, lý tưởng, tôn trọng bản sắc cá nhân trong một tập thể lớn.



### XÂY DỰNG HỆ THỐNG

Xây dựng hệ thống Quản trị công ty theo các chuẩn mực hiện đại, phát triển bền vững trên cơ sở nền tảng đảm bảo an toàn tài chính, hoạt động kinh doanh lành mạnh và minh bạch.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### Về hoạt động kinh doanh

- » Tăng cường thực hiện đa dạng hóa hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ của Công ty theo tiêu chuẩn quốc tế; không ngừng cải tiến mô hình kinh doanh; đầu tư cải thiện hệ thống cơ sở vật chất cùng những chính sách cạnh tranh khác biệt hoá nhằm gia tăng các tiện ích, đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của khách hàng.
- » Nâng cao năng lực sản xuất, thực hiện kiểm soát chặt chi phí hoạt động, tăng cường công tác tiết kiệm chi phí trên toàn hệ thống từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

### Ứng dụng khoa học công nghệ 4.0

Thúc đẩy các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ 4.0 vào vận hành, quản trị doanh nghiệp như triển khai hệ thống ERP trong toàn bộ Công ty; tăng cường xu hướng mua sắm trực tuyến, phát triển các ứng dụng mua sắm, các hình thức thanh toán thương mại điện tử để tiết kiệm thời gian và tối ưu hóa trải nghiệm cho khách hàng.

### Hướng đến dịch vụ xanh, chuyển đổi xanh

Tính bền vững là một trong những mối quan tâm hàng đầu của khách hàng khi mua sắm, SASCO tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ trong xu hướng tiêu dùng của doanh nghiệp, thực hiện đầu tư có trách nhiệm, góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường, chung tay hành động vì một Trái đất xanh hơn, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn.

### Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

#### Mục tiêu phát triển bền vững

Phát triển bền vững là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt mọi hoạt động của SASCO, gắn kết tăng trưởng kinh doanh, phát huy nguồn lực, thực thi trách nhiệm xã hội hòa hợp vào xu hướng phát triển chung của quốc tế tạo tương lai bền vững và thịnh vượng.

#### Chính sách phát triển bền vững trung và dài hạn



#### KINH TẾ

Giữ vững mục tiêu phát triển hiệu quả gắn liền với phát triển bền vững, gia tăng lợi ích cho các bên liên quan và đồng hành bền vững cùng cộng đồng, xã hội.



#### MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục đầu tư và hành động có chiều sâu trong sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường. Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, không để xảy ra sự cố liên quan đến môi trường hay vi phạm pháp luật về môi trường dẫn đến bị xử phạt.



#### CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Thực hiện trách nhiệm xã hội và hợp tác tạo ra giá trị chung bằng cách mang lại việc làm bền vững cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế. Tích cực tổ chức, chủ động tham gia các hoạt động thiện nguyện đưa SASCO đến gần hơn với cộng đồng và lan tỏa những thông điệp nhân văn, truyền cảm hứng về hành trình bền vững.



## CHƯƠNG 02

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

|   |    |
|---|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 44 |
| Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc  | 55 |
| Báo cáo của Hội đồng quản trị           | 60 |

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Bối cảnh chung

### Tình hình vĩ mô

Năm 2022 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế toàn cầu. Cạnh tranh chính trị, xung đột vũ trang, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát cao, tăng trưởng thấp, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng kéo dài,... đã tác động mạnh đến doanh nghiệp và đời sống. Thị trường tài chính, tiền tệ, vấn đề an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu đối diện nhiều thử thách.

Việt Nam được đánh giá là một trong những điểm sáng kinh tế trong khu vực. Moody's đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ mức Ba3 lên mức Ba2. Fitch xếp Việt Nam ở hạng BB và triển vọng tích cực. Nikkei Asia đánh giá Việt Nam dẫn đầu khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 8 thế giới về đà phục hồi sau đại dịch Covid-19. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2022 tăng 3,15% so với cùng kỳ năm 2021. Trong năm, chỉ số này được giữ ổn định trong khoảng dưới 3% trong 9 tháng đầu năm và bắt đầu tăng mạnh từ Q4 lên 4,41%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 đạt 5.678 nghìn tỷ đồng, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng thì tổng mức bán lẻ tăng 15,6%. Quy mô tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chỉ đạt 82,5% quy mô trong điều kiện bình thường trước khi xảy ra dịch Covid-19.



## Hoạt động ngành hàng không và tình hình thị trường của Công ty

### Hoạt động ngành hàng không

Tổng hành khách đi và đến năm 2022 đạt 99 triệu lượt, dù tăng 229% so với cùng kỳ nhưng so với năm 2019 tổng lượng khách giảm 15%. Khách quốc tế đến Việt Nam bằng đường hàng không năm 2022 đạt 3,3 triệu lượt, gấp 29 lần so với năm 2021 nhưng vẫn giảm 77% so với năm 2019.



#### Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

Tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất sản lượng hành khách đi và đến năm 2022 đạt 34 triệu lượt, tăng 233% so với cùng kỳ (10 triệu lượt), chỉ bằng 83% so với năm 2019 (41 triệu lượt).

Trong đó, lượng khách quốc tế đi và đến là 6,2 triệu lượt, dù tăng rất cao so với cùng kỳ (191 nghìn lượt), nhưng chỉ bằng 40% so với 2019 (15,6 triệu lượt); lượng khách nội địa đi và đến là 28 triệu lượt, tăng 178% so với cùng kỳ (10,1 triệu lượt), đặc biệt tăng 10% so với 2019 (25,6 triệu lượt).

#### Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc

Tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc, sản lượng hành khách đi và đến đạt 5,5 triệu lượt, tăng 245% so với cùng kỳ và tăng 50% so với năm 2019 (3,7 triệu lượt).

Trong đó, lượng khách quốc tế đi và đến là 140 nghìn lượt, tăng mạnh so với 2021 (900 lượt khách) nhưng chỉ bằng 21% so với 2019 (668 nghìn lượt), trong khi lượng khách nội địa đi và đến là 5,4 triệu lượt, tăng 78% so với thời kỳ trước dịch 2019 (3 triệu lượt).

#### Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh

Tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, sản lượng hành khách đi và đến đạt 3,8 triệu lượt, tăng 265% so với cùng kỳ (1,1 triệu lượt) và chỉ bằng 40% so với năm 2019 (9,8 triệu lượt).

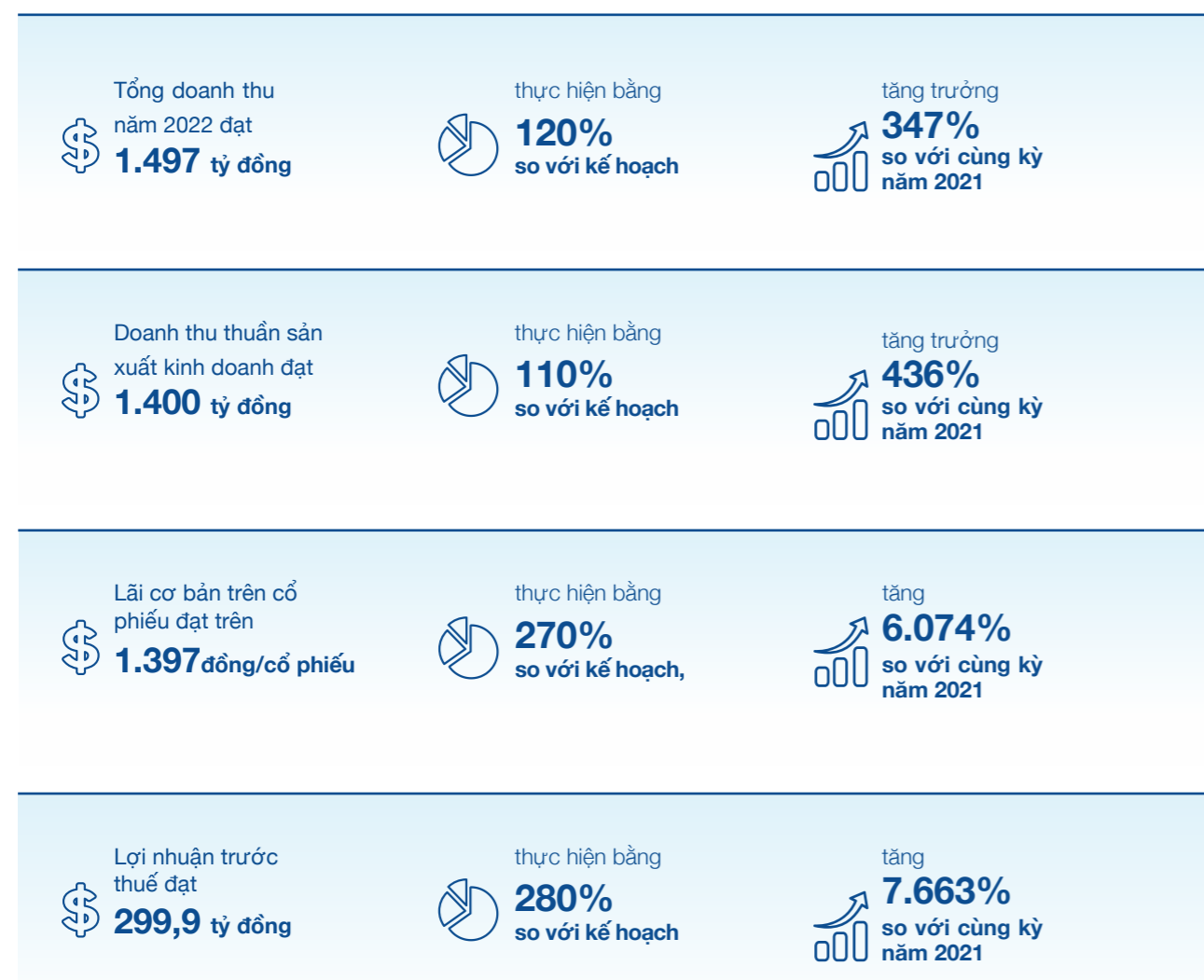
Trong đó, lượng khách quốc tế đi và đến là 335 nghìn lượt, chỉ bằng 5% so với 2019 (6,5 triệu lượt).

## Tình hình hoạt động Công ty

Vượt qua giai đoạn 2020-2021 với khó khăn thách thức chưa từng có do tác động đại dịch Covid-19, bước sang năm 2022, ngành hàng không nói chung và thị trường của Công ty nói riêng tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thách thức không nhỏ do tác động hậu Covid, xung đột giữa Nga - Ukraine, chính sách Zero Covid của Trung Quốc. Thị trường và khách hàng trọng điểm của Công ty bị gián đoạn, các thay đổi hành vi trong chi tiêu của khách hàng tác động mạnh đến hoạt động SXKD của Công ty. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Công ty ngay tại thị trường truyền thống cũng ngày càng gia tăng.

Trước bối cảnh đó, SASCO tận dụng tối đa đà phục hồi của ngành hàng không và du lịch, biến thách thức thành cơ hội, bước đi tiên phong trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, SASCO đã tạo ra hành trình cho riêng mình và đạt được những thành công nhất định.

### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



Lợi nhuận của Công ty tăng cao do hoạt động kinh doanh tại nhà ga Tân Sơn Nhất đã dần phục hồi, so với cùng kỳ năm trước sản lượng hành khách đi và đến tại nhà ga quốc nội và quốc tế đều tăng mạnh.

## Tổ chức và nhân sự

### Ban Điều hành Công ty

Danh sách thành viên Ban Điều hành Công ty

| STT | Thành viên Ban Điều hành  | Chức vụ hiện tại            | Chức vụ tại tổ chức khác  | Số cổ phiếu đại diện/sở hữu | Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ vốn điều lệ | Ghi chú  |
|-----|---------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--|
| 1   | Bà Đoàn Thị Mai Hương     | TV HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc | Chủ tịch HĐQT Cty Cổ phần Thương mại Xăng dầu TSN   | 18.687.383                  | 206.100                     | 14,15%                                     | Đại diện quản lý 18.687.383 cổ phiếu của Tổng Cty Cảng HKVN - CTCP tại SASCO |
| 2   | Ông Nguyễn Văn Hùng Cường | Phó Tổng Giám đốc           | TV HĐQT Cty CP Dịch vụ Hàng hóa TSN, TV HĐQT Cty CP Suất ăn Nội Bài   | 0                           | 154.100                     | 0,1154%                                    |  |
| 3   | Bà Nguyễn Minh Ngọc       | Phó Tổng Giám đốc           | Không   | 0                           | 119.000                     | 0,0892%                                    |  |
| 4   | Bà Tôn Nữ Diệu Trí        | Kế toán trưởng              | TV BKS Cty CP Thương mại Xăng dầu TSN, TV BKS Cty CP Dịch vụ Hàng hóa TSN, TV BKS Cty CP Phát triển Vườn Xanh | 0                           | 117.900                     | 0,0883%                                    |  |

### Những thay đổi trong Ban Điều hành

Không có.

**Báo cáo nhân sự 2022****Số lượng cán bộ, nhân viên**

Tính đến thời điểm tháng 31/12/2022, tổng số nhân sự của SASCO là 973 người. Số lượng nhân sự tuyển mới đạt 325 người, trong đó có nhiều nhân sự chất lượng cao, trẻ, giữ vị trí quan trọng tại Công ty. Cơ cấu nhân sự của Công ty như sau:

| I. Phân theo thời hạn hợp đồng lao động   | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|------------------|-----------|
| Biên chế                                  | 1                | 0,10      |
| Hợp đồng lao động không xác định thời hạn | 539              | 55,40     |
| Hợp đồng xác định không quá 36 tháng      | 386              | 39,67     |
| Thử việc                                  | 47               | 4,83      |
| II. Phân theo đơn vị                      | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
| Khối cơ quan Công ty                      | 105              | 10,79     |
| Chi nhánh Khánh Hòa                       | 10               | 1,03      |
| Văn phòng đại diện SASCO tại Hà Nội       | 2                | 0,21      |
| Phòng Kinh doanh hàng Miễn thuế           | 163              | 16,75     |
| Chi nhánh Long An                         | 10               | 1,03      |
| Chi nhánh Phú Quốc                        | 86               | 8,84      |
| Trung Tâm Thương mại SASCO TSN            | 353              | 36,28     |
| Phòng kinh doanh Dịch vụ Phòng chờ        | 115              | 11,82     |
| Trung tâm dịch vụ chuyển bay              | 129              | 13,26     |

| III. Phân theo cấp công việc | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------|------------------|-----------|
| Nhân viên                    | 949              | 97,53     |
| Quản lý cấp trung và cơ sở   | 19               | 1,95      |
| Quản lý cấp cao              | 5                | 0,51      |
| IV. Phân theo giới tính      | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
| Nam                          | 456              | 46,87     |
| Nữ                           | 517              | 53,13     |
| V. Phân theo độ tuổi         | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
| Trên 55                      | 32               | 3,29      |
| 50 - 55                      | 84               | 8,63      |
| 40 - 49                      | 198              | 20,35     |
| 30 - 39                      | 329              | 33,81     |
| Dưới 30                      | 330              | 33,92     |



## Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động



Đa dạng, bình đẳng, hòa nhập là một trong những một chính sách nhân sự tiến bộ của SASCO nhằm thích ứng với những vận động xã hội và môi trường kinh doanh hiện tại. SASCO chú trọng tập trung đa dạng hóa, tạo nên các cơ hội bình đẳng cho toàn thể CBCNV không phân biệt giới tính, độ tuổi, chủng tộc hoặc văn hóa; đề cao sự tôn trọng cá nhân, xây dựng môi trường làm việc năng động, hòa nhập - nơi CBCNV có thể tận tâm cống hiến và phát huy tối đa tiềm lực của bản thân. Các chính sách kinh doanh, quản trị của Công ty hướng đến trọng tâm phát triển nguồn nhân lực hạnh phúc, trong đó mỗi cá nhân hướng tới các giá trị đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội và cộng đồng.



SASCO cũng là thương hiệu tiên phong đồng hành với sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, thúc đẩy bình đẳng giới. Năm 2018 SASCO chính thức trở thành đơn vị đầu tiên tại Việt Nam vinh dự được cấp chứng chỉ Bình đẳng giới EDGE cấp độ 2 theo các tiêu chuẩn toàn cầu. Năm 2022, SASCO tiếp tục được Hội đồng doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam vinh danh TOP 5 Doanh nghiệp thực hiện nâng cao quyền năng phụ nữ và bình đẳng giới tại nơi làm việc, khẳng định nỗ lực phát triển nguồn nhân lực bền vững thông qua việc thúc đẩy quyền năng kinh tế của phụ nữ tại Công ty.



SASCO tuân thủ việc chi trả tiền lương, tiền thưởng, tiền làm thêm giờ, các khoản phụ cấp khác theo đúng quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty; thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; đồng thời tích cực triển khai các chương trình phúc lợi, các hoạt động chăm lo, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.



Năm 2022, thu nhập bình quân của NLD đạt 20,6 triệu đồng/người, tăng 20 % so với năm 2021.

## Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án



Năm 2022, Công ty tập trung cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tại các điểm kinh doanh, và triển khai các mô hình kinh doanh mới để gia tăng trải nghiệm khách hàng.

Đối với các dự án đầu tư, Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng, xây dựng hàng rào bảo vệ đất, rà phá bom mìn, thuê các tổ chức nghiên cứu thị trường, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/khả thi và nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để triển khai thực hiện các dự án.



## Tình hình tài chính

| STT | Chỉ tiêu tài chính                       | Năm 2021<br>(tỷ đồng) | Năm 2022<br>(tỷ đồng) | So sánh<br>(%) |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|----------------|
| 1   | <b>Tổng giá trị tài sản</b>              | 1.551                 | 2.044                 | 132%           |
| 2   | <b>Doanh thu thuần</b>                   | 321                   | 1.400                 | 436%           |
| 3   | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> | 0,6                   | 224                   | 37.333%        |
| 4   | <b>Lợi nhuận khác</b>                    | 2                     | 5                     | 250,0%         |
| 5   | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>              | 3                     | 229,9                 | 7.663%         |
| 6   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                | 3                     | 210                   | 7.000%         |
| 7   | <b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</b>        | 0,23%                 | 13,97%                | +13,74%        |

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT      | Chỉ tiêu   | ĐVT  | Năm 2021 | Năm 2022 |
|----------|--|------|----------|----------|
| <b>1</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                   |      |          |          |
|          | Hệ số thanh toán ngắn hạn                                | Lần  | 5,88     | 2,33     |
|          | Hệ số thanh toán nhanh                                   | Lần  | 5,66     | 1,84     |
| <b>2</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                            |      |          |          |
|          | Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản                           | Lần  | 0,08     | 0,25     |
|          | Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu                         | Lần  | 0,09     | 0,34     |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                    |      |          |          |
|          | Vòng quay hàng tồn kho                                   | Vòng | 3,11     | 5,24     |
|          | Vòng quay tổng tài sản                                   | Lần  | 0,23     | 0,91     |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                     |      |          |          |
|          | Hệ số LNST/Doanh thu thuần                               | %    | 1,0      | 15,0     |
|          | Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)                          | %    | 0,2      | 13,8     |
|          | Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)                            | %    | 0,2      | 10,3     |
|          | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | %    | 0,2      | 16,0     |

## Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## Thông tin cổ phiếu tại ngày 31/12/2022

|  |                        |
|--|------------------------|
| <b>Mệnh giá cổ phiếu:</b>                      | 10.000 đồng/ cổ phiếu  |
| <b>Tổng giá trị cổ phần:</b>                   | 1.334.813.100.000 đồng |
| <b>Loại cổ phần đang lưu hành:</b>             | Cổ phần phổ thông      |
| <b>Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:</b>   | 133.481.310 cổ phần    |
| <b>Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:</b> | 0 cổ phần              |

## Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

| STT      | Cổ đông                                     | Số lượng cổ phiếu  | Tỷ lệ sở hữu | Cơ cấu cổ đông |             |
|----------|---|--------------------|--------------|----------------|-------------|
|          |   |                    |              | Tổ chức        | Cá nhân     |
| <b>1</b> | <b>Cổ đông nhà nước</b>                     | 65.504.200         | 49,07%       | 1              | 0           |
| <b>2</b> | <b>Cổ đông sở hữu 2,5% cổ phiếu trở lên</b> |                    |              |                |             |
|          | - Trong nước                                | 60.453.600         | 45,29%       | 3              | 0           |
|          | - Ngoài nước                                | -                  | -            | 0              | 0           |
| <b>3</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>                         | 29.400             | 0,02%        | 1              | 0           |
| <b>4</b> | <b>Cổ đông khác</b>                         | 7.494.110          | 5,61%        | 14             | 1105        |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b>133.481.310</b> | <b>100%</b>  | <b>19</b>      | <b>1105</b> |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Tình hình thay đổi vốn góp của chủ sở hữu

Trong năm, tổng vốn điều lệ Công ty không có biến động. Tại ngày 31/12/2022, cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu như sau:

| STT | Vốn góp của Chủ sở hữu                     | Giá trị              | Tỷ lệ          |
|-----|--|----------------------|----------------|
| 1   | Tổng Công ty Cảng Hàng không VN - CTCP     | 655.042.000          | 49,07%         |
| 2   | Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương      | 333.402.000          | 24,98%         |
| 3   | Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh | 65.750.000           | 4,93%          |
| 4   | Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu | 205.384.000          | 15,39%         |
| 5   | Các Cổ đông khác                           | 74.941.100           | 5,61%          |
| 6   | Cổ phiếu quỹ                               | 294.000              | 0,02%          |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                           | <b>1.334.813.100</b> | <b>100,00%</b> |

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

### Các chứng khoán khác

Năm 2022, Công ty không thực hiện việc phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.



### Tình hình tài chính

#### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ứng biến với những tác động kinh tế vĩ mô và khó khăn của thị trường mục tiêu, với tâm thế vững vàng cùng nền tảng sẵn có về tài chính, nhân lực, quản trị, SASCO đã hoàn thành xuất sắc, vượt mức ấn tượng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022. Cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2022 đạt 1.497 tỷ đồng, bằng 112% so với kế hoạch, tăng trưởng 247% so với cùng kỳ năm 2021.
- Doanh thu thuần sản xuất kinh doanh đạt 1.400 tỷ đồng, bằng 110% so với kế hoạch, tăng trưởng 336% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 229,9 tỷ đồng, bằng 280% so với kế hoạch, tăng 226,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận của Công ty tăng cao do hoạt động kinh doanh tại nhà ga Tân Sơn Nhất đã dần phục hồi, so với cùng kỳ năm trước sản lượng hành khách đi và đến tại nhà ga quốc nội và quốc tế đều tăng mạnh.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt trên 1.397 đồng/cổ phiếu, bằng 270% so với kế hoạch, tăng 1.374 đồng/cổ phiếu so với cùng kỳ năm 2021.

**Hoạt động đầu tư**

Năm 2022, Công ty tập trung cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tại các điểm kinh doanh, và triển khai các mô hình kinh doanh mới để gia tăng trải nghiệm khách hàng.

Đối với các dự án đầu tư, Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng, xây dựng hàng rào bảo vệ đất, rà phá bom mìn, thuê các tổ chức nghiên cứu thị trường, báo cáo nghiên cứu tiến khả thi/khả thi và nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để triển khai thực hiện các dự án.

**Phát triển nguồn nhân lực**

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường và văn hóa làm việc đa dạng, bình đẳng và dung hợp. Lực lượng lao động của Công ty đa dạng về lứa tuổi, giới tính, dân tộc, tôn giáo và trình độ chuyên môn. Tất cả các chính sách lao động đều hướng đến mục tiêu gia tăng gắn kết và phát triển con người. Trong năm 2022, thu nhập bình quân của NLD đạt 20,6 triệu đồng/người, tăng 20% so với năm 2021.

**Nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng**

Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động nghiên cứu hành vi tiêu dùng, tìm hiểu nhu cầu của hành khách sau dịch bệnh, đánh giá trải nghiệm, không ngừng cải tiến chất lượng, ra mắt những sản phẩm dịch vụ mới với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm. Cụ thể:

- » Khai trương SASCO Shop flagship thứ hai (Ga Quốc tế) sau thành công của SASCO Shop Flagship đầu tiên tại Ga Quốc nội cuối năm 2021.
- » Ra mắt Phòng chờ thương gia Jasmine tại Ga đi Quốc tế, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất - phòng chờ đầu tiên tại sân bay Việt Nam đạt chứng nhận Halal của Malaysia MS1500-2019 phục vụ hành khách Hồi giáo.
- » Mở cửa trở lại Nhà hàng The Phoenix theo phong cách Bistro hoàn toàn mới – nơi hành khách có thể thưởng thức ẩm thực tại sân bay trong một không gian yên tĩnh, sang trọng và hiện đại.
- » Các chương trình xúc tiến quảng bá hàng Việt Nam chất lượng cao, nét đẹp ẩm thực Phở tại sân bay quốc tế với sự kiện “Bay cùng Phở Việt”.

**Triển khai dự án chuyển đổi số**

Năm 2022, SASCO bắt đầu chuyển đổi số toàn bộ các hoạt động kinh doanh và các quy trình quản trị của Công ty, đồng thời tiến hành song song kiện toàn và nâng cấp các hệ thống quản lý phù hợp với giai đoạn mới của thị trường. Bên cạnh việc ứng dụng công nghệ số, hệ thống đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng cũng được SASCO xây dựng và phát triển tương ứng nhằm đảm bảo các hệ thống quản trị doanh nghiệp thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng, dữ liệu sẵn sàng, chính xác và tin cậy.

**Trách nhiệm với cộng đồng xã hội**

Công ty SASCO kiên định theo định hướng phát triển bền vững, hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp và cộng đồng xã hội. Trong năm 2022, Công ty đã xây dựng và triển khai công tác đền ơn đáp nghĩa, cộng đồng xã hội, chăm lo cho các mầm xanh và các hoạt động bảo vệ môi trường phát triển bền vững như: Ngày hội trồng cây “Green day-Green life” trồng 3.000 cây xanh, tiếp nối chuỗi hoạt động bảo vệ môi trường liên tục thực hiện các năm qua tại các tỉnh thành; chương trình “Nâng bước em đến trường” tại TP. Đà Lạt, chương trình “Uơm những mầm xanh” tại các tỉnh Quảng Nam và Huế, Học bổng “Cùng con đi tiếp cuộc đời” giúp các em mồ côi trong đại dịch Covid-19, Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, chăm lo các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo khó khăn nhân dịp Tết Nhâm Dần; ủng hộ Quỹ Vì người nghèo Trung Ương - An sinh Xã hội, ...

Tổng kinh phí thực hiện các hoạt động cộng đồng xã hội năm 2022 là 959 triệu đồng.

**Thành tích đạt được năm 2022**

Năm 2022, SASCO tiếp tục được các cơ quan, tổ chức uy tín trong và ngoài nước, khách hàng sử dụng dịch vụ đánh giá cao và vinh danh các giải thưởng như:

- Lần thứ 4 liên tiếp được được gắn biểu trưng Thương hiệu Quốc gia (Vietnam Value)
- Năm thứ 7 liên tiếp, TOP 10 phát triển bền vững tại Việt Nam và là 1 trong 5 Doanh nghiệp Việt Nam thực hiện tốt nhất việc thúc đẩy quyền năng phụ nữ và bình đẳng giới tại nơi làm việc do Hội đồng doanh nghiệp Phát triển bền vững Việt Nam chứng nhận
- SASCO tiếp tục vào TOP 10 bán lẻ uy tín nhất Việt Nam do Vietnam Report bình chọn.
- L’Azure Resort & Spa Phu Quoc đạt nhiều giải thưởng uy tín do khách hàng bình chọn trên các nền tảng đặt phòng hàng đầu: giải thưởng Agoda (9.2/10); Booking.com (9/10), Tripadvisor; My tour
- Top 50 Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn - Khởi Doanh nghiệp Việt 2022

## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản và nguồn vốn

#### Tình hình tài sản

| Cơ cấu tài sản      | 2022              |              | 2021              |              |
|---------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
|                     | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Tài sản ngắn hạn    | 1.204             | 59%          | 763,5             | 49%          |
| Tài sản dài hạn     | 840               | 41%          | 787,5             | 51%          |
| <b>Cộng tài sản</b> | <b>2.044</b>      | <b>100%</b>  | <b>1.551</b>      | <b>100%</b>  |

Tổng tài sản của SASCO tại thời điểm 31/12/2022 là 2.044 tỷ đồng, tăng 32% so với năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 1.204 tỷ, tăng 58% (chủ yếu do tiền & tương đương tiền tăng 36%; tài sản dài hạn là 840 tỷ, tăng 7% chủ yếu do tăng tài sản cố định.

Cơ cấu tài sản vào ngày 31/12/2022 phù hợp với mô hình kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại. Theo đó, tài sản ngắn hạn chiếm 59% tổng tài sản; trong đó: tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 10% trên tổng tài sản, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 10%, hàng tồn kho là 12%.

Các chỉ số thanh toán luôn được duy trì ở mức an toàn, trong đó hệ số thanh toán ngắn hạn là 2,33 lần và hệ số thanh toán nhanh là 1,25 lần.

#### Tình hình nguồn vốn

| Cơ cấu nguồn vốn      | 2022              |              | 2021              |              |
|-----------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
|                       | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nợ phải trả           | 518               | 25%          | 130               | 8%           |
| Vốn chủ sở hữu        | 1.526             | 75%          | 1.421             | 92%          |
| <b>Cộng nguồn vốn</b> | <b>2.044</b>      | <b>100%</b>  | <b>1.551</b>      | <b>100%</b>  |

Tổng nguồn vốn của SASCO tại thời điểm 31/12/2022 là 2.044 tỷ đồng, tăng 32% so với năm trước nhờ có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cơ cấu nguồn vốn có vốn chủ sở hữu chiếm 75% tổng nguồn vốn, nợ phải trả chiếm 25%. Tỷ lệ sử dụng đòn bẩy (D/E) ở mức 0,34 lần là mức tương đối thấp so với các doanh nghiệp thương mại.

### Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả của SASCO tại thời điểm 31/12/2022 là 518 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn.

Cơ cấu tài chính của Công ty được giữ ở trạng thái cân bằng khi tài sản ngắn hạn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn. Các khoản tài chính dài hạn (tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn) đều được tài trợ bởi nguồn vốn dài hạn, ổn định từ vốn chủ sở hữu, nhờ vậy rủi ro tài chính được hạn chế tối đa và an ninh tài chính được giữ vững.

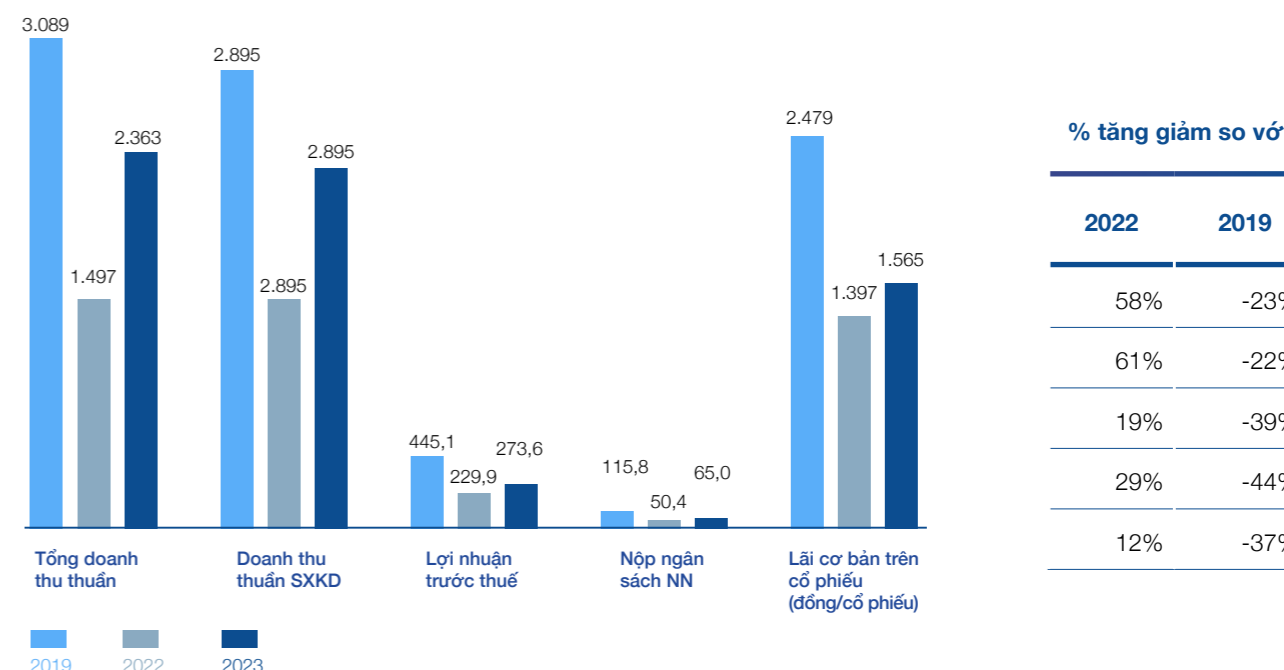
### Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự báo năm 2023, kinh tế thế giới vẫn đang đối mặt với các bất ổn từ xung đột chính trị, các rủi ro của thị trường tài chính toàn cầu. Hầu hết các dự báo cho năm 2023 đều đánh giá rằng kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng chậm lại, bao gồm cả các nước trong khu vực, mặc dù vậy Việt Nam vẫn được xem là một trong những điểm sáng về tiềm năng phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, khủng hoảng dịch bệnh Covid đã giảm tác động đối với ngành hàng không và du lịch. Chúng tôi kỳ vọng sự tăng trưởng của hành khách quốc tế sẽ khởi sắc từ cuối Quý 2 năm 2023, mang lại khả năng phục hồi mạnh mẽ của thị trường so với thời gian trước dịch.

Căn cứ vào kế hoạch sản lượng hành khách tạm ước tính của ACV, sản lượng hành khách đi và đến ước tính là 39 triệu lượt, đạt 95% so với năm 2019. Thị trường quốc tế trong bối cảnh sẽ mở cửa lại hầu hết các thị trường thì ước tính đạt được 84% sản lượng so với 2019, tương ứng 6,7 triệu lượt khách đi và 6,3 triệu lượt khách đến. Thị trường nội địa dự kiến hồi phục hoàn toàn, với ước tính 13,2 triệu lượt khách đi và 12,9 triệu lượt khách đến.

Năm 2023, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty tại nhà ga quốc tế và quốc nội được khôi phục, trong đó sẽ tập trung đổi mới và phát triển các loại hình mang lại hiệu quả cao.

Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:



(\*) Chi phí hợp tác kinh doanh và khai thác mặt bằng năm Kế hoạch được ước tính theo tỷ lệ và mức hợp tác kinh doanh năm 2022.

Trong trường hợp tình hình thị trường thay đổi do bị ảnh hưởng bởi các trường hợp bất khả kháng từ các bất ổn kinh tế, chính trị trên thế giới làm ảnh hưởng đến hoạt động ngành, và/hoặc thay đổi về chi phí hợp tác kinh doanh và khai thác mặt bằng theo chính sách năm 2023 của Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, Công ty trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty được quyết định việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 phù hợp với tình hình thực tế.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, SASCO đã đẩy mạnh toàn diện hoạt động SXKD, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư cơ sở vật chất, gia tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Kết quả, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 280% kế hoạch được giao.

Bên cạnh đó, SASCO đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, tổ chức nhiều chương trình từ thiện, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nuôi dưỡng các giá trị nhân văn, góp phần phát triển cộng đồng bền vững. Tổng kinh phí thực hiện các hoạt động cộng đồng xã hội năm 2022 của Công ty là hơn 959 triệu đồng.



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

### Phương pháp giám sát

HDQT đã giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HDQT ban hành trong năm 2022 của Tổng Giám đốc bằng các phương pháp như sau:

Nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt, theo sát tiến độ thực hiện sản xuất kinh doanh, đồng thời đóng góp ý kiến và đề xuất giải pháp trực tiếp cho những vấn đề còn vướng mắc.

Thông qua các cuộc họp HDQT hàng quý và khi có nhu cầu, HDQT nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, xem xét tờ trình của Tổng Giám đốc và thực hiện trao đổi, chất vấn Tổng Giám đốc về hoạt động SXKD. HDQT cùng bàn bạc với Ban Tổng Giám đốc để tìm ra giải pháp tốt nhất cho các vấn đề phát sinh cũng như phân tích và đo lường các rủi ro.

Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, với tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông, để nắm bắt thực tế việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. HDQT tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát một cách cởi mở, từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành.

Trong năm 2022, HDQT đã ban hành 33 Nghị Quyết và 31 Quyết định.

### Kết quả giám sát

Năm 2022, kinh tế phục hồi mạnh mẽ sau thời gian giãn cách do dịch bệnh Covid-19. HDQT đánh giá cao Ban điều hành trong việc linh hoạt linh hoạt đổi mới phương án kinh doanh phù hợp với thói quen của người tiêu dùng sau dịch bệnh. Ban điều hành đã nỗ lực đưa Công ty nhanh chóng quay lại thị trường, thích ứng và phát triển mạnh mẽ, đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022. Với một tinh thần quyết liệt không ngại khó khăn để duy trì hoạt động kinh doanh của SASCO trước sự biến động và bất ổn của nền kinh tế.

### Kết luận

Căn cứ Điều lệ, những quy chế quản trị và quy định đã ban hành, HDQT đã phân cấp cho Ban Tổng Giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và chương trình hoạt động của HDQT và ĐHĐCĐ giao cho. Đồng thời, HDQT bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và kịp thời xem xét để xử lý các phát sinh ngoài kế hoạch cũng như quyết định những nội dung vượt phân cấp của Ban Tổng Giám đốc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HDQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HDQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.



## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu mốc son kỷ niệm 30 năm thành lập và phát triển của Công ty SASCO. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen.

Dự báo năm 2023, nền kinh tế toàn cầu sẽ phát triển chậm lại, các vấn đề lạm phát, chiến tranh, địa chính trị,... vẫn còn nhiều phức tạp. Việt Nam được ước tính là một trong những nước có điểm sáng kinh tế, nhưng vẫn không nằm ngoài sự tác động của kinh tế toàn cầu.

Theo kế hoạch sản lượng tạm ước của ACV, Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất sẽ đón 39 triệu lượt khách đi và đến trong năm 2023, trong đó dự báo thị trường nội địa sẽ phục hồi hoàn toàn và thị trường quốc tế sẽ từng bước mở cửa lại hầu hết các nước như trước dịch.

Với tình hình trên, để kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023 được triển khai hiệu quả và thành công, Hội đồng Quản trị Công ty định hướng chiến lược như sau:

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh khôi phục phát triển kinh doanh trong điều kiện thích ứng an toàn với dịch bệnh; khai thác triệt để, tối ưu hoá các nguồn lực, đảm bảo giữ vững thị trường truyền thống sân bay Tân Sơn Nhất, đón đầu cơ hội phát triển tại nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành.

Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số toàn diện song song với việc nâng cấp hạ tầng công nghệ nhằm tăng tính hiệu quả trong công tác quản trị, quản lý, liên thông thông tin, chia sẻ dữ liệu, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh, nâng cao tối đa năng suất, hiệu suất kinh doanh.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, mô thức quản trị. Quản lý, vận hành công ty theo hướng giảm tải tính tập trung - tăng tính trao quyền và mở rộng độ linh hoạt.

Duy trì, kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, nhân văn và gắn kết.

Tập trung nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, dịch vụ. Phát triển chuỗi các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ trong hệ sinh thái SASCO để đáp ứng nhu cầu khách hàng mục tiêu.



# CHƯƠNG 03

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

|  |    |
|--|----|
| Hội đồng Quản trị  | 66 |
| Ban Kiểm soát  | 74 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc | 82 |
| Quản trị rủi ro  | 86 |



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Tính đến ngày 31/12/2022, HĐQT của Công ty có 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 03 Thành viên không điều hành và chưa có thành viên độc lập.

Trong năm 2022, HĐQT của Công ty có sự thay đổi về nhân sự khi ông Lê Anh Tuấn được bầu vào HĐQT thay thế cho bà Trần Thị Minh Nguyệt kể từ ngày 31/03/2022 căn cứ theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 của ĐHCĐ.

| STT | Thành viên HĐQT       | Chức vụ hiện tại            | Chức vụ tại tổ chức khác   | Số cổ phiếu đại diện/ sở hữu | Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ vốn điều lệ | Ghi chú  |
|-----|-----------------------|-----------------------------|--|------------------------------|-----------------------------|--|--|
| 1   | Ông Nguyễn Hạnh       | Chủ tịch HĐQT               | Chủ tịch Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh | 60.453.600                   | 200.000                     | 45,44%                                     | Đại diện quản lý 60.453.600 CP của nhóm cổ đông IPPG, DAFC và ACFC tại SASCO |
| 2   | Bà Đoàn Thị Mai Hương | TV HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc | Chủ tịch HĐQT Cty Cổ phần Thương mại Xăng dầu TSN  | 18.687.383                   | 206.100                     | 14,15%                                     | Đại diện quản lý 18.687.383 cổ phiếu của Tổng Cty Cảng HKVN - CTCP tại SASCO |
| 3   | Ông Vũ Hoàng Long     | Thành viên HĐQT             | TV HĐQT Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh   | 0                            | 0                           | 0,00%                                      | Đại diện tham gia HĐQT do nhóm cổ đông IPPG, DAFC và ACFC cử                 |
| 4   | Bà Lê Thị Diệu Thúy   | Thành viên HĐQT             | TV HĐQT Tổng Công ty Cảng HKVN - CTCP  | 28.129.433                   | 0                           | 21,07%                                     | Đại diện phần vốn góp của Tổng Cty Cảng HKVN - CTCP tại SASCO                |
| 5   | Ông Lê Anh Tuấn       | Thành viên HĐQT             | Phó Trưởng Ban Thư ký - Tổng Công ty Cảng HKVN - CTCP  | 18.687.383                   | 0                           | 14,00%                                     | Đại diện phần vốn góp của Tổng Cty Cảng HKVN - CTCP tại SASCO                |

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

HĐQT thành lập Tổ kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT với chức năng kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ Công ty. Tổ kiểm toán nội bộ gồm các thành viên sau:

Bà **Đỗ Thị Minh Châu** - Tổ trưởng

Ông **Đỗ Quảng Đức** - Thành viên

## Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã ban hành 33 Nghị Quyết và 31 Quyết định. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| Chỉ tiêu dự họp       | Chức danh | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----------------------|-----------|---------------------|-------|
| Ông Nguyễn Hạnh       | CT.HĐQT   | 04/04               | 100%  |
| Bà Đoàn Thị Mai Hương | TV.HĐQT   | 04/04               | 100%  |
| Ông Vũ Hoàng Long     | TV.HĐQT   | 04/04               | 100%  |
| Bà Lê Thị Diệu Thúy   | TV.HĐQT   | 04/04               | 100%  |
| Ông Lê Anh Tuấn       | TV.HĐQT   | 04/04               | 100%  |

## Danh mục nghị quyết, quyết định, biên bản họp HĐQT SASCO năm 2022

| STT      | Số Ký hiệu        | Ngày tháng năm | Nội dung   |
|----------|-------------------|----------------|--|
| <b>A</b> | <b>Nghị quyết</b> |                |  |
| 1        | 01-2022/NQ-HĐQT   | 07/01/2022     | Thông qua báo cáo giám sát tài chính doanh nghiệp có vốn góp năm 2019 và phương án chi trả thù lao, tiền thưởng người đại diện phần vốn của SASCO tại các doanh nghiệp khác năm 2019, 2020 |
| 2        | 02-2022/NQ-HĐQT   | 12/01/2022     | Phê duyệt kết quả kiểm toán của Phòng Kinh doanh Dịch vụ Phòng chờ và Chi nhánh Long An  |
| 3        | 03-2022/NQ-HĐQT   | 12/01/2022     | Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022   |
| 4        | 04-2022/NQ-HĐQT   | 08/02/2022     | Phê duyệt ngân sách hỗ trợ di dời cho các hộ dân dự án KDL sinh thái Bắc Vũng Bầu  |
| 5        | 05-2022/NQ-HĐQT   | 08/02/2022     | Thông qua việc chốt danh sách cổ đông phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022   |
| 6        | 06-2022/NQ-HĐQT   | 09/02/2022     | Ký Thỏa thuận hợp tác và thông qua Điều lệ Công ty CP Bellazio Logistics   |
| 7        | 07-2022/NQ-HĐQT   | 22/03/2022     | Quyết toán quỹ tiền lương Công ty SASCO năm 2021   |
| 8        | 08-2022/NQ-HĐQT   | 22/03/2022     | Tạm giao quỹ lương kế hoạch toàn Công ty năm 2022  |
| 9        | 09-2022/NQ-HĐQT   | 23/03/2022     | Báo cáo kết quả nghiên cứu tiền khả thi dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Suối Hoa  |
| 10       | 10-2022/NQ-HĐQT   | 23/03/2022     | Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2021   |
| 11       | 11-2022/NQ-HĐQT   | 08/04/2022     | Báo cáo phương án phát triển dự án "Khu dân cư thương mại dịch vụ SASCO An Bình"   |
| 12       | 12-2022/NQ-HĐQT   | 20/04/2022     | Kế hoạch hoạt động năm 2022  |
| 13       | 13-2022/NQ-HĐQT   | 17/05/2022     | Ký hợp đồng thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ, kiểm toán BCTC năm 2022 với PwC Việt Nam   |
| 14       | 14-2022/NQ-HĐQT   | 22/06/2022     | Phê duyệt danh sách các ngân hàng gửi tiền có kỳ hạn năm 2022  |
| 15       | 15-2022/NQ-HĐQT   | 18/07/2022     | Bổ sung quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối năm 2019   |
| 16       | 16-2022/NQ-HĐQT   | 18/07/2022     | Chi trả cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế còn lại đến ngày 31/12/2022   |

| STT | Số Ký hiệu      | Ngày tháng năm | Nội dung  |
|-----|-----------------|----------------|---|
| 17  | 17-2022/NQ-HĐQT | 01/08/2022     | Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế còn lại đến ngày 31/12/2021 bằng tiền mặt   |
| 18  | 18-2022/NQ-HĐQT | 01/08/2022     | Báo cáo giám sát tài chính các doanh nghiệp có vốn góp năm 2021   |
| 19  | 19-2022/NQ-HĐQT | 01/08/2022     | Quy chế phối hợp Đảng ủy và Hội đồng Quản trị   |
| 20  | 20-2022/NQ-HĐQT | 15/08/2022     | Thông qua Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022   |
| 21  | 21-2022/NQ-HĐQT | 19/08/2022     | Thoái phần vốn góp SASCO tại Công ty CP Đầu tư Bầu trời xanh  |
| 22  | 22-2022/NQ-HĐQT | 19/08/2022     | Báo cáo kiểm toán nội bộ hoạt động quản lý kho hàng hóa (Kho xí nghiệp thương mại, kho chế biến) và hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong sân đậu; cấp phát, sử dụng nguyên nhiên liệu, vật tư thiết bị sửa chữa xe trong sân đậu trực thuộc Trung tâm Thương mại SASCO Tân Sơn Nhất |
| 23  | 23-2022/NQ-HĐQT | 19/08/2022     | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành - dự án cải tạo quầy SASCO Shop G01D10, G06D24 và mở rộng  |
| 24  | 24-2022/NQ-HĐQT | 19/08/2022     | Mua 2 xe khách hạng Y vận chuyển trong sân đậu  |
| 25  | 25-2022/NQ-HĐQT | 27/09/2022     | Điều chỉnh ranh & ký quỹ bổ sung dự án Suối Hoa   |
| 26  | 26-2022/NQ-HĐQT | 27/09/2022     | Thanh lý 4 xe đã hư hỏng thuộc TTTM SASCO Tân Sơn Nhất  |
| 27  | 27-2022/NQ-HĐQT | 10/10/2022     | Điều chỉnh quỹ lương năng suất theo hiệu quả kinh doanh năm 2022 cho khối người lao động  |
| 28  | 28-2022/NQ-HĐQT | 26/10/2022     | Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký các cam kết đảm bảo vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tham gia đăng ký thực hiện 2 Dự án đầu tư xây dựng khu cung cấp suất ăn trên tàu bay số 1 và số 2 tại Cảng HKQT Long Thành  |
| 29  | 29-2022/NQ-HĐQT | 01/11/2022     | Phê duyệt kết quả kiểm toán hoạt động bán hàng của các cửa hàng mỹ nghệ, nhà hàng tại nhà ga trực thuộc TTTM SASCO Tân Sơn Nhất   |
| 30  | 30-2022/NQ-HĐQT | 12/12/2022     | Bổ sung ngân sách sửa chữa, mua sắm tài sản năm 2022  |
| 31  | 31-2022/NQ-HĐQT | 12/12/2022     | Tạm chi thưởng HĐQT, BKS năm 2022   |
| 32  | 32-2022/NQ-HĐQT | 30/12/2022     | Thông qua báo cáo đầu tư điều chỉnh dự án Food Village  |
| 33  | 33-2022/NQ-HĐQT | 30/12/2022     | Kế hoạch quỹ lương toàn Công ty và tiền lương, thưởng của Ban Điều hành năm 2023  |

| STT      | Số Ký hiệu        | Ngày tháng năm | Nội dung   |
|----------|-------------------|----------------|--|
| <b>B</b> | <b>Quyết định</b> |                |  |
| 1        | 01-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Văn Hùng Cường - Phó Tổng Giám đốc                 |
| 2        | 02-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Bà Nguyễn Minh Ngọc - Phó Tổng Giám đốc                       |
| 3        | 03-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Bà Tôn Nữ Diệu Trí - Kế toán trưởng                           |
| 4        | 04-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Bà Tôn Nữ Diệu Trí - Trưởng Phòng TCKT                        |
| 5        | 05-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Giám đốc TTTM SASCO TSN                                       |
| 6        | 06-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Trưởng Phòng KDDVPC   |
| 7        | 07-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Long An                                    |
| 8        | 08-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Trưởng Phòng CNTT   |
| 9        | 09-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm lại Trưởng Văn phòng đại diện SASCO tại Hà Nội                    |
| 10       | 10-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Ông Nguyễn Văn Hùng Cường - Thôi kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Phú Quốc    |
| 11       | 11-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Phú Quốc                                       |
| 12       | 12-2022/HĐQT-QĐ   | 28/01/2022     | Bổ nhiệm Trưởng phòng Pháp lý & Kiểm soát Tuân thủ                         |
| 13       | 13-2022/HĐQT-QĐ   | 30/03/2022     | Thôi cử Bà Trần Thị Minh Ngọc đại diện Công ty SASCO tham gia HĐQT Tapetco |
| 14       | 14-2022/HĐQT-QĐ   | 30/03/2022     | Kiện toàn nhân sự đại diện vốn SASCO tại Tapetco                           |
| 15       | 15-2022/HĐQT-QĐ   | 30/03/2022     | Bà Châu Thị Ngọc Phượng thôi kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa       |
| 16       | 16-2022/HĐQT-QĐ   | 30/03/2022     | Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa  |

| STT | Số Ký hiệu      | Ngày tháng năm | Nội dung  |
|-----|-----------------|----------------|---|
| 17  | 17-2022/HĐQT-QĐ | 22/04/2022     | Thôi cử Bà Đoàn Thị Mai Hương làm người đại diện vốn SASCO tại TCS            |
| 18  | 18-2022/HĐQT-QĐ | 22/04/2022     | Cử người đại diện vốn SASCO tại TCS   |
| 19  | 19-2022/HĐQT-QĐ | 22/04/2022     | Cử đại diện SASCO tham gia Ban Kiểm soát TCS                                  |
| 20  | 20-2022/HĐQT-QĐ | 17/05/2022     | Thôi cử Ông Nguyễn Văn Hùng Cường làm người đại diện vốn SASCO tại NASCO      |
| 21  | 21-2022/HĐQT-QĐ | 17/05/2022     | Cử người đại diện vốn SASCO tại NASCO   |
| 22  | 22-2022/HĐQT-QĐ | 20/06/2022     | Bổ nhiệm lại Chánh VPCT   |
| 23  | 23-2022/HĐQT-QĐ | 19/08/2022     | Thôi cử Ông Nguyễn Văn Lành quản lý phần vốn góp SASCO tại Descon             |
| 24  | 24-2022/HĐQT-QĐ | 19/08/2022     | Cử Bà Lê Thị Cẩm Hồng quản lý phần vốn góp SASCO tại Descon                   |
| 25  | 25-2022/HĐQT-QĐ | 19/08/2022     | Cử Ông Nguyễn Văn Hùng Cường tham gia HĐQT Bellazio Logistics                 |
| 26  | 26-2022/HĐQT-QĐ | 19/08/2022     | Cử Bà Tôn Nữ Diệu Trí tham gia BKS Bellazio Logistics                         |
| 27  | 27-2022/HĐQT-QĐ | 19/08/2022     | Chuyển đổi mô hình TTDVCB thành đơn vị kinh doanh trực thuộc Công ty          |
| 28  | 28-2022/HĐQT-QĐ | 19/08/2022     | Thành lập Phòng An ninh An toàn   |
| 29  | 29-2022/HĐQT-QĐ | 10/10/2022     | Bổ nhiệm Ông Vũ Phạm Hải Quang giữ chức vụ Trưởng Phòng Tiếp thị Công ty      |
| 30  | 30-2022/HĐQT-QĐ | 12/12/2022     | Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Hương giữ chức vụ Trưởng Phòng Kinh doanh hàng Miễn thuế |
| 31  | 31-2022/HĐQT-QĐ | 30/12/2022     | Thành lập Tiểu ban đầu tư thuộc HĐQT  |

| STT      | Số Ký hiệu                            | Ngày tháng năm | Nội dung                           |
|----------|---------------------------------------|----------------|------------------------------------|
| <b>C</b> | <b>BIÊN BẢN HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |                |                                    |
| 1        | 31-BB/SASCO-HĐQT /2022                | 04/03/2022     | Biên bản họp HĐQT - Kỳ họp 31/2022 |
| 2        | 32-BB/SASCO-HĐQT /2022                | 15/08/2022     | Biên bản họp HĐQT - Kỳ họp 32/2022 |
| 3        | 33-BB/SASCO-HĐQT /2022                | 07/12/2022     | Biên bản họp HĐQT - Kỳ họp 33/2022 |
| 4        | 34-BB/SASCO-HĐQT /2022                | 29/12/2022     | Biên bản họp HĐQT - Kỳ họp 34/2022 |

### Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Năm 2022, SASCO chưa có thành viên độc lập HĐQT.

### Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

#### Hoạt động của Tổ kiểm toán nội bộ

Căn cứ Nghị quyết số 03-2022/NQ-HĐQT ngày 12/01/2022 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 của Công ty SASCO, Tổ kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán tại một số đơn vị trực thuộc SASCO theo kế

- » Kiểm toán hoạt động quản lý kho hàng hóa (Kho xí nghiệp thương mại, kho chế biến) thuộc Trung tâm Thương mại SASCO Tân Sơn Nhất.
- » Kiểm toán hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong sân đậu; cấp phát, sử dụng nguyên nhiên liệu, vật tư thiết bị sửa chữa xe trong sân đậu trực thuộc Trung tâm Thương mại SASCO Tân Sơn Nhất.
- » Kiểm toán hoạt động bán hàng của các cửa hàng mỹ nghệ, nhà hàng tại nhà ga trực thuộc Trung tâm Thương mại SASCO Tân Sơn Nhất.
- » Tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các khuyến nghị đối với các đơn vị được kiểm toán.

#### Báo cáo kết quả kiểm toán

- » Tổ kiểm toán nội bộ đã báo cáo HĐQT phê duyệt kết quả
  - Nghị quyết số 22-2022/NQ-HĐQT ngày 19/8/2022 v/v thông qua kết quả kiểm toán hoạt động quản lý kho hàng hóa (Kho xí nghiệp thương mại, kho chế biến) và hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong sân đậu; cấp phát, sử dụng nguyên nhiên liệu, vật tư thiết bị sửa chữa xe trong sân đậu trực thuộc Trung tâm Thương mại SASCO Tân Sơn Nhất.
  - Nghị quyết số 29-2022/NQ-HĐQT ngày 01/11/2022 v/v thông qua kết quả kiểm toán hoạt động bán hàng của các cửa hàng mỹ nghệ, nhà hàng tại nhà ga trực thuộc
- » Tổ kiểm toán nội bộ đã báo cáo HĐQT thông qua báo cáo kiểm tra khắc phục của các đơn vị được kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán nội bộ đến Ban Tổng Giám đốc và Thủ trưởng các đơn vị.
- » Các đơn vị đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động của đơn vị, đồng thời Tổ kiểm toán nội bộ đã có một số kiến nghị để các đơn vị nâng cao hơn nữa hiệu quả của hệ thống kiểm soát

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm Soát gồm 03 thành viên do ĐHCĐ bầu ra, trong đó 01 Trưởng Ban chuyên trách và 01 Thành viên hoạt động chuyên trách, 01 Thành viên kiêm nhiệm. Hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện dựa trên các quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

| STT | Thành viên Ban Kiểm Soát | Chức vụ hiện tại                      | Chức vụ tại tổ chức khác   | Số cổ phiếu đại diện/sở hữu | Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ vốn điều lệ | Ghi chú |
|-----|--------------------------|---------------------------------------|--|-----------------------------|-----------------------------|--|---------|
| 1   | Ông Lưu Quốc Hoàng       | Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách     |  | 0                           | 0                           | 0,00%                                      |         |
| 2   | Bà Trần Thị Thu Trang    | Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách |  |                             | 5.000                       | 0,0037%                                    |         |
| 3   | Ông Chu Khánh Toàn       | Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách | Phó Trưởng Phòng tài chính, Ban Tài chính kế toán, Tổng công ty Cảng HKVN - CTCP | 0                           | 0                           | 0,00%                                      |         |

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Nhằm thực hiện công tác kiểm tra giám sát đạt hiệu quả, Ban Kiểm soát đã bám sát và sớm triển khai Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2022 đã được ĐHCĐ thông qua.

Ban Kiểm Soát đã bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, từ đó có những kiến nghị kịp thời, đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông. Các Thành viên BKS đã nỗ lực, chủ động giải quyết công việc, đề xuất xử lý các vấn đề và đã hoàn thành tốt các công việc kiểm tra, giám sát được ĐHCĐ thông qua và các nhiệm vụ được phân công, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Các công việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty được thực hiện cụ thể như sau:

- » Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, hội nghị giao ban của BTGD, và trao đổi, thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị khách quan, độc lập về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » Đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy định nội bộ.
- » Giám sát việc chấp hành Điều lệ, các Quy chế, Quy định nội bộ trong Công ty, việc tuân thủ pháp luật, quy định của Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- » Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội Đồng Quản Trị và quyết định của Ban Tổng Giám Đốc.
- » Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022.
- » Giám sát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm tài sản.
- » Giám sát tình hình triển khai ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán, dịch vụ với khách hàng, đối tác.

- » Giám sát hoạt động đầu tư vốn của SASCO vào Doanh nghiệp khác.
- » Theo dõi hoạt động các Chi nhánh, Đơn vị thông qua kết quả kiểm tra của Tổ kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được HĐQT phê duyệt.
- » Giám sát công tác kiểm kê hàng hóa, tài sản.
- » Giám sát việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của SASCO.
- » Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng, và năm 2022.
- » Giám sát, đôn đốc việc thu hồi công nợ liên quan đến các Hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ SASCO đã ký kết.

Trong năm 2022, bên cạnh những kiến nghị, ý kiến của Ban Kiểm soát tại các cuộc họp của Công ty, Ban Kiểm soát cũng phát hành các văn bản kiến nghị HĐQT, TGD một số nội dung có liên quan đến hoạt động đầu tư, mua sắm, hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác đầu tư...

### Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm Soát đã tổ chức 03 cuộc họp chính thức, với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong BKS.

| STT | Thành viên BKS        | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|-----------------------|---------------------|-------|
| 1   | Ông Lưu Quốc Hoàng    | 03/03               | 100%  |
| 2   | Bà Trần Thị Thu Trang | 03/03               | 100%  |
| 3   | Ông Chu Khánh Toàn    | 03/03               | 100%  |

Các cuộc họp cụ thể như sau:

| STT | Thành viên BKS   | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ           |
|-----|--|---------------------|-----------------|
| 1   | Thông qua Dự thảo Báo cáo giám sát năm 2021 của BKS  | 03/03               | 03/03 TV đồng ý |
| 2   | Xây dựng Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022   | 03/03               | 03/03 TV đồng ý |
| 3   | Thống nhất Dự thảo Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty SASCO năm 2022 | 03/03               | 03/03 TV đồng ý |

### Kết quả giám sát trong năm 2022

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, BKS đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc trong việc triển khai các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022. Kết quả như sau:

#### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- » HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết ĐHCĐ và tình hình thực tế của Công ty.
- » HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tích cực chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao.
- » Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng được thực hiện nghiêm túc, minh bạch.

#### Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác điều hành, triển khai hoạt động SXKD của Công ty như sau:
- » Quản lý, điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phân cấp.
  - » Triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, các kế hoạch SXKD đến các Phòng chức năng, Đơn vị trong Công ty.
  - » Thường xuyên báo cáo HĐQT, xin ý kiến chỉ đạo đối với các nội dung vượt thẩm quyền.
  - » Chủ động, sâu sát trong điều hành hoạt động SXKD, góp phần giúp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2022.
  - » Thực hiện và phản hồi các kiến nghị của Ban Kiểm soát.

#### Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã duy trì mối quan hệ làm việc, trên nguyên tắc vì sự phát triển bền vững của Công ty, đảm bảo quyền lợi và lợi ích của Công ty, của Cổ đông, minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định của Pháp luật và các Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BTGD trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tại Công ty, để có những biện pháp xử lý kịp thời các vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, hoạt động, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo lợi ích của Công ty, quyền lợi của Cổ đông.

HĐQT và BTGD luôn tạo điều kiện để BKS thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan; mời tham dự các cuộc họp của HĐQT và BTGD. Các kiến nghị của BKS được HĐQT và BTGD xem xét, chỉ đạo, thực hiện.

### Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2022

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2022 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                  |                                    | Mã số      | Số cuối năm (31/12/2022) | Số đầu năm (01/01/2022)  |
|--------------------------|------------------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A.</b>                | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>100</b> | <b>1.203.492.606.148</b> | <b>763.570.708.660</b>   |
| I.                       | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110        | 214.308.128.373          | 157.792.346.184          |
| II.                      | Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 120        | 435.000.000.000          | 355.000.000.000          |
| III.                     | Các khoản phải thu ngắn hạn        | 130        | 203.694.268.700          | 122.079.293.903          |
| IV.                      | Hàng tồn kho                       | 140        | 252.31.612.357           | 29.124.937.679           |
| V.                       | Tài sản ngắn hạn khác              | 150        | 98.177.596.718           | 99.574.130.894           |
| <b>B.</b>                | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>200</b> | <b>840.339.893.806</b>   | <b>787.576.234.235</b>   |
| I.                       | Các khoản phải thu dài hạn         | 210        | 237.129.816.746          | 237.129.816.746          |
| II.                      | Tài sản cố định                    | 220        | 194.142.672.049          | 169.500.640.173          |
| III.                     | Bất động sản đầu tư                | 230        | 32.243.749.055           | 32.243.749.055           |
| IV.                      | Tài sản dở dang dài hạn            | 240        | 93.365.063.862           | 88.968.065.999           |
| V.                       | Đầu tư tài chính dài hạn           | 250        | 266.561.118.574          | 242.928.815.998          |
| VI.                      | Tài sản dài hạn khác               | 260        | 16.897.473.520           | 16.805.146.264           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> |                                    | <b>270</b> | <b>2.043.832.499.954</b> | <b>1.551.146.942.895</b> |

| NGUỒN VỐN                  |                       | Mã số      | Số cuối năm (31/12/2022) | Số đầu năm (01/01/2022)  |
|----------------------------|-----------------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C.</b>                  | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>    | <b>300</b> | <b>518.323.031.206</b>   | <b>130.225.593.753</b>   |
| I.                         | Nợ ngắn hạn           | 310        | 517.563.911.206          | 129.873.447.753          |
| II.                        | Nợ dài hạn            | 330        | 759.120.000              | 352.146.000              |
| <b>D.</b>                  | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> | <b>400</b> | <b>1.525.509.468.748</b> | <b>1.420.921.349.142</b> |
| I.                         | Vốn chủ sở hữu        | 410        | 1.525.509.468.748        | 1.420.921.349.142        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |                       | <b>440</b> | <b>2.043.832.499.954</b> | <b>1.551.146.942.895</b> |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Năm 2022          | Năm 2021        |
|--|-------|-------------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 1.400.585.057.215 | 321.463.693.340 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | 329.074.144       | 385.416.133     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | 1.400.255.983.071 | 321.078.277.207 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 665.973.589.760   | 172.313.129.384 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    | 734.282.393.311   | 148.765.147.823 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 89.733.202.366    | 106.855.312.261 |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | (3.623.785.324)   | 46.485.100.918  |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>                   | 23    | 91.451.462        | 302.411.787     |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | 404.168.028.410   | 115.173.835.061 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 199.059.764.437   | 93.367.249.505  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    | 224.411.588.154   | 594.274.600     |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 6.685.937.576     | 3.007.237.910   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | 1.228.521.044     | 537.907.519     |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    | 5.457.416.532     | 2.469.330.391   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    | 229.869.004.686   | 3.063.604.991   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | 19.704.998.284    | -               |
| 16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   | 52    | 153.198.262       | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    | 210.010.808.140   | 3.063.604.991   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 1.397             | 23              |

Báo cáo tài chính do BTGD lập (được kiểm toán bởi Đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH PwC Việt Nam) đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2022 và tình hình tài chính của SASCO tại ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán.

**Phân tích, đánh giá****Vốn góp của chủ sở hữu**

Trong năm, tổng vốn điều lệ Công ty không có biến động. Tại ngày 31/12/2022, cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu như sau:

Đơn vị: 1.000 VNĐ

| STT | Vốn góp của Chủ sở hữu                     | Giá trị              | Tỷ lệ       |
|-----|--|----------------------|-------------|
| 1   | Tổng Công ty Cảng Hàng không VN - CTCP     | 655.042.000          | 49,07%      |
| 2   | Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương      | 333.402.000          | 24,98%      |
| 3   | Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh | 65.750.000           | 4,93%       |
| 4   | Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu | 205.384.000          | 15,39%      |
| 5   | Các Cổ đông khác                           | 74.941.100           | 5,61%       |
| 6   | Cổ phiếu quỹ                               | 294.000              | 0,02%       |
|     | <b>Tổng cộng</b>                           | <b>1.334.813.100</b> | <b>100%</b> |

**Kết quả kinh doanh**

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                                 | Thực hiện 2022 | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | % Tăng trưởng | % Kế hoạch |
|--|----------------|----------------|---------------|---------------|------------|
| Tổng doanh thu thuần                     | 1.496.675      | 430.941        | 1.340.050     | 247,3%        | 111,7%     |
| Doanh thu thuần SXKD                     | 1.400.256      | 321.078        | 1.267.915     | 336,1%        | 110,4%     |
| Lợi nhuận trước thuế                     | 229.869        | 3.064          | 82.170        | 7.403,2%      | 279,7%     |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 1.397          | 23             | 518           | 5.973,9%      | 269,7%     |

**Các chỉ số tài chính khác**

| Chỉ số tài chính                             | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|----------|----------|
| Tỷ số thanh toán hiện hành                   | 2,33     | 5,88     |
| Tỷ số thanh toán nhanh                       | 1,84     | 5,66     |
| Tỷ số nợ                                     | 0,25     | 0,08     |
| Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần        | 15,0%    | 1,0%     |
| Tỷ suất sinh lợi trên tài sản                | 10,3%    | 0,2%     |
| Tỷ suất sinh lợi trên vốn góp của chủ sở hữu | 15,7%    | 0,2%     |
| Hệ số bảo toàn vốn                           | 107,4%   | 94,0%    |
| Mức độ bảo toàn vốn                          | 1,14     | 1,06     |

Với sự hồi phục của du lịch nội địa cùng chính sách mở cửa an toàn từng bước của Chính phủ, ngành hàng không đã có những bước tăng tốc mạnh mẽ. Tận dụng các cơ hội vượt qua thách thức, phát triển kinh doanh trong tình hình mới, không ngừng nỗ lực nâng cấp, cải tiến chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, tái cơ cấu phát triển các dịch vụ chất lượng, kiểm soát chi phí hiệu quả... SASCO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Công ty đã dẫn sớm khôi phục và lấy lại đà tăng trưởng so với thời điểm trước đại dịch 2019 với quyết tâm và nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể Người lao động SASCO.

Tỷ số thanh toán giảm và tỷ số nợ tăng nhẹ so với năm 2021 do việc mở rộng, phát triển kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, các tỷ số này đều đạt trên mức chuẩn tốt cho phép. Bên cạnh đó, các tỷ suất sinh lợi tăng mạnh, hệ số và mức độ bảo toàn vốn tăng cho thấy Công ty tăng trưởng tốt và bảo toàn vốn, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển mới của SASCO.

**Kiến nghị**

Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty một số nội dung sau:

- » Tăng cường kiểm soát nội bộ, phòng tránh rủi ro, kiện toàn cơ cấu tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, phù hợp với quy mô ngày càng mở rộng, phát triển của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật.
- » Rà soát, sửa đổi Quy chế hoạt động của Người đại diện của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại các Doanh nghiệp khác và một số Quy chế, Quy định quản lý nội bộ khác đã được nêu trong các kiến nghị của Ban Kiểm soát.
- » Tăng cường biện pháp thu hồi công nợ, các khoản nợ quá hạn theo các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ đã ký kết.
- » Tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của các Thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được chi trả tuân thủ theo các quy định nội bộ của Công ty.

Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của các Thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được chi trả tuân thủ theo các quy định nội bộ của Công ty.

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị năm 2022 là

**1.192.118.295 VNĐ**

(chưa trừ thuế thu nhập cá nhân).

Tổng thu nhập của Ban Kiểm Soát năm 2022 là

**1.677.231.896 VNĐ**

(chưa trừ các khoản phải nộp: các khoản Bảo hiểm bắt buộc, thuế thu nhập cá nhân,...).

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2022.

## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

**Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do SASCO nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa SASCO với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch**

Đơn vị: VNĐ

| STT | Tên tổ chức, cá nhân giao dịch   | Mối quan hệ liên quan với Thành viên HĐQT, TGD   | Nội dung                              | Tổng giá trị giao dịch năm 2021 |
|-----|--|--|---------------------------------------|---------------------------------|
| 1   | Công ty SASCO với Thành viên Hội đồng Quản trị và Người có liên quan của Thành viên đó | Giao dịch giữa Công ty với Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Hạnh; và Người có liên quan của Thành viên HĐQT: Bà Lê Hồng Thủy Tiên   | Chi trả cổ tức còn lại đến 31/12/2021 | 141.750.000                     |
| 2   | Công ty SASCO và Tổng Giám đốc (Thành viên HĐQT)                                       | Giao dịch giữa Công ty và Tổng Giám đốc (HĐQT): Bà Đoàn Thị Mai Hương  | Chi trả cổ tức còn lại đến 31/12/2021 | 116.858.700                     |
| 3   | Công ty SASCO và Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam                                 | Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT: Bà Đoàn Thị Mai Hương, Bà Lê Thị Diệu Thúy, Ông Lê Anh Tuấn. | Bán hàng hóa, dịch vụ                 | 1.563.494.691                   |
|     |  |  | Mua hàng hóa, dịch vụ                 | 224.250.666.871                 |
|     |  |  | Chi trả cổ tức còn lại đến 31/12/2021 | 37.140.881.400                  |
| 4   | Công ty SASCO và Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất                      | Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT: Bà Đoàn Thị Mai Hương  | Bán hàng hóa, dịch vụ                 | 1.989.736.829                   |
|     |  |  | Mua hàng hóa, dịch vụ                 | 12.901.980.329                  |
| 5   | Công ty SASCO và Công ty Cổ phần IPP Air Cargo   | Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Hạnh  | Bán dịch vụ                           | 1.080.545.454                   |
| 6   | Công ty SASCO và Công ty TNHH Phú Quốc - SASCO   | Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT: Bà Đoàn Thị Mai Hương  | Mua hàng hóa                          | 2.203.969.648                   |
|     |  |  | Nhận cổ tức 2021                      | 1.196.334.163                   |
| 7   | Công ty SASCO và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương                      | Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Hạnh  | Chi trả cổ tức còn lại đến 31/12/2021 | 18.903.893.400                  |
| 8   | Công ty SASCO và Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu                            | Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Hạnh  | Chi trả cổ tức còn lại đến 31/12/2021 | 11.645.272.800                  |
| 9   | Công ty SASCO và Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh                            | Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Hạnh  | Chi trả cổ tức còn lại đến 31/12/2021 | 3.728.025.000                   |

### Giao dịch khác của các bên liên quan

Tổng giá trị các giao dịch khác của các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán.

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2022, SASCO tuân thủ tất cả các quy định trọng yếu của Pháp luật có liên quan đến Quản trị Công ty nói chung cũng như các quy định quản trị đối với Công ty niêm yết.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn nỗ lực nâng cao chất lượng quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ nhằm hoàn thiện quy trình Quản trị Công ty theo hướng hiện đại, khoa học, hiệu quả.

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ

Hoạt động sản xuất kinh doanh của SASCO gắn trực tiếp với nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Trong bối cảnh dịch bệnh dần được kiểm soát, các nền kinh tế từng bước mở cửa, tuy nhiên xung đột giữa Nga và Ukraine làm chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy nặng nề, rủi ro an ninh năng lượng và lương thực gia tăng. Lạm phát ở nhiều quốc gia bị đẩy lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ. Kinh tế Việt Nam được kiểm soát tốt song cũng xuất hiện nhiều khó khăn từ nửa cuối năm 2022.

Ngành hàng không, dịch vụ sân bay đối mặt với sự gián đoạn thị trường và thay đổi hành vi tiêu dùng của khách hàng. Biến thách thức thành cơ hội, Công ty đẩy mạnh đầu tư và triển khai các giải pháp linh hoạt để đa dạng hóa trải nghiệm khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, những bất lợi trên có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của SASCO.

## RỦI RO CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Lĩnh vực hàng không có tính hội nhập cao nên các biến động bất lợi về chính trị, xung đột vũ trang, thiên tai, dịch bệnh... đều tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của SASCO. Một số rủi ro bất khả kháng có thể dẫn đến các thiệt hại cho Công ty. Để hạn chế tối đa rủi ro và thiệt hại, Công ty luôn theo dõi sát sao các biến động để có các chính sách điều hành SXKD phù hợp, nâng cao khả năng thích ứng, đưa ra các giải pháp ứng phó linh hoạt, sáng tạo để bảo toàn nguồn lực, ổn định hoạt động SXKD.

## RỦI RO TÀI CHÍNH

Trước cơn bão lạm phát, nhiều quốc gia thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất điều hành. Với tính chất đặc thù của ngành nghề, đối tác của SASCO trải rộng tại nhiều thị trường trên thế giới, dòng tiền ngoại tệ lưu chuyển hàng ngày không nhỏ. Mỗi biến động tỷ giá từ thị trường ngoại hối có thể tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do vậy, SASCO vẫn luôn chủ động theo dõi và thực hiện các hợp đồng kỳ hạn cần thiết để hạn chế xảy ra tổn thất.

Về lãi suất, trong cơ cấu nguồn vốn, nợ vay của SASCO không có nhưng tỷ trọng tiền và tương đương tiền khá cao, Công ty đã cân đối hợp lý để tối ưu, đảm bảo dòng tiền kinh doanh, tình hình tài chính lành mạnh.

## RỦI RO NHÂN SỰ

Với SASCO, con người là một trong những yếu tố then chốt của thành công và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc biến động, thiếu hụt nguồn nhân lực có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động, kết quả và triển vọng kinh doanh đề ra. Trước thách thức này, SASCO luôn chú trọng thực thi chính sách làm việc linh hoạt, tạo dựng văn hóa doanh nghiệp sẻ chia, kết nối đồng thời gia tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động và gia đình người lao động.

Công ty tin tưởng với thương hiệu nhà tuyển dụng uy tín, văn hóa doanh nghiệp tích cực, SASCO sẽ thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng thích ứng với thị trường lao động không ngừng thay đổi.

## RỦI RO PHÁP LÝ

Là Công ty cổ phần hoạt động tại sàn UpCom, SASCO không những phải tuân thủ luật doanh nghiệp, luật thuế... mà còn bị chi phối bởi luật chứng khoán và các luật liên quan. Trên thực tế, Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để đáp ứng các cam kết khi gia nhập các tổ chức quốc tế nên các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước luôn có thay đổi. Để sớm nhận diện được các rủi ro tiềm ẩn, bộ phận pháp lý của Công ty luôn theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm tuân thủ các quy định pháp luật và hạn chế các ảnh hưởng của rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh.

## RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Với bề dày kinh nghiệm gần 30 năm hoạt động trong ngành Hàng không, SASCO đã và đang khẳng định vị thế và uy tín của một thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ thương mại sân bay, cam kết mang đến những trải nghiệm hạnh phúc cho hành khách và tạo ra các giá trị tốt đẹp cho cộng đồng xã hội. Những rủi ro về thương hiệu khi xảy ra có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh của Công ty, trực tiếp hay gián tiếp làm thiệt hại tổn thất đến Công ty. Để ngăn ngừa những khả năng đó, Công ty nỗ lực kiểm soát, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, không ngừng mang lại những giá trị mới cho khách hàng, giữ vững lời hứa thương hiệu, củng cố niềm tin của đối tác khách hàng, đối tác và cộng đồng đối với Công ty.



## CHƯƠNG

# 04

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

|  |    |
|--|----|
| Chiến lược phát triển bền vững   | 90 |
| Hoạt động phát triển bền vững của Công ty với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc | 92 |
| Các vấn đề trọng yếu trong chiến lược phát triển bền vững của SASCO                              | 96 |

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Để kiến tạo tương lai tươi đẹp hơn, SASCO hiểu rằng sự nỗ lực hành động phải bắt nguồn từ chính những điều nhỏ nhất. Kiên định theo đuổi định hướng phát triển bền vững trong suốt hành trình 29 năm dựng xây và phát triển, SASCO luôn cân bằng hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp với môi trường và cộng đồng xã hội.

Trách nhiệm với môi trường



SASCO xác định phát triển bền vững phải dựa trên 03 trụ cột chính



Điểm tựa kinh tế, Nguồn lực vững mạnh



Cộng đồng xã hội

## Tiên phong thị trường, dẫn đầu xu thế

Bằng sự chuyên nghiệp, tận tâm và sẵn sàng đồng hành cùng khách hàng trong mỗi trải nghiệm, SASCO luôn khẳng định thương hiệu dịch vụ sân bay chất lượng cao đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, từng bước hội nhập và đưa ngành hàng không - dịch vụ sân bay Việt Nam vươn tầm khu vực.

Không tách rời các mục tiêu mà kế hoạch kinh doanh đề ra, SASCO chú trọng phát triển đa dạng sản phẩm, dịch vụ mới, cải tiến mô hình kinh doanh, đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số để bắt nhịp cùng xu thế tiêu dùng hiện đại. Phát triển bền vững trên cơ sở năng lực kinh tế ổn định, an toàn tài chính là tiền đề vững chãi cho việc khai phá các mũi nhọn khác tại những thị trường tiềm năng, gia tăng thị phần chiếm lĩnh và duy trì vị thế dẫn đầu của Công ty.

## Nguồn lực vững mạnh, nhân sự hạnh phúc

Hiểu rõ nguồn nhân lực là sức mạnh của doanh nghiệp ngành dịch vụ, SASCO duy trì các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng văn hóa doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm công bằng trong phúc lợi và cơ hội thăng tiến tương ứng với năng lực của người lao động.

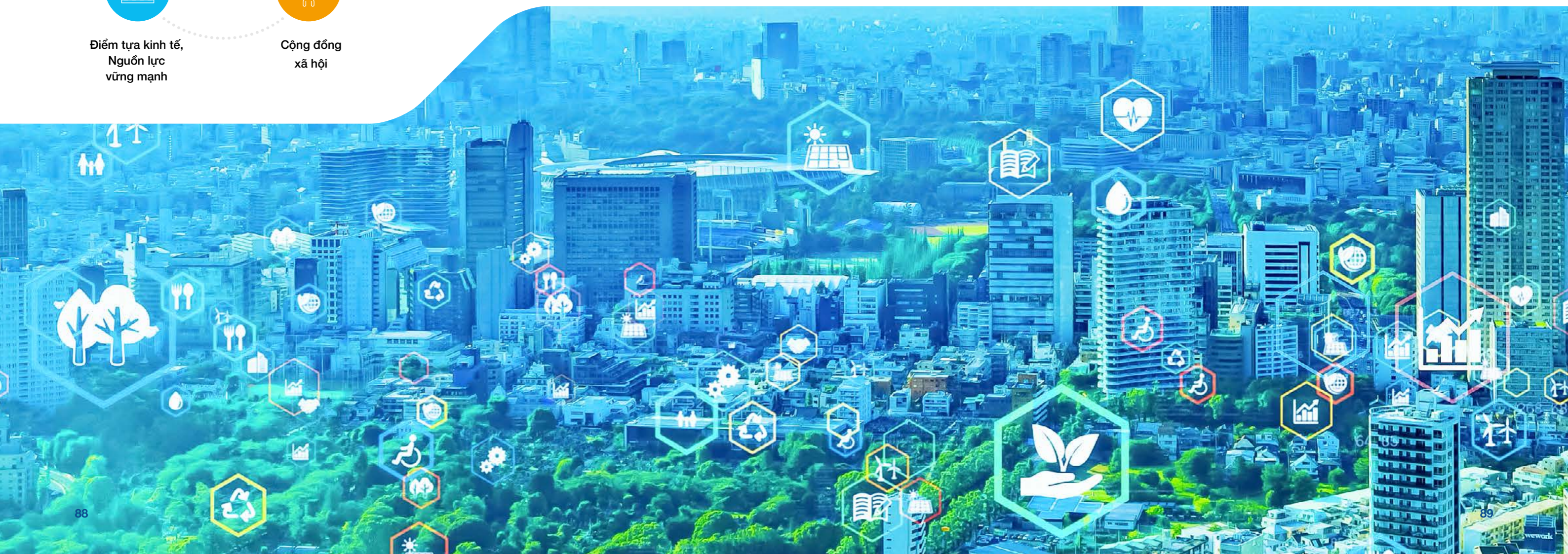
Xây dựng hệ thống quản trị công ty theo các hiện đại, điều hành quản trị minh bạch. Công ty tôn trọng sự riêng biệt của mỗi cá thể, tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực góp sức cho sự phát triển chung, cho văn hóa SASCO thêm đặc sắc.

Với môi trường làm việc năng động, đoàn kết, SASCO không ngừng phát triển nguồn lực hạnh phúc, gia tăng sự tin yêu với thương hiệu và sự gắn bó lâu dài với Công ty.

## Trách nhiệm môi trường, lan tỏa nhân văn

SASCO chủ động, tích cực thực thi các hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng, mang lại niềm tin cho khách hàng, đảm bảo công bằng về lợi ích cho các cổ đông, người lao động, đồng hành phát triển kinh tế địa phương và xây dựng cộng đồng bền vững.

Công ty tin rằng những hành động thiết thực, sinh động mà mỗi con người SASCO mang đến cho cộng đồng, xã hội sẽ tiếp tục lan tỏa, tiếp nối những thông điệp xanh, những giá trị nhân văn vì một tương lai tươi sáng hơn.



# HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY VỚI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Song song với mục tiêu cạnh tranh lành mạnh, phát triển kinh tế và tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong ngành dịch vụ sân bay tại Việt Nam, SASCO tích cực tham gia hỗ trợ cộng đồng xóa đói, xóa nghèo, đi đầu trong bình đẳng giới tại nơi làm việc, bảo vệ môi trường, hành động chống biến đổi khí hậu.

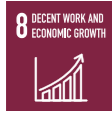
Theo đó, SASCO tập trung theo đuổi 08 nội dung trọng tâm phù hợp với mục tiêu của Chương trình phát triển bền vững quốc gia và các mục tiêu phát triển của bền vững của Liên Hợp Quốc (UN SDGs), bao gồm:

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| <p><b>1</b> NO POVERTY</p>                  | <p><b>2</b> ZERO HUNGER</p>                     | <p><b>3</b> GOOD HEALTH AND WELL BEING</p>              | <p><b>4</b> QUALITY EDUCATION</p>                       | <p><b>5</b> GENDER EQUALITY</p>                     | <p><b>6</b> CLEAN WATER AND SANITATION</p>              |
| Xóa nghèo                                   | Không còn nạn đói                               | Sức khỏe  | Chất lượng giáo dục                                     | Bình đẳng giới                                      |   |
| <p><b>7</b> AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY</p> | <p><b>8</b> DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH</p> | <p><b>9</b> INDUSTRY, INNOVATION AND INFRASTRUCTURE</p> | <p><b>10</b> REDUCED INEQUALITIES</p>                   | <p><b>11</b> SUSTAINABLE CITIES AND COMMUNITIES</p> | <p><b>12</b> RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION</p> |
|   | Tăng trưởng kinh tế                             |   |   |   | Tiêu dùng sản xuất có trách nhiệm                       |
| <p><b>13</b> CLIMATE ACTION</p>             | <p><b>14</b> LIFE BELOW WATER</p>               | <p><b>15</b> LIFE ON LAND</p>                           | <p><b>16</b> PEACE, JUSTICE AND STRONG INSTITUTIONS</p> | <p><b>17</b> PARTNERSHIPS FOR THE GOALS</p>         | <p><b>SDGs</b></p>                                      |
| Hành động về khí hậu                        |   |   |   |   |   |



## Tiến độ và kết quả thực hiện của các chiến lược hướng tới mục tiêu SDG trọng tâm trong năm 2022

### TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



- » SASCO đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD, thúc đẩy hiệu quả kinh tế bền vững và dài hạn;
- » Đồng hành cùng Cảng Hàng không tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và triển khai các hoạt động trải nghiệm khách hàng mới: Khai trương phòng chờ hạng thương gia Jasmine, Khai trương nhà hàng The Phoenix...;
- » Ngoài dịch vụ sân bay, SASCO mở rộng địa bàn hoạt động ra thị trường phi hàng không như Long An, Phú Quốc... tạo nhiều cơ hội việc làm, giúp cải thiện cuộc sống người dân địa phương và phát triển kinh tế vùng.

### TIÊU DÙNG SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM



- » Hoàn thành trách nhiệm và đóng góp tích cực cho Ngân sách Nhà nước;
- » Hoàn thành các nghĩa vụ kiểm tra, giám sát và có những văn bản kiến nghị liên quan đến công tác quản lý, đầu tư, mua sắm, thực hiện hợp đồng, sản xuất kinh doanh...;
- » Tuân thủ quy trình sản xuất và chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn HACCP và ISO 9001-2015. 100% các sản phẩm của SASCO tuân thủ quy định về nguồn gốc, dán nhãn và hướng dẫn sử dụng an toàn thực phẩm;
- » Đối với dịch vụ phòng chờ Jasmine, tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn Halal Quốc tế trong chuỗi cung ứng, vận hành và phục vụ hành khách;
- » Duy trì chiến lược kinh doanh gắn kết văn hóa địa phương trong các sản phẩm và dịch vụ của SASCO;
- » Ưu tiên hợp tác và đồng hành với các nhà cung ứng nội địa.

### SỨC KHỎE



- » Đảm bảo 100% sản phẩm kinh doanh tuân thủ quy định về nguồn gốc các thành phần;
- » Phát triển các gói sản phẩm bảo vệ sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức về tiêu dùng lành mạnh cho khách hàng;
- » Không có trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, thương tích hay tử vong.

### BÌNH ĐẲNG GIỚI



- » Đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu cấp độ 2 EDGE MOVE cấp bởi EDGE Certified Foundation (Thụy Sĩ); được Hội đồng doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam vinh danh Doanh nghiệp thực hiện tốt việc thúc đẩy quyền năng phụ nữ và bình đẳng giới tại nơi làm việc;
- » Đảm bảo chính sách phúc lợi và cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- » Tích cực cùng Mạng lưới doanh nghiệp Việt Nam hỗ trợ phát triển quyền năng phụ nữ (VBCWE) nâng cao vai trò của phụ nữ trong cộng đồng doanh nghiệp;
- » Đảm bảo chế độ thai sản cho người lao động nữ và tạo điều kiện nghỉ thai sản cho cả các nhân viên nam có vợ sinh;
- » Nhân viên nữ nắm giữ vai trò Điều hành và Quản lý trong Công ty chiếm tỷ lệ cao.

### KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI - XÓA NGHÈO



- » Ủng hộ Tết vì người nghèo huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo Trung Ương - An sinh Xã hội năm 2022 và các hoạt động xã hội khác của Tổng Công ty Cảng HKVN;



### CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC



- » Đảm bảo cơ hội được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân sự Công ty;
- » Khen thưởng con của cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong học tập;
- » Thực hiện chương trình “Nâng bước em đến trường”, “Ươm những mầm xanh”, “Cùng con đi tiếp cuộc đời” viết tiếp ước mơ đến trường của hàng trăm học sinh.

### HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU



- » Duy trì không xảy ra sự cố hay trường hợp vi phạm pháp luật, quy định về môi trường;
- » Ưu tiên áp dụng “sáng kiến xanh” được cán bộ công nhân viên đề xuất;
- » Thực hiện các chương trình hành động giảm thiểu rác thải nhựa, tiết kiệm năng lượng, ưu tiên sử dụng các chất liệu từ thiên nhiên trong chuỗi sản xuất, cung ứng dịch vụ tại doanh nghiệp;
- » Tổ chức chương trình “Ngừng lãng phí thức ăn và tiết kiệm nước sạch để trái đất xanh hơn”;
- » Tổ chức Ngày hội trồng cây “Green Day - Green Life” với 3.000 cây xanh cho thành phố Đà Lạt và sẽ liên tiếp bổ sung hàng nghìn cây ở những năm tiếp theo.

# CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SASCO

## Trách nhiệm với môi trường



### Trách nhiệm với môi trường



Năm 2022, một năm có nhiều biến động về kinh tế - xã hội trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Đối với một doanh nghiệp định hướng phát triển bền vững như SASCO, chúng tôi không ngừng nỗ lực sáng tạo, thực thi các hành động bảo vệ môi trường như: dịch vụ “xanh”; áp dụng các tiêu chí “xanh” trong sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh chuyển đổi số; triệt để thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động đơn vị; xây dựng môi trường làm việc “xanh”; tuyên truyền nâng cao ý thức, chung tay hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, tôn tạo môi trường xanh, bền vững.

### Dịch vụ xanh



Các hoạt động kinh doanh của SASCO đều hướng đến các mục tiêu như hạn chế sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tăng cường các hoạt động tái tạo môi trường sinh thái, giảm thiểu rác thải độc hại cho môi trường.

Với những hoạt động kinh doanh du lịch, khách sạn nghỉ dưỡng, SASCO luôn hướng khách hàng đến trải nghiệm gắn gũi với thiên nhiên, khơi gợi sự quan tâm bảo vệ môi trường và trân trọng những đóng góp của khách hàng vào việc gìn giữ môi trường.

### Thúc đẩy chuyển đổi số



Năm 2022, SASCO tăng cường triển khai các dự án chuyển đổi số và xem đó là một “động lực mới” thúc đẩy hiệu quả sản xuất - kinh doanh và hướng đến mục tiêu phát triển “xanh”, bền vững. Chúng tôi tập trung phát triển ứng dụng công nghệ để phục vụ việc kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, kết nối thông tin, gia tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời hướng mục tiêu xây dựng hệ thống dịch vụ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, không gian, thời gian và kinh phí hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ xanh đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong tiếp thị, bán hàng, thanh toán còn giúp khách hàng trải nghiệm được sự hiện đại, tiện lợi, linh hoạt khi sử dụng các dịch vụ của Công ty.

### Thực hiện mục tiêu tiết kiệm



Tiết kiệm luôn là giải pháp hữu hiệu để tối ưu chi phí doanh nghiệp, đồng thời góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường. SASCO đẩy mạnh các biện pháp tiết kiệm triệt để trên toàn bộ hoạt động Công ty như: tiết kiệm điện, nước, giấy trong sản xuất, sinh hoạt; sử dụng các nguồn năng lượng một cách hiệu quả, hợp lý. Đặc biệt, công tác rà soát các tiêu chuẩn định mức, kế hoạch chi phí quản lý công vụ, đầu tư mua sắm tài sản được thực hiện định kỳ, thường xuyên.

Chúng tôi chú trọng nâng cao nhận thức của tập thể CBNV về vấn đề chống lãng phí, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nguyên vật liệu, từ đó góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Các đề xuất cải tiến quản trị chi phí hiệu quả nhận được sự hưởng ứng tham gia của đông đảo CBNV, qua đó truyền thông mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm cũng như nhân rộng các mô hình, trường hợp điển hình trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### Hành động vì môi trường xanh



Bảo vệ môi trường được xác định như một trọng trách của doanh nghiệp bền vững, SASCO duy trì thường xuyên các dự án thân thiện bảo vệ môi trường cũng như nhiều chương trình nâng cao ý thức cộng đồng và nhân viên trong công ty về môi trường, khuyến khích những sáng kiến, vận động chung tay góp sức gìn giữ, tái tạo nguồn năng lượng xanh, thích ứng và ngăn chặn biến đổi khí hậu.

Năm 2022, hưởng ứng “Ngày Trái Đất” 22.4 và phát động của Thủ tướng chính phủ về việc trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025, SASCO đã tổ chức ngày hội “Green day - Green life”, trồng 3.000 cây xanh với kinh phí 500.000.000 VNĐ tại Đà Lạt.

Tiếp nối chuỗi hoạt động bảo vệ môi trường là chương trình “Tiết kiệm thực phẩm để trái đất xanh hơn” lan tỏa đến cộng đồng và hành khách thông điệp nỗ lực xanh hóa trái đất, hướng đến lối sống bền vững toàn diện.





## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường của Công ty



### Tác động lên môi trường



Với định hướng kinh doanh bền vững, SASCO không ngừng nỗ lực hành động bảo vệ môi trường thông qua dịch vụ xanh, áp dụng các tiêu chí xanh trong sản xuất kinh doanh; triệt để thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động đơn vị; xây dựng môi trường làm việc xanh; tuyên truyền nâng cao nhận thức, chung tay hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các hoạt động kinh doanh của SASCO đều hướng đến mục tiêu "Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; Giảm thiểu sử dụng tài nguyên thiên nhiên, Giảm thiểu rác thải độc hại cho môi trường; Tăng cường sử dụng vật dụng tái sử dụng; Tăng cường các hoạt động tái tạo môi trường sinh thái". Những hoạt động kinh doanh du lịch, khách sạn nghỉ dưỡng của SASCO luôn dẫn dắt người sử dụng dịch vụ đến một môi trường gần gũi với thiên nhiên hơn, thể hiện sự quan tâm hơn đến môi trường, cho khách hàng một cảm giác đóng góp vào việc gìn giữ môi trường.



### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

#### Nhiên liệu

Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ phục vụ sản xuất, kinh doanh của toàn Công ty, bao gồm các chi nhánh trong năm 2022:

**Dầu DO 17.500 lít**  
**Xăng 51.770 lít**

#### Văn phòng phẩm

Tổng chi phí văn phòng phẩm sử dụng cho 09 phòng ban chức năng và 04 đơn vị kinh doanh trực tiếp tại khu vực TP. HCM trong năm 2022 là

**477.000.000 đồng**

#### Báo cáo về tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty:

**Không có**



### Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp trong năm 2022: Khoảng 10.380.470 kwh (sử dụng tại tất cả các điểm hoạt động, kinh doanh, sản xuất của công ty bao gồm các chi nhánh).

SASCO luôn tích cực truyền thông và thực hiện các hoạt động nhằm sử dụng năng lượng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả như giảm điều hòa, tắt các thiết bị điện không cần thiết,...



### Tiêu thụ nước

#### - Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- » Nguồn nước SASCO đang sử dụng được Nhà máy nước tại các địa phương cung cấp.
- » Tổng lượng nước sử dụng trong năm: Khoảng 539.465 m3 cho hoạt động của toàn Công ty, bao gồm khu vực Cảng HKQT Tân Sơn Nhất (tại Nhà điều hành Công ty và Cảng HKQT TSN), Chi nhánh Long An, Chi nhánh Phú Quốc, Chi nhánh Khánh Hòa.

#### - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.



### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được SASCO tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường từ trước đến nay.



### Tuân thủ các quy định về An toàn - Sức khỏe - Môi trường

SASCO đã yêu cầu các đơn vị vận hành thực hiện đầy đủ các yêu cầu về quản lý chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật. Tất cả các nguồn thải của các đơn vị đều được kiểm soát chặt chẽ và 100% xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.



## Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp



### Phát triển nguồn nhân lực

Đối với SASCO, người lao động là tài sản vô giá của công ty. Duy trì chiến lược phát triển bền vững lấy con người làm trung tâm, SASCO đặc biệt chú trọng kiến tạo nguồn nhân lực hạnh phúc, xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, nơi mỗi người lao động tận tâm trong từng dịch vụ, nâng niu trải nghiệm hài lòng của khách hàng trên từng điểm chạm dịch vụ, góp phần xây dựng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất và Việt Nam là một điểm đến thân thiện, văn minh, hiện đại.

### Môi trường làm việc chuyên nghiệp, lý tưởng



SASCO duy trì, kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo thông qua việc thực hành các chính sách phúc lợi toàn diện, tạo điều kiện và cơ hội phát triển công bằng, giúp người lao động chuyên tâm phát huy năng lực, phấn đấu trưởng thành có sự gắn kết cao, hướng đến những mục tiêu, giá trị chung mang tính bền vững của công ty.

Năm 2022, công ty đã thu hút thêm lực lượng lao động trẻ, năng động, giỏi chuyên môn, đầy hoài bão và nhiệt tình mong muốn được thực thi sứ mệnh SASCO và góp sức vào sự phát triển của ngành hàng không Việt Nam.

Năm 2022, với môi trường làm việc chuyên nghiệp, lý tưởng giúp nhân viên phát huy tốt nhất khả năng và tạo dựng nguồn nhân lực hạnh phúc, SASCO tiếp tục đạt Top 50 doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn.



### Chính sách nhân sự đa dạng, bình đẳng, hòa nhập

Chính sách nhân sự đa dạng, bình đẳng, hòa nhập là một trong những mục tiêu chiến lược bền vững của SASCO, được thực thi xuyên suốt hành trình phát triển, góp phần quan trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và văn hóa SASCO tiên tiến.

Công ty tôn trọng bản sắc riêng của mỗi cá nhân, không phân biệt đối xử về dân tộc, màu da, xuất thân xã hội, tình trạng hôn nhân, sức khỏe, tín ngưỡng, tôn giáo... tạo nên các cơ hội bình đẳng cho toàn thể CBCNV, xây dựng môi trường làm việc năng động, hòa nhập - nơi toàn thể người lao động phát huy tối đa năng lực, nâng cao giá trị bản thân, và hạnh phúc trong công việc, gắn bó lâu dài, góp sức xây dựng Công ty.

Năm 2022, thực hiện các bước đi tiên phong, trách nhiệm trong bình đẳng giới và chính sách nhân sự đa dạng, bình đẳng, hòa nhập và gắn kết, phát huy tốt nhất nội lực doanh nghiệp, SASCO được Hội đồng doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam vinh danh TOP 5 Doanh nghiệp thực hiện nâng cao quyền năng phụ nữ và bình đẳng giới tại nơi làm việc, khẳng định nỗ lực phát triển nguồn nhân lực bền vững.



### Phát huy văn hóa bản sắc SASCO

Năm 2022, SASCO đẩy mạnh phong trào thi đua đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm khách hàng, đồng hành cùng các đơn vị ban ngành sân bay mang đến hình ảnh tươi mới, sinh động, thân thiện, chuyên nghiệp của hàng không Việt Nam. Thông điệp "đổi mới để thành công", đã truyền lửa nhiệt tình thúc giục toàn đội ngũ tiến về phía trước, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững 2022. SASCO triển khai nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể thao, chúc mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3, 20/10, chúc mừng sinh nhật người lao động, sinh nhật 29 năm của công ty với những hình thức, nội dung phong phú, nâng cao tinh thần, niềm tự hào của mỗi thành viên sasco, gia tăng gắn kết, hợp tác giữa các đơn vị, cán bộ công nhân viên công ty. Người lao động tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng xã hội, cảm nhận sâu sắc một trong những nét đẹp văn hóa SASCO, góp phần xây dựng cuộc sống nhân ái, tốt đẹp hơn.



### Báo cáo về chính sách liên quan đến người lao động



Tính đến thời điểm tháng 31/12/2022, tổng số lao động của Công ty là

**973 người**

Thu nhập bình quân từ quỹ lương năm 2022 là

**20,6 triệu đồng/người/tháng**

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động



- » Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách - chế độ theo quy định pháp luật lao động và bổ sung các chính sách phúc lợi đặc thù của SASCO. Theo đó người lao động được thực hiện đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm tai nạn, chế độ lương – thưởng cạnh tranh, chế độ khám sức khỏe định kỳ và theo đặc thù nghề nghiệp, phúc lợi trực tiếp cho người lao động và gia đình người lao động...
- » Công ty xây dựng và thực thi chính sách văn hóa để cao tính đa dạng, bình đẳng, hòa nhập trong môi trường làm việc. Người lao động khác biệt về giới tính, tôn giáo, chuyên môn, độ tuổi... có cơ hội được tuyển dụng, đề bạt và phát triển bình đẳng trong Công ty. Thông qua các hoạt động gắn kết đội ngũ, Công ty tạo điều kiện cho người lao động hội nhập, gắn bó và đóng góp cho tổ chức.
- » Tháng 8/2022, Công ty thành lập Phòng An ninh An toàn với chức năng xây dựng, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ nội quy, quy định an toàn lao động, an ninh hàng không, phòng cháy chữa cháy; qua đó đảm bảo môi trường làm việc an toàn, gia tăng hiệu quả công tác và bảo vệ sức khỏe người lao động.

### Hoạt động đào tạo người lao động



Hoạt động trong ngành hàng không SASCO xác định rõ sứ mệnh doanh nghiệp trong việc xây dựng hệ thống dịch vụ chất lượng cao, hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế, góp phần vào tiến trình hội nhập của ngành Hàng không và phát triển kinh tế bền vững của đất nước. SASCO định vị thương hiệu bằng sự chuyên nghiệp, đẳng cấp, xây dựng đội ngũ 5 sao mang đến cho khách hàng những trải nghiệm hài lòng nhất trên mỗi hành trình bay.

Năm 2022, đẩy mạnh các hoạt động huấn luyện, đào tạo tập trung tăng cường năng lực chuyên môn, năng lực quản trị, tư duy đổi mới sáng tạo, cởi mở đón nhận kiến thức, công nghệ ứng dụng chuyển đổi số... Ngoài ra các khóa đào tạo về quản trị, tài chính, kế toán, truyền thông tiếp thị... cũng được triển khai mạnh mẽ cho các đối tượng quản lý cấp trung. Công ty duy trì các lớp huấn luyện kiến thức an toàn vệ sinh lao động, an toàn hàng không cho cán bộ nhân viên theo đúng quy định. Tổ chức chương trình “Đào tạo Nhận thức về Halal” một cách bài bản cho đội ngũ nhân viên. Trong đó, 234 nhân viên đã nhận chứng chỉ hoàn thành khóa học, 14 nhân viên đã nhận chứng chỉ Đánh giá viên nội bộ Halal và 02 cán bộ nhận chứng chỉ giảng dạy Halal.

Số giờ đào tạo trung bình:

**15.905 giờ**

Số giờ đào tạo theo phân loại nhân viên:

Lãnh đạo cấp cao

**Trung bình 28 giờ/người**

Lãnh đạo cấp trung

**Trung bình 114 giờ/người**

Nhân viên

**Trung bình 814 giờ/người**

Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh, tăng cường khả năng cạnh tranh để hội nhập và phát triển, Công ty triển khai nhiều hình thức đào tạo bên ngoài như: mời chuyên gia về tổ chức workshop, khóa học được thiết kế riêng hoặc trực tiếp gửi nhân sự đến các trung tâm đào tạo nghiệp vụ; cử cán bộ, nhân viên đi học tập ở nước ngoài, tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại, dịch vụ hàng không tại các nước đồng Nam Á... nâng cao năng lực chuyên môn, ứng dụng cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ Công ty ngày càng tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

Huấn luyện một cách hệ thống, hiệu quả mang lại nhiều cải tiến tích cực cho công tác đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực. SASCO hiện đang sở hữu đội ngũ nhân lực chất lượng cao, chính sách đãi ngộ cạnh tranh thu hút nhiều chuyên gia, nhân sự cao cấp đã từng học tập và làm việc tại nước ngoài, các lao động trẻ với tâm huyết và hoài bão phát triển ngành dịch vụ sân bay tại Việt Nam. Không chỉ mang tới niềm tự hào cho những con người SASCO mà còn hấp dẫn các ứng viên khi họ đứng trước lựa chọn nghề nghiệp và môi trường công việc gắn bó lâu dài.



## Trách nhiệm với cộng đồng xã hội



Một trong những giá trị cốt lõi làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của SASCO đó là trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội, đây là định hướng dài hạn được SASCO dành nhiều nguồn lực, tâm sức của toàn Công ty để nỗ lực thực hiện.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội của SASCO

### Công tác đền ơn đáp nghĩa



SASCO tiếp tục phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, chăm lo các gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Đảng viên, Công đoàn viên, Đoàn viên thanh niên triển khai các chương trình Về nguồn ý nghĩa tại Bến Tre, Hà Giang, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, thành quả của cha anh và nỗ lực phấn đấu góp sức xây dựng đất nước.

### Chung tay khắc phục hậu quả sau đại dịch



Sau đại dịch Covid-19, mọi mặt đời sống, kinh tế xã hội đều bị tác động sâu sắc, SASCO đã trực tiếp chung tay vào các lĩnh vực an sinh xã hội như: tài trợ giáo dục, chăm lo cho các gia đình chính sách, hỗ trợ người nghèo, dự án cộng đồng, bảo vệ môi trường.

Nổi bật là chương trình trao học bổng "Cùng con đi tiếp cuộc đời" với tổng kinh phí 150.000.000 VND, hỗ trợ các em nhỏ mồ côi sau đại dịch tiếp tục được đến trường, phấn đấu học tập. Công ty dành nhiều phần quà thiết thực khen thưởng động viên thành tích học tập của các em và tạo điều kiện để các em tham gia toàn bộ các hoạt động thanh thiếu niên tại SASCO như con em CBCNV.

### Tiếp tục "Uơm Những Mầm Xanh" với Quỹ học Bổng SASCO



Tiếp tục triển khai chương trình "Uơm những mầm xanh" tại các tỉnh Quảng Nam và Huế, trao tặng 25 suất học bổng trị giá 50.000.000 VND cùng nhiều sách vở, đồ dùng học tập cho các em học sinh học có kết quả học tập nổi trội. Năm 2022, có 4 em học sinh tốt nghiệp THPT do SASCO "uơm mầm" đã đạt thành tích học tập xuất sắc và bước chân vào cánh cửa Đại học, đây là những tấm gương điển hình về sự nỗ lực vươn lên trong học tập.

Ngoài ra, SASCO còn thực hiện các hoạt động khuyến học khác như chương trình "Nâng bước em đến trường": trao tặng 28 chiếc xe đạp, đồ dùng học tập cho 73 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại Đà Lạt với tổng kinh phí hơn 100.000.000 VND.

Đối với con em của CBCNV, là những thế hệ "mầm non" cần được đầu tư phát triển, SASCO cũng có chính sách khen thưởng, khích lệ tinh thần phấn đấu học tập cũng như các hoạt động quan tâm chăm sóc tạo cảm giác kết nối thân thuộc với "đại gia đình" SASCO.

### Xóa đói, giảm nghèo



Với mục tiêu "không để ai bị bỏ lại phía sau", SASCO liên tục duy trì hoạt động an sinh xã hội, thiện nguyện nhân văn tại các địa phương, góp phần giúp người nghèo có thêm những sự hỗ trợ thiết thực, vơi bớt những nhọc nhằn trong cuộc sống. Ủng hộ vì người nghèo tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, các địa bàn khó khăn tại Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh...Đóng góp 100.000.000 VND ủng hộ quỹ "Vì người nghèo" Trung Ương - An sinh Xã hội năm 2022 và các hoạt động xã hội khác của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.



## CHƯƠNG 05

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

|  |     |
|--|-----|
| Thông tin về doanh nghiệp  | 108 |
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị                                    | 109 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập  | 110 |
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Mẫu số B 01 – DN)                 | 111 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B 02 - DN) | 114 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Mẫu số B 03 – DN)           | 115 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (Mẫu số B 09 – DN)        | 117 |

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần

Số 0301123125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 27 tháng 4 năm 2018.

### Hội đồng Quản trị

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Hạnh       | Chủ tịch   |
| Bà Đoàn Thị Mai Hương | Thành viên |
| Ông Lê Anh Tuấn       | Thành viên |
| Ông Vũ Hoàng Long     | Thành viên |
| Bà Lê Thị Diệu Thúy   | Thành viên |

### Ban Kiểm soát

|                       |            |
|-----------------------|------------|
| Ông Lưu Quốc Hoàng    | Trưởng ban |
| Ông Chu Khánh Toàn    | Thành viên |
| Bà Trần Thị Thu Trang | Thành viên |

### Ban Điều hành

|                           |   |
|---------------------------|---|
| Bà Đoàn Thị Mai Hương     | Tổng Giám đốc   |
| Ông Nguyễn Văn Hùng Cường | Phó Tổng Giám đốc                                     |
| Bà Nguyễn Minh Ngọc       | Phó Tổng Giám đốc                                     |
| Bà Tôn Nữ Diệu Trí        | Kế toán trưởng kiêm<br>Trưởng phòng Tài chính Kế toán |

### Người đại diện theo pháp luật

|                       |               |
|-----------------------|---------------|
| Bà Đoàn Thị Mai Hương | Tổng Giám đốc |
|-----------------------|---------------|

### Trụ sở chính

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- » Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- » Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- » Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính tổng hợp của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Phê chuẩn báo cáo tài chính tổng hợp của Hội đồng Quản trị

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm từ trang 111 đến trang 164. Báo cáo tài chính tổng hợp này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**Nguyễn Hạnh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh  
Ngày 22 tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022, và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính tổng hợp này bao gồm: bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 111 đến trang 164.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



**Lương Thị Ánh Tuyết**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3048-2019-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Thái Văn Cường**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3435-2020-006-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | 2022 (VND)               | 2021 (VND)             |
|------------|--|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      |             | <b>1.203.492.606.148</b> | <b>763.570.708.660</b> |
| <b>110</b> | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>3</b>    | <b>214.308.128.373</b>   | <b>157.792.346.184</b> |
| 111        | Tiền   |             | 172.308.128.373          | 77.792.346.184         |
| 112        | Các khoản tương đương tiền                   |             | 42.000.000.000           | 80.000.000.000         |
| <b>120</b> | <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>   |             | <b>435.000.000.000</b>   | <b>355.000.000.000</b> |
| 121        | Chứng khoán kinh doanh                       | 4(a)        | 28.644.000.000           | 28.644.000.000         |
| 122        | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh     | 4(a)        | (28.644.000.000)         | (28.644.000.000)       |
| 123        | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 4(b)        | 435.000.000.000          | 355.000.000.000        |
| <b>130</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           |             | <b>203.694.268.700</b>   | <b>122.079.293.903</b> |
| 131        | Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 5           | 162.506.311.385          | 59.461.723.123         |
| 132        | Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 6           | 19.294.816.836           | 35.763.173.003         |
| 136        | Phải thu ngắn hạn khác                       | 7(a)        | 89.840.400.348           | 94.082.136.651         |
| 137        | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi           | 8           | (67.947.259.869)         | (67.227.738.874)       |
| <b>140</b> | <b>Hàng tồn kho</b>                          |             | <b>252.312.612.357</b>   | <b>29.124.937.679</b>  |
| 141        | Hàng tồn kho                                 | 9           | 252.312.612.357          | 29.124.937.679         |
| <b>150</b> | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 |             | <b>98.177.596.718</b>    | <b>99.574.130.894</b>  |
| 151        | Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 10(a)       | 3.218.307.413            | 2.129.786.308          |
| 152        | Thuế Giá trị Gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ | 10(a)       | 94.936.770.563           | 87.632.465.419         |
| 153        | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 16(a)       | 22.518.742               | 9.811.879.167          |

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

| Mã số      | TÀI SẢN (tiếp theo)                     | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm |                          |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
|            |   |             | 2022 (VND)               | 2021 (VND)               |
| <b>200</b> | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                  |             | <b>840.339.893.806</b>   | <b>787.576.234.235</b>   |
| <b>210</b> | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>       |             | <b>237.129.816.746</b>   | <b>237.129.816.746</b>   |
| 216        | Phải thu dài hạn khác                   | 7(b)        | 467.241.002.387          | 472.615.323.012          |
| 219        | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi       | 7(b), 8     | (230.111.185.641)        | (235.485.506.266)        |
| <b>220</b> | <b>Tài sản cố định</b>                  |             | <b>194.142.672.049</b>   | <b>169.500.640.173</b>   |
| 221        | Tài sản cố định hữu hình                | 11(a)       | 171.523.801.541          | 137.879.762.320          |
| 222        | Nguyên giá                              |             | 581.724.606.296          | 506.660.802.365          |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế                 |             | (410.200.804.755)        | (368.781.040.045)        |
| 224        | Tài sản cố định thuê tài chính          | 11(b)       | -                        | 7.904.941.526            |
| 225        | Nguyên giá                              |             | -                        | 10.768.723.579           |
| 226        | Giá trị khấu hao lũy kế                 |             | -                        | (2.863.782.053)          |
| 227        | Tài sản cố định vô hình                 | 11(c)       | 22.618.870.508           | 23.715.936.327           |
| 228        | Nguyên giá                              |             | 36.150.175.418           | 36.015.175.418           |
| 229        | Giá trị khấu hao lũy kế                 |             | (13.531.304.910)         | (12.299.239.091)         |
| <b>230</b> | <b>Bất động sản đầu tư</b>              | <b>12</b>   | <b>32.243.749.055</b>    | <b>32.243.749.055</b>    |
| 231        | Nguyên giá                              |             | 37.252.913.794           | 37.252.913.794           |
| 232        | Giá trị khấu hao lũy kế                 |             | (5.009.164.739)          | (5.009.164.739)          |
| <b>240</b> | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>          |             | <b>93.365.063.862</b>    | <b>88.968.065.999</b>    |
| 242        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang         | 13          | 93.365.063.862           | 88.968.065.999           |
| <b>250</b> | <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>         |             | <b>266.561.118.574</b>   | <b>242.928.815.998</b>   |
| 252        | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 4(c)        | 178.277.281.987          | 178.277.281.987          |
| 253        | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác          | 4(c)        | 117.246.251.500          | 107.246.251.500          |
| 254        | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn       | 4(c)        | (28.962.414.913)         | (42.594.717.489)         |
| <b>260</b> | <b>Tài sản dài hạn khác</b>             |             | <b>16.897.473.520</b>    | <b>16.805.146.264</b>    |
| 261        | Chi phí trả trước dài hạn               | 10(b)       | 15.007.411.897           | 14.761.886.379           |
| 262        | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại          | 21          | 1.890.061.623            | 2.043.259.885            |
| <b>270</b> | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>2.043.832.499.954</b> | <b>1.551.146.942.895</b> |

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 164 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                      | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm |                          |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|            |  |             | 2022 (VND)               | 2021 (VND)               |
| <b>300</b> | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                             |             | <b>518.323.031.206</b>   | <b>130.225.593.753</b>   |
| <b>310</b> | <b>Nợ ngắn hạn</b>                             |             | <b>517.563.911.206</b>   | <b>129.873.447.753</b>   |
| 311        | Phải trả người bán ngắn hạn                    | 14          | 381.830.110.171          | 35.502.936.959           |
| 312        | Người mua trả tiền trước ngắn hạn              | 15          | 4.053.872.656            | 4.616.107.046            |
| 313        | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước            | 16(b)       | 7.404.682.523            | 47.805.374               |
| 314        | Phải trả người lao động                        | 17          | 51.200.258.235           | 30.588.053.337           |
| 315        | Chi phí phải trả ngắn hạn                      |             | 175.993.068              | 27.699.612               |
| 318        | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn              |             | 1.519.819.853            | 1.159.154.925            |
| 319        | Phải trả ngắn hạn khác                         | 18          | 10.173.678.975           | 10.780.803.796           |
| 320        | Nợ thuê tài chính ngắn hạn                     | 19          | -                        | 2.413.939.077            |
| 322        | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                      | 20          | 61.205.495.725           | 44.736.947.627           |
| <b>330</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                              |             | <b>759.120.000</b>       | <b>352.146.000</b>       |
| 337        | Phải trả dài hạn khác                          |             | 759.120.000              | 352.146.000              |
| <b>400</b> | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                          |             | <b>1.525.509.468.748</b> | <b>1.420.921.349.142</b> |
| <b>410</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                          |             | <b>1.525.509.468.748</b> | <b>1.420.921.349.142</b> |
| 411        | Vốn góp của chủ sở hữu                         | 22, 23      | 1.334.813.100.000        | 1.334.813.100.000        |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       |             | 1.334.813.100.000        | 1.334.813.100.000        |
| 412        | Thặng dư vốn cổ phần                           | 23          | 3.862.620.000            | 3.862.620.000            |
| 415        | Cổ phiếu quỹ                                   | 23          | (341.040.000)            | (341.040.000)            |
| 418        | Quỹ đầu tư phát triển                          | 23          | 582.661.723              | 582.661.723              |
| 421        | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối     | 23          | 186.592.127.025          | 82.004.007.419           |
| 421a       | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước |             | 102.529.397              | 78.940.402.428           |
| 421b       | - LNST chưa phân phối của năm nay              |             | 186.489.597.628          | 3.063.604.991            |
| <b>440</b> | <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                          |             | <b>2.043.832.499.954</b> | <b>1.551.146.942.895</b> |



Nguyễn Thị Vân Anh

Người lập

Ngày 22 tháng 3 năm 2023



Tôn Nữ Diệu Trí

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương

Tổng Giám đốc



Mẫu số B 02 – DN

Mẫu số B 03 – DN

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

| Mã số     | Thuyết minh  | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm |                          |
|-----------|--|---|--------------------------|
|           |  | 2022 (VND)                                  | 2021 (VND)               |
| <b>01</b> | <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                | <b>1.400.585.057.215</b>                    | <b>321.463.693.340</b>   |
| 02        | Các khoản giảm trừ doanh thu                                 | (329.074.144)                               | (385.416.133)            |
| <b>10</b> | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>       | <b>1.400.255.983.071</b>                    | <b>321.078.277.207</b>   |
| <b>11</b> | <b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>                  | <b>(665.973.589.760)</b>                    | <b>(172.313.129.384)</b> |
| <b>20</b> | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>         | <b>734.282.393.311</b>                      | <b>148.765.147.823</b>   |
| 21        | Doanh thu hoạt động tài chính                                | 89.733.202.366                              | 106.855.312.261          |
| 22        | Chi phí tài chính  | 3.623.785.324                               | (46.485.100.918)         |
| 23        | - Trong đó: Chi phí lãi vay                                  | (91.451.462)                                | (302.411.787)            |
| 25        | Chi phí bán hàng   | (404.168.028.410)                           | (115.173.835.061)        |
| 26        | Chi phí quản lý doanh nghiệp                                 | (199.059.764.437)                           | (93.367.249.505)         |
| <b>30</b> | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>               | <b>224.411.588.154</b>                      | <b>594.274.600</b>       |
| 31        | Thu nhập khác  | 6.685.937.576                               | 3.007.237.910            |
| 32        | Chi phí khác   | (1.228.521.044)                             | (537.907.519)            |
| <b>40</b> | <b>Lợi nhuận khác</b>  | <b>5.457.416.532</b>                        | <b>2.469.330.391</b>     |
| <b>50</b> | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                     | <b>229.869.004.686</b>                      | <b>3.063.604.991</b>     |
| <b>51</b> | <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành</b> | <b>(19.704.998.284)</b>                     | <b>-</b>                 |
| <b>52</b> | <b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>                           | <b>(153.198.262)</b>                        | <b>-</b>                 |
| <b>60</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                               | <b>210.010.808.140</b>                      | <b>3.063.604.991</b>     |
| <b>70</b> | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                              | <b>1.397</b>                                | <b>23</b>                |
| <b>71</b> | <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                            | <b>1.397</b>                                | <b>23</b>                |

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số  | Thuyết minh  | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm |                         |
|--|--|---|-------------------------|
|  |  | 2022 (VND)                                  | 2021 (VND)              |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |  |   |                         |
| <b>01</b>                                      | <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>229.869.004.686</b>                      | <b>3.063.604.991</b>    |
| Điều chỉnh cho các khoản:                      |  |   |                         |
| 02   | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")  | 42.418.389.894                              | 39.695.509.381          |
| 03   | Hoàn nhập các khoản dự phòng   | (18.247.102.206)                            | (13.489.753.383)        |
| 04   | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 3.120.007.718                               | 29.423.389.742          |
| 05   | Lãi từ hoạt động đầu tư  | (83.660.303.942)                            | (104.630.715.289)       |
| 06   | Chi phí lãi vay  | 91.451.462                                  | 302.411.787             |
| <b>08</b>                                      | <b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>      | <b>173.591.447.612</b>                      | <b>(45.635.552.771)</b> |
| 09   | (Tăng)/giảm các khoản phải thu   | (84.747.128.733)                            | 106.959.739.446         |
| 10   | (Tăng)/giảm hàng tồn kho   | (223.187.674.678)                           | 115.421.661.458         |
| 11   | Tăng/(giảm) các khoản phải trả   | 357.823.666.381                             | (152.437.020.839)       |
| 12   | Giảm chi phí trả trước   | 2.275.747.939                               | 7.497.034.760           |
| 14   | Tiền lãi vay đã trả  | (107.646.325)                               | (331.785.072)           |
| 15   | Thuế thu TNDN đã nộp   | 9.000.000.000                               | -                       |
| 16   | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | -   | 2.980.000               |
| 17   | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | (13.286.907.466)                            | (23.746.818.931)        |
| <b>20</b>                                      | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 | <b>221.361.504.730</b>                      | <b>7.730.238.051</b>    |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |   |                         |
| 21   | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ   | (76.667.516.587)                            | (28.197.729.334)        |
| 22   | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ  | 11.519.179                                  | -                       |
| 23   | Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn  | (370.000.000.000)                           | (270.000.000.000)       |
| 24   | Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn  | 290.000.000.000                             | 347.000.000.000         |

*(Signature)*

*(Signature)*



**Nguyễn Thị Vân Anh**

Người lập

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 164 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

**Tôn Nữ Diệu Trí**

Kế toán trưởng





**Đoàn Thị Mai Hương**

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)

| Mã số   | Thuyết minh  | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm |                         |
|---|--|---|-------------------------|
|   |  | 2022 (VND)                                  | 2021 (VND)              |
| 25  | Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                             | (10.000.000.000)                            | -                       |
| 27  | Tiền thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia | 82.616.146.165                              | 110.035.323.743         |
| <b>30</b>                                     | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>               | <b>(84.039.851.243)</b>                     | <b>158.837.594.409</b>  |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |   |                         |
| 35  | Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính                             | (2.413.939.077)                             | (2.764.411.732)         |
| 36  | Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông                            | (75.785.726.535)                            | (80.040.963.800)        |
| <b>40</b>                                     | <b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>                 | <b>(78.199.665.612)</b>                     | <b>(82.805.375.532)</b> |
| <b>50</b>                                     | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                         | <b>59.121.987.875</b>                       | <b>83.762.456.928</b>   |
| <b>60</b>                                     | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                        | <b>157.792.346.184</b>                      | <b>74.065.652.452</b>   |
| 61  | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | (2.606.205.686)                             | (35.763.196)            |
| <b>70</b>                                     | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                       | <b>214.308.128.373</b>                      | <b>157.792.346.184</b>  |

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được trình bày tại Thuyết minh 34.

**Nguyễn Thị Vân Anh**

Người lập

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 117 đến trang 164 là một phần cấu thành báo cáo tài chính tổng hợp này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (“Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước – Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất theo Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT ngày 7 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301123125 (số cũ 4106000177), đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 6 năm 2010, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 27 tháng 4 năm 2018, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 16 tháng 4 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán “SAS”.

Hoạt động chính của Công ty như sau:

- » Bán hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ;
- » Sản xuất gia vị, nước chấm;
- » Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch;
- » Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách;
- » Kinh doanh dịch vụ quảng cáo và dịch vụ phòng chờ hạng thương gia tại sân bay;
- » Cung cấp suất ăn hàng không và đường sắt;
- » Đại lý vé máy bay; và
- » Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho và mặt bằng.

Chu kỳ sản xuất và kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: có 3 chi nhánh). Chi tiết như sau:

| STT | Chi nhánh   | Nơi thành lập và đăng ký hoạt động   | Hoạt động chính                              |
|-----|---|--|--|
| 1   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc  | Số 379 Đường Nguyễn Trung Trực, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang | Kinh doanh dịch vụ du lịch, khu nghỉ dưỡng   |
| 2   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An   | Lô Q-1B Khu Công nghiệp Long Hậu mở rộng, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giờ, Tỉnh Long An     | Sản xuất nước mắm                            |
| 3   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Khánh Hòa | Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa | Kinh doanh dịch vụ phòng chờ hạng thương gia |

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 5 đơn vị thuộc Văn phòng Công ty Thành phố Hồ Chí Minh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: có 4 đơn vị). Chi tiết như sau:

| STT | Tên đơn vị  | Địa chỉ   |
|-----|---|---|
| 1   | Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất   | Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                                  |
| 2   | Phòng kinh doanh hàng miễn thuế   | Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                                  |
| 3   | Phòng kinh doanh dịch vụ phòng chờ  | Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                                  |
| 4   | Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội | Tầng 4, Tòa nhà NTS, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Cường, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 5   | Trung tâm dịch vụ chuyến bay  | Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                                  |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 5 công ty liên doanh, liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5 công ty liên doanh, liên kết) như được trình bày trong Thuyết minh 4(c) – Đầu tư vào công ty liên kết. Chi tiết như sau:

| STT | Tên  | Nơi thành lập và đăng ký hoạt động | Hoạt động chính   | 31.12.2022       |                      | 31.12.2021       |                      |
|-----|--|------------------------------------|---|------------------|----------------------|------------------|----------------------|
|     |  |                                    |   | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
| 1   | Công ty TNHH Phú Quốc – SASCO                    | Tỉnh Kiên Giang                    | Chế biến thủy sản; kinh doanh dịch vụ khách sạn   | 50,00            | 50,00                | 50,00            | 50,00                |
| 2   | Công ty Cổ phần Thương mại Xăng Dầu Tân Sơn Nhất | Thành phố Hồ Chí Minh              | Bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu   | 38,03            | 38,03                | 38,03            | 38,03                |
| 3   | Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt              | Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức     | Kinh doanh nhà hàng, quán bar; dịch vụ nhà khác, phòng họp; trưng bày và trực tiếp bán buôn, bán lẻ các mặt hàng Việt Nam, xuất nhập khẩu; môi giới xuất nhập khẩu; xúc tiến thương mại và đầu tư | 29,00            | 29,00                | 29,00            | 29,00                |
| 4   | Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh             | Thành phố Hồ Chí Minh              | Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; cho thuê cây  | 24,00            | 24,00                | 24,00            | 24,00                |
| 5   | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh  | Thành phố Hồ Chí Minh              | Dịch vụ, thương mại   | 20,00            | 20,00                | 20,00            | 20,00                |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 992 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 816 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Báo cáo tài chính tổng hợp được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán tổng hợp. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp tới ngày đến hạn thu hồi.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.8 Đầu tư tài chính

#### (a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- » Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- » Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### (b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp đến ngày đáo hạn.

#### (c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

#### (d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

#### (e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết; đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

## Mẫu số B 09 – DN

## Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính tổng hợp trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

|                           |            |
|---------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 5 - 30 năm |
| Máy móc thiết bị          | 5 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải       | 7 năm      |
| Thiết bị quản lý          | 5 năm      |
| TSCĐ khác                 | 5 năm      |
| Phần mềm máy tính         | 5 năm      |
| Nhãn hiệu, tên thương mại | 5 năm      |

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn, trong đó:

- » Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao;
- » Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất trong vòng từ 33 năm đến 50 năm.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuê tài sản**

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

*Khấu hao*

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tổn thất bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá chờ tăng giá được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy. Chênh lệch giữa khoản tổn thất lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản tổn thất đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm. Khoản tổn thất được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### 2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- » Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- » Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp tới ngày đến hạn thanh toán.

### 2.14 Nợ thuê tài chính

Nợ thuê tài chính bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

### 2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

### 2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

### 2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm tiền trả trước về cho thuê. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

### 2.18 Vốn chủ sở hữu

*Vốn góp chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ hoặc mệnh giá cổ phiếu bị hủy bỏ điều chỉnh giảm vốn.

*Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

*LNST chưa phân phối*

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh tổng hợp sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

### 2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

#### (a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### (b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

### 2.20 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- » Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- » Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- » Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho người mua kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

#### (b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- » Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- » Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### (c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

#### (d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức, lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

### 2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

### 2.22 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### 2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; và lỗ tỷ giá hối đoái.

## Mẫu số B 09 – DN

## Mẫu số B 09 – DN

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.24 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

**2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.26 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.27 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên doanh, liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt chủ yếu bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.28 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**2.29 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và được Ban Điều hành đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                 | 31.12.2022 (VND)       | 31.12.2021 (VND)       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt                        | 13.019.583.713         | 2.913.626.328          |
| Tiền gửi ngân hàng              | 158.191.856.562        | 74.828.414.341         |
| Tiền đang chuyển (i)            | 1.096.688.098          | 50.305.515             |
| Các khoản tương đương tiền (ii) | 42.000.000.000         | 80.000.000.000         |
|                                 | <b>214.308.128.373</b> | <b>157.792.346.184</b> |

(i) Tiền đang chuyển thể hiện giá trị của tiền thu từ thẻ tín dụng của khách hàng.

(ii) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất được hưởng là từ 3,3%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,3%/năm đến 3,6%/năm).



**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**  
**(a) Chứng khoán kinh doanh**

|   | 31.12.2022     |                      | 31.12.2021     |                      |
|---|----------------|----------------------|----------------|----------------------|
|   | Giá gốc (VND)  | Giá trị hợp lý (VND) | Giá gốc (VND)  | Giá trị hợp lý (VND) |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (*) | 28.644.000.000 | (**)                 | 28.644.000.000 | (**)                 |
|   |                | (28.644.000.000)     |                | (28.644.000.000)     |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á vẫn nằm trong diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và cổ phiếu của Ngân hàng này không được phép chuyển nhượng. Do đó, Ban Điều hành đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                    | 31.12.2022      |                      | 31.12.2021      |                      |
|--------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|
|                    | Giá gốc (VND)   | Giá trị ghi sổ (VND) | Giá gốc (VND)   | Giá trị ghi sổ (VND) |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 435.000.000.000 | 435.000.000.000      | 355.000.000.000 | 355.000.000.000      |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước và hưởng lãi suất cố định từ 4%/năm đến 11,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,7%/năm đến 5,7%/năm).

Mẫu số B 09 - DN

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | 31.12.2022             |                      | 31.12.2021             |                         |
|--|------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
|  | Giá gốc (VND)          | Giá trị hợp lý (VND) | Giá gốc (VND)          | Giá trị hợp lý (VND)    |
| <b>i. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>    |                        |                      |                        |                         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất (i) | 149.376.730.000        | (*)                  | 149.376.730.000        | (*)                     |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (ii)             | 14.900.289.718         | (*)                  | 14.900.289.718         | (*)                     |
| Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco (iii)                  | 10.800.262.269         | (*)                  | 10.800.262.269         | (*)                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trôi Xanh (iv) | 2.000.000.000          | (*)                  | 2.000.000.000          | (*)                     |
| Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh (v)             | 1.200.000.000          | (*)                  | 1.200.000.000          | (*)                     |
|  | <b>178.277.281.987</b> |                      | <b>178.277.281.987</b> | <b>(29.928.729.239)</b> |

**ii. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  |                        |                |                        |                         |
|--|------------------------|----------------|------------------------|-------------------------|
| Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền                   | 44.732.290.000         | (*)            | 44.732.290.000         | (*)                     |
| Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Sân bay Nội Bài | 21.811.000.000         | 36.362.020.000 | 21.811.000.000         | 42.842.380.000          |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất      | 15.464.785.500         | (*)            | 15.464.785.500         | (*)                     |
| Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công           | 11.542.176.000         | 2.665.705.500  | 11.542.176.000         | 3.806.187.750           |
| Công ty Cổ phần Bellazio Logistics                 | 10.000.000.000         | (*)            | -                      | -                       |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài | 8.696.000.000          | 13.675.200.000 | 8.696.000.000          | 10.718.400.000          |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp               | 4.930.000.000          | (*)            | 4.930.000.000          | (*)                     |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm   | 70.000.000             | (*)            | 70.000.000             | (*)                     |
|  | <b>117.246.251.500</b> |                | <b>107.246.251.500</b> | <b>(12.665.988.250)</b> |
|  | <b>295.523.533.487</b> |                | <b>285.523.533.487</b> | <b>(42.594.717.489)</b> |

Mẫu số B 09 - DN

## Mẫu số B 09 – DN

## Mẫu số B 09 – DN

## 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395 thay đổi lần thứ 13 ngày 8 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 Đồng, tương đương 38,03% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 8 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) 14.900.289.718 Đồng, tương đương 29% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 09-2018/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty thông qua quyết định ngưng hoạt động Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) tại Cộng hòa Liên bang Đức. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư này. Công ty đang triển khai các thủ tục pháp lý để chấm dứt hoạt động của Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) tại Cộng hòa Liên bang Đức.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5602000027 thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc – SASCO 10.800.262.269 Đồng, tương đương 50% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313546236 ngày 23 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh 2 tỷ đồng, tương đương 20% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515483 ngày 19 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh.

(\*) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|   | 31.12.2022 (VND)       | 31.12.2021 (VND)      |
|---|------------------------|-----------------------|
| Bên thứ ba                              |                        |                       |
| Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt     | 55.250.530.021         | 29.648.601.236        |
| Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP | 39.650.867.766         | 12.751.200            |
| Priority Pass (A.P) Ltd.                | 20.498.674.026         | 995.638.840           |
| Khác                                    | 38.368.124.302         | 22.009.420.701        |
|   | 153.768.196.115        | 52.666.411.977        |
| Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))       | 8.738.115.270          | 6.795.311.146         |
|   | <b>162.506.311.385</b> | <b>59.461.723.123</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 7.179.749.500 Đồng và 7.478.614.745 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

## 6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|   | 31.12.2022 (VND)      | 31.12.2021 (VND)      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Bên thứ ba  |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Miền Bắc           | 4.854.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại GHT Việt Nam | 3.900.000.000         | 3.900.000.000         |
| Công ty Cổ phần CN Đại Thủy                       | 3.900.000.000         | 3.900.000.000         |
| Khác  | 6.640.816.836         | 27.923.453.812        |
|   | 19.294.816.836        | 35.723.453.812        |
| Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))                 | -                     | 39.719.191            |
|   | <b>19.294.816.836</b> | <b>35.763.173.003</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản trả trước cho người bán đã quá hạn thanh toán lần lượt là 1.980.836.402 Đồng và 283.667.290 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 7 PHẢI THU KHÁC

## (a) Ngắn hạn

|  | 31.12.2022            |                         | 31.12.2021            |                         |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
|  | Giá trị (VND)         | Dự phòng (VND)          | Giá trị (VND)         | Dự phòng (VND)          |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) (i)   | 44.773.460.791        | (44.773.460.791)        | 45.195.141.806        | (45.195.141.806)        |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam  | 14.025.213.176        | (14.025.213.176)        | 14.352.776.533        | (14.352.776.533)        |
| Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - Chi hệ tiền thuê đất | 7.024.679.124         | -                       | 7.024.679.124         | -                       |
| Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng  | 7.909.558.137         | -                       | 6.874.427.999         | -                       |
| Ký quỹ   | 3.731.399.040         | -                       | 3.656.399.040         | -                       |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất sân bay Việt Nam - Chi hệ tiền thuê đất   | 3.479.204.164         | -                       | 5.479.204.164         | -                       |
| IPP Group (S) Pte., Ltd. - phần bù lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh miễn thuế (ii)                               | 3.501.936.000         | -                       | 5.537.408.475         | -                       |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Kinh doanh nhà Phú Nhuận - Thu hồi vốn và lãi bán nền nhà                  | 721.752.000           | -                       | 1.232.364.000         | -                       |
| Tạm ứng  | 295.000.000           | -                       | 317.745.000           | -                       |
| Khác   | 4.378.197.916         | -                       | 4.411.990.510         | -                       |
|  | <b>89.840.400.348</b> | <b>(58.798.673.967)</b> | <b>94.082.136.651</b> | <b>(59.547.918.339)</b> |

Trong đó:

|                                   | 31.12.2022 (VND)      | 31.12.2021 (VND)      |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bên thứ ba                        | 27.539.790.381        | 28.996.809.837        |
| Bên liên quan (Thuyết minh 36(b)) | 62.300.609.967        | 65.085.326.814        |
|                                   | <b>89.840.400.348</b> | <b>94.082.136.651</b> |

(i) Phải thu từ Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) thể hiện giá trị của khoản chi hệ cho dự án liên doanh Nhà Viethaus để xây dựng một trung tâm xúc tiến thương mại, đầu tư, văn hóa và du lịch Việt Nam tại Berlin. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này.

(ii) Phải thu ngắn hạn từ IPP Group (S) Pte., Ltd. là phần bù lợi nhuận gộp trong hoạt động kinh doanh miễn thuế theo hợp đồng ký kết giữa Công ty và IPP Group (S) Pte., Ltd.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu khác ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 58.798.673.967 Đồng và 59.547.918.339 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

## (b) Dài hạn

|  | 31.12.2022             |                          | 31.12.2021             |                          |
|--|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
|  | Giá trị (VND)          | Dự phòng (VND)           | Giá trị (VND)          | Dự phòng (VND)           |
| Công ty Liên Doanh Cổ phần Nhà Việt (Viethaus) (Thuyết minh 7(a))  | 230.111.185.641        | (230.111.185.641)        | 235.485.506.266        | (235.485.506.266)        |
| Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc và Phòng Tài chính Kế hoạch - UBND Huyện Phú Quốc (i) | 162.389.278.838        | -                        | 162.389.278.838        | -                        |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư Giao thông vận tải (Tracimexco) (ii)                          | 30.040.240.000         | -                        | 30.040.240.000         | -                        |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và kinh doanh nhà Phú Nhuận (iii)   | 16.978.636.950         | -                        | 16.978.636.950         | -                        |
| Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất  | 13.000.000.000         | -                        | 13.000.000.000         | -                        |
| Ký quỹ   | 9.109.968.265          | -                        | 9.109.968.265          | -                        |
| Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn SASCO - Nha Trang   | 5.611.692.693          | -                        | 5.611.692.693          | -                        |
|  | <b>467.241.002.387</b> | <b>(230.111.185.641)</b> | <b>472.615.323.012</b> | <b>(235.485.506.266)</b> |

Trong đó:

|                                   | 31.12.2022 (VND)       | 31.12.2021 (VND)       |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Bên thứ ba                        | 237.129.816.746        | 237.129.816.746        |
| Bên liên quan (Thuyết minh 36(b)) | 230.111.185.641        | 235.485.506.266        |
|                                   | <b>467.241.002.387</b> | <b>472.615.323.012</b> |

(i) Ứng tiền cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Phú Quốc và Phòng Tài chính kế hoạch - UBND Huyện Phú Quốc là khoản bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại Khu Du lịch Sinh thái Bắc Vũng tại Ấp 4, Phường Cửa Cạn, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

(ii) Phải thu dài hạn từ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải (Tracimexco) thể hiện giá trị khoản vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng.

(iii) Phải thu dài hạn từ Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Kinh doanh Nhà Phú Nhuận thể hiện giá trị khoản vốn góp hợp tác kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu khác dài hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 230.111.185.641 Đồng và 235.485.506.266 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 8 NỢ QUÁ HẠN

31.12.2022

|   | Giá trị (VND)          | Giá trị có thể thu hồi (VND) | Dự phòng (VND)           | Thời gian quá hạn            |
|---|------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b> |                        |                              |                          |                              |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 4.562.914.090          | -                            | (4.562.914.090)          | Trên 7 năm                   |
| Khác  | 2.616.835.410          | 12.000.000                   | (2.604.835.410)          | Từ trên 1 năm đến trên 8 năm |
|   | <b>7.179.749.500</b>   | <b>12.000.000</b>            | <b>(7.167.749.500)</b>   |                              |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</b> |                        |                              |                          |                              |
| Khác  | 1.980.836.402          | -                            | (1.980.836.402)          | Trên 6 năm                   |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))</b>        |                        |                              |                          |                              |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 44.773.460.791         | -                            | (44.773.460.791)         | Trên 7 năm                   |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam             | 14.025.213.176         | -                            | (14.025.213.176)         | Trên 6 năm                   |
|   | <b>58.798.673.967</b>  | <b>-</b>                     | <b>(58.798.673.967)</b>  |                              |
| <b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))</b>         |                        |                              |                          |                              |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 230.111.185.641        | -                            | (230.111.185.641)        | Trên 7 năm                   |
|   | <b>298.070.445.510</b> | <b>12.000.000</b>            | <b>(298.058.445.510)</b> |                              |

31.12.2022

|   | Giá trị (VND)          | Giá trị có thể thu hồi (VND) | Dự phòng (VND)           | Thời gian quá hạn            |
|---|------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)</b>     |                        |                              |                          |                              |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 4.604.226.335          | -                            | (4.604.226.335)          | Trên 6 năm                   |
| Khác  | 2.874.388.410          | 82.461.500                   | (2.791.926.910)          | Từ trên 1 năm đến trên 8 năm |
|   | <b>7.478.614.745</b>   | <b>82.461.500</b>            | <b>(7.396.153.245)</b>   |                              |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</b> |                        |                              |                          |                              |
| Khác  | 283.667.290            | -                            | (283.667.290)            | Trên 5 năm                   |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))</b>        |                        |                              |                          |                              |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 45.195.141.806         | -                            | (45.195.141.806)         | Trên 6 năm                   |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam             | 14.352.776.533         | -                            | (14.352.776.533)         | Trên 5 năm                   |
|   | <b>59.547.918.339</b>  | <b>-</b>                     | <b>(59.547.918.339)</b>  |                              |
| <b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))</b>         |                        |                              |                          |                              |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 235.485.506.266        | -                            | (235.485.506.266)        | Trên 6 năm                   |
|   | <b>302.795.706.640</b> | <b>82.461.500</b>            | <b>(302.713.245.140)</b> |                              |

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 9 HÀNG TỒN KHO

|                  | 31.12.2022             |                | 31.12.2021            |                |
|------------------|------------------------|----------------|-----------------------|----------------|
|                  | Giá gốc (VND)          | Dự phòng (VND) | Giá gốc (VND)         | Dự phòng (VND) |
| Hàng hóa         | 243.356.968.746        | -              | 19.030.398.357        | -              |
| Nguyên vật liệu  | 4.365.058.387          | -              | 4.823.492.708         | -              |
| Công cụ, dụng cụ | 3.959.796.738          | -              | 3.920.163.092         | -              |
| Thành phẩm       | 630.788.486            | -              | 1.348.718.722         | -              |
| Hàng gửi đi bán  | -                      | -              | 2.164.800             | -              |
|                  | <b>252.312.612.357</b> | <b>-</b>       | <b>29.124.937.679</b> | <b>-</b>       |

## 10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## (a) Ngắn hạn

|                  | 31.12.2022 (VND)     | 31.12.2021 (VND)     |
|------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 249.929.565          | 308.861.340          |
| Công cụ, dụng cụ | 623.226.596          | 100.282.113          |
| Khác             | 2.345.151.252        | 1.720.642.855        |
|                  | <b>3.218.307.413</b> | <b>2.129.786.308</b> |

## (b) Dài hạn

|  | 31.12.2022 (VND)      | 31.12.2021 (VND)      |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền thuê mặt bằng, nhà kho, nhà xưởng | 8.764.193.308         | 9.001.598.092         |
| Công cụ, dụng cụ                       | 3.076.042.284         | 860.465.198           |
| Chi phí sửa chữa lớn                   | 452.946.479           | 2.013.009.266         |
| Khác                                   | 2.714.229.826         | 2.886.813.823         |
|  | <b>15.007.411.897</b> | <b>14.761.886.379</b> |

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

|                       | 2022 (VND)            | 2021 (VND)            |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm         | 16.891.672.687        | 23.899.657.956        |
| Tăng                  | 31.399.837.796        | 24.951.300.228        |
| Phân bổ               | (30.065.791.173)      | (31.959.285.497)      |
| <b>Số dư cuối năm</b> | <b>18.225.719.310</b> | <b>16.891.672.687</b> |

## 11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

## (a) TSCĐ hữu hình

|   | Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc (VND) | Máy móc, thiết bị (VND) | Phương tiện vận tải (VND) | Thiết bị quản lý (VND) | Khác (VND)            | Tổng cộng (VND)        |
|---|------------|------------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         |            | 218.390.622.633              | 41.036.430.607          | 223.447.480.692           | 6.973.073.967          | 16.813.194.466        | <b>506.660.802.365</b> |
| Mua trong năm                                       |            | -                            | 339.693.376             | 44.430.258.184            | -                      | -                     | <b>44.769.951.560</b>  |
| Chuyển từ chi phí xây dựng dở dang (Thuyết minh 13) |            | 21.016.044.054               | 1.141.917.696           | -                         | -                      | -                     | <b>22.157.961.750</b>  |
| Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 11(b))   |            | -                            | -                       | 10.768.723.579            | -                      | -                     | <b>10.768.723.579</b>  |
| Thanh lý, nhượng bán                                |            | -                            | (928.641.143)           | -                         | (325.609.684)          | -                     | <b>(1.254.250.827)</b> |
| Phá dỡ tài sản hư hỏng                              |            | (1.378.582.131)              | -                       | -                         | -                      | -                     | <b>(1.378.582.131)</b> |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                |            | <b>238.028.084.556</b>       | <b>41.589.400.536</b>   | <b>278.646.462.455</b>    | <b>6.647.464.283</b>   | <b>16.813.194.466</b> | <b>581.724.606.296</b> |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>                              |            |                              |                         |                           |                        |                       |                        |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         |            | 132.512.607.459              | 27.809.502.370          | 186.305.949.034           | 5.609.043.737          | 16.543.937.445        | <b>368.781.040.045</b> |
| Khấu hao trong năm                                  |            | 19.574.110.858               | 3.928.128.436           | 15.836.229.838            | 571.503.235            | 122.338.145           | <b>40.032.310.512</b>  |
| Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 11(b))   |            | -                            | -                       | 4.017.795.616             | -                      | -                     | <b>4.017.795.616</b>   |
| Thanh lý, nhượng bán                                |            | -                            | (926.149.603)           | -                         | (325.609.684)          | -                     | <b>(1.251.759.287)</b> |
| Phá dỡ tài sản hư hỏng                              |            | (1.378.582.131)              | -                       | -                         | -                      | -                     | <b>(1.378.582.131)</b> |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                |            | <b>150.708.136.186</b>       | <b>30.811.481.203</b>   | <b>206.159.974.488</b>    | <b>5.854.937.288</b>   | <b>16.666.275.590</b> | <b>410.200.804.755</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                              |            |                              |                         |                           |                        |                       |                        |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                         |            | 85.878.015.174               | 13.226.928.237          | 37.141.531.658            | 1.364.030.230          | 269.257.021           | <b>137.879.762.320</b> |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                |            | <b>87.319.948.370</b>        | <b>10.777.919.333</b>   | <b>72.486.487.967</b>     | <b>792.526.995</b>     | <b>146.918.876</b>    | <b>171.523.801.541</b> |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 236.929.815.033 Đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2021: 207.367.617.031 Đồng).

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 11 TSCĐ (TIẾP THEO)

## (b) TSCĐ thuê tài chính

| Phương tiện vận tải (VND)                                    |                  |
|--|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10.768.723.579   |
| Mua lại tài sản thuê tài chính                               | (10.768.723.579) |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                         | -                |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>                                       |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                                  | 2.863.782.053    |
| Khấu hao trong năm   | 1.154.013.563    |
| Mua lại tài sản thuê tài chính                               | (4.017.795.616)  |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                         | -                |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                       |                  |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                                  | 7.904.941.526    |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                         | -                |

Theo Hợp đồng thuê tài sản số 67.19.01 ngày 17 tháng 1 năm 2019 và số 67.19.06 ngày 6 tháng 5 năm 2019, Công ty thực hiện thuê tài chính các xe chở suất ăn lần lượt là FMCT05 và WGSP60 từ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 36 tháng. Công ty đã mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 4.100.000 Đồng và 5.840.000 Đồng căn cứ theo Biên bản thanh lý Hợp đồng và chuyển giao quyền sở hữu ký kết lần lượt ngày 26 tháng 9 năm 2022 và ngày 17 tháng 11 năm 2022.

## (c) TSCĐ vô hình

|  | Quyền sử dụng đất<br>(VND) | Nhãn hiệu,<br>tên thương mại (VND) | Phần mềm máy tính<br>(VND) | Tổng cộng (VND) |
|--|----------------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                            |                                    |                            |                 |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 30.944.738.761             | 55.555.555                         | 5.014.881.102              | 36.015.175.418  |
| Mua trong năm  | -                          | -                                  | 135.000.000                | 135.000.000     |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                         | 30.944.738.761             | 55.555.555                         | 5.149.881.102              | 36.150.175.418  |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>                                       |                            |                                    |                            |                 |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                                  | 8.265.029.224              | 55.555.555                         | 3.978.654.312              | 12.299.239.091  |
| Khấu hao trong năm   | 629.145.755                | -                                  | 602.920.064                | 1.232.065.819   |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                         | 8.894.174.979              | 55.555.555                         | 4.581.574.376              | 13.531.304.910  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                       |                            |                                    |                            |                 |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022                                  | 22.679.709.537             | -                                  | 1.036.226.790              | 23.715.936.327  |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>                         | 22.050.563.782             | -                                  | 568.306.726                | 22.618.870.508  |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.840.969.372 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 878.610.372 Đồng).

## Mẫu số B 09 – DN

## 12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ

| Quyền sử dụng đất (VND)                                      |                |
|--|----------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 37.252.913.794 |
| <b>Khấu hao lũy kế (*)</b>                                   |                |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 5.009.164.739  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                       |                |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 32.243.749.055 |

(\*) Giá trị khấu hao đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và dùng trích khấu hao kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo Thông tư 200.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

|   | Nguyên giá            | Khấu hao lũy kế      | Giá trị còn lại       |
|---|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Khu đất 10.316 m <sup>2</sup> tại Xuân Thới Sơn - Hóc Môn   | 5.132.260.000         | 801.122.625          | 4.331.137.375         |
| Khu đất số 9.10.11 thuộc Khu đất 2.000 m <sup>2</sup> và 1.000m <sup>2</sup> tại Đường Hùng Vương, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang | 6.222.717.346         | 1.256.109.502        | 4.966.607.844         |
| Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m <sup>2</sup> tại Đường Hùng Vương, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang                            | 3.472.623.126         | 660.530.562          | 2.812.092.564         |
| Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m <sup>2</sup> tại Đường Hùng Vương, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang                              | 8.216.358.700         | 683.547.876          | 7.532.810.824         |
| Khu đất 9.973 m <sup>2</sup> tại ấp Rạch Chiếc, Phường Hàm Ninh, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang  | 5.458.267.422         | 396.881.118          | 5.061.386.304         |
| Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m <sup>2</sup> tại Đường Nguyễn Chí Thành, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang                       | 8.750.687.200         | 1.210.973.056        | 7.539.714.144         |
|   | <b>37.252.913.794</b> | <b>5.009.164.739</b> | <b>32.243.749.055</b> |

## Mẫu số B 09 – DN

## 13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

|   | 31.12.2022 (VND)      | 31.12.2021 (VND)      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Dự án Trang trại Suối Nhung (Bình Phước)        | 27.575.369.598        | 27.501.404.479        |
| Dự án Khu Du lịch Sinh thái Nghỉ dưỡng Suối Hoa | 25.020.773.466        | 18.364.084.050        |
| Dự án Khách sạn Sasco Nha Trang                 | 13.492.064.916        | 13.038.027.317        |
| Dự án khu Du lịch Sinh Thái Vũng Bầu Phú Quốc   | 10.751.358.035        | -                     |
| Dự án cải tạo quầy hàng                         | -                     | 9.700.967.040         |
| Khác  | 16.525.497.847        | 20.363.583.113        |
|   | <b>93.365.063.862</b> | <b>88.968.065.999</b> |

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

|   | 2022 (VND)            | 2021 (VND)            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                                 | 88.968.065.999        | 66.285.348.627        |
| Mua sắm                                       | 26.554.959.613        | 24.578.627.653        |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a)) | (22.157.961.750)      | (1.406.860.790)       |
| Khác  | -                     | (489.049.491)         |
| <b>Số dư cuối năm</b>                         | <b>93.365.063.862</b> | <b>88.968.065.999</b> |

## 14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                   | 31.12.2022             |                             | 31.12.2021            |                             |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------------|
|                                   | Giá trị (VND)          | Số có khả năng trả nợ (VND) | Giá trị (VND)         | Số có khả năng trả nợ (VND) |
| Bên thứ ba                        | 50.675.660.044         | 50.675.660.044              | 15.832.661.861        | 15.832.661.861              |
| Bên liên quan (Thuyết minh 36(b)) | 331.154.450.127        | 331.154.450.127             | 19.670.275.098        | 19.670.275.098              |
|                                   | <b>381.830.110.171</b> | <b>381.830.110.171</b>      | <b>35.502.936.959</b> | <b>35.502.936.959</b>       |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có nhà cung cấp nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|                                 | 31.12.2022 (VND)     | 31.12.2021 (VND)     |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Bên thứ ba                      |                      |                      |
| Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam | 1.611.623.178        | 1.611.623.178        |
| Khác                            | 2.442.249.478        | 3.004.254.868        |
|                                 | 4.053.872.656        | 4.615.878.046        |
| Bên liên quan                   | -                    | 229.000              |
|                                 | <b>4.053.872.656</b> | <b>4.616.107.046</b> |

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

|                             | Tại ngày<br>1.1.2022 (VND) | Số (phải thu)/ phải<br>nộp trong năm<br>(VND) | Số đã thực nộp<br>trong năm (VND) | Tại ngày<br>31.12.2022 (VND) |
|-----------------------------|----------------------------|---|-----------------------------------|------------------------------|
| <b>(a) Phải thu</b>         |                            |   |                                   |                              |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 6.236.797.849              | (6.214.279.107)                               | -                                 | 22.518.742                   |
| Thuế TNDN                   | 3.575.081.318              | (3.575.081.318)                               | -                                 | -                            |
|                             | <b>9.811.879.167</b>       | <b>(9.789.360.425)</b>                        | -                                 | <b>22.518.742</b>            |
| <b>(b) Phải nộp</b>         |                            |   |                                   |                              |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu    | -                          | 249.970.975                                   | (249.970.975)                     | -                            |
| Thuế xuất, nhập khẩu        | -                          | 84.189.866                                    | (55.138.869)                      | 29.050.997                   |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 43.769.618                 | 3.242.308.081                                 | (3.070.282.296)                   | 215.795.403                  |
| Thuế TNDN                   | -                          | 16.129.916.966                                | (9.000.000.000)                   | 7.129.916.966                |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt      | 3.618.881                  | 75.870.588                                    | (65.884.578)                      | 13.604.891                   |
| Tiền thuê đất, thuế nhà đất | -                          | 20.814.577.254                                | (20.814.577.254)                  | -                            |
| Khác                        | 416.875                    | 87.022.779                                    | (71.125.388)                      | 16.314.266                   |
|                             | <b>47.805.374</b>          | <b>40.683.856.509</b>                         | <b>(33.326.979.360)</b>           | <b>7.404.682.523</b>         |

**17 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Quỹ lương của người lao động và Ban điều hành được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 08-2022/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 3 năm 2022 và số 27-2022/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 10 năm 2022, bao gồm:

- » Quỹ lương theo Hợp đồng lao động.
- » Quỹ lương năng suất theo hiệu quả kinh doanh của người lao động với tỷ lệ 10% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện theo Nghị quyết số 08-2022/NQ-HĐQT, được điều chỉnh với tỷ lệ 15% lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện theo Nghị quyết số 27-2022/NQ-HĐQT. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện bằng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ giá vốn hàng mua trừ giá thành dịch vụ, sản xuất (không bao gồm lương và chi phí khấu hao).
- » Quỹ thưởng hiệu quả kinh doanh Ban điều hành với tỷ lệ 2,4% lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm quỹ thưởng Ban điều hành.

Quỹ lương của Ban kiểm soát được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2022 ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Số dư cuối năm là quỹ thưởng năng suất theo hiệu quả kinh doanh năm 2022 còn phải trả cho người lao động và Ban Điều hành.

**18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                    | 31.12.2022 (VND)      | 31.12.2021 (VND)      |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ký quỹ, ký cược    | 1.606.312.958         | 1.739.704.528         |
| Cổ tức phải trả    | 1.132.520.135         | 1.251.013.700         |
| Kinh phí công đoàn | 138.812.653           | 366.162.952           |
| Khác               | 7.296.033.229         | 7.423.922.616         |
|                    | <b>10.173.678.975</b> | <b>10.780.803.796</b> |



|            | 31.12.2022                   |                                 | 31.12.2021                   |                                 |
|------------|------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
|            | Tổng nợ thuế tài chính (VND) | Chi phí lãi thuế ước tính (VND) | Tổng nợ thuế tài chính (VND) | Chi phí lãi thuế ước tính (VND) |
| Dưới 1 năm | -                            | -                               | 2.566.013.680                | 152.074.603                     |
|            |                              |                                 |                              | Nợ gốc (VND)                    |
|            |                              |                                 |                              | 2.413.939.077                   |

Nợ thuế tài chính thể hiện khoản thuế tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để mua xe chở suất ăn. Khoản thuế tài chính chịu lãi suất 8,5%/ năm và được điều chỉnh theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân theo hình thức trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm. Thời hạn thuế là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ thanh toán 3 tháng/lần. Trong năm, công ty đã mua lại tài sản thuế như trình bày tại Quyết định minh 11(b).

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

|                                      | Quỹ khen thưởng (VND) | Quỹ phúc lợi (VND)    | Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (VND) | Tổng (VND)            |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|---|-----------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022          | 28.590.997.574        | 16.145.950.053        | -   | 44.736.947.627        |
| Trích quỹ trong năm (*) (**)         | 11.719.092.723        | 16.566.287.184        | 1.470.075.657                                     | 29.755.455.564        |
| Sử dụng quỹ                          | (8.026.631.000)       | (4.660.276.466)       | (600.000.000)                                     | (13.286.907.466)      |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b> | <b>32.283.459.297</b> | <b>28.051.960.771</b> | <b>870.075.657</b>                                | <b>61.205.495.725</b> |

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02-NQ/SASCO-BHĐCĐ-2022 ngày 31 tháng 3 năm 2022, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi trích đã được trích với tỷ lệ lần lượt là 5,5% và 5% lợi nhuận sau thuế giữ lại của năm 2021.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02-NQ/SASCO-BHĐCĐ-2020 ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22-2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2021, và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 15-2022/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2022, Công ty trích bổ sung quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế giữ lại của năm 2019 để chi hỗ trợ thu nhập cho người lao động.

(\*\*\*) Theo tờ trình số 93 ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng HĐQT và Ban Kiểm soát với tỷ lệ lần lượt là 5,5%, 5% và 0,7% từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Mẫu số B 09 - DN

Mẫu số B 09 - DN

21 THUẾ TNDN HOÀN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

|  | 31.12.2022 (VND) | 31.12.2021 (VND) |
|--|------------------|------------------|
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại:                          |                  |                  |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng | 1.890.061.623    | 2.043.259.885    |

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong kỳ như sau:

|   | 2022 (VND)           | 2021 (VND)           |
|---|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm   | 2.043.259.885        | 1.002.057.948        |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Thuyết minh 33) | (153.198.262)        | 1.041.201.937        |
| <b>Số dư cuối năm</b>   | <b>1.890.061.623</b> | <b>2.043.259.885</b> |

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại

|   | 31.12.2022 (VND)     | 31.12.2021 (VND)     |
|---|----------------------|----------------------|
| Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác           | 986.000.000          | 986.000.000          |
| Khấu hao bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá | 904.061.623          | 904.061.623          |
| Lỗi tính thuế chưa sử dụng                        | -                    | 153.198.262          |
|   | <b>1.890.061.623</b> | <b>2.043.259.885</b> |

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗi tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗi. Số lỗi thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Các khoản lỗi ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

| Năm phát sinh lỗi | Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế | Số lỗi phát sinh (VND) | Số lỗi tính thuế đã được sử dụng (VND) | Số lỗi còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau (VND) |
|-------------------|--|------------------------|--|--|
| 2020              | Đã thanh tra thuế                        | 765.991.311            | (765.991.311)                          | -  |
| 2021              | Chưa thanh tra thuế                      | 79.569.407.750         | (79.569.407.750)                       | -  |

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

**22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

|  | 31.12.2022         |                 | 31.12.2021         |                 |
|--|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|  | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký              | 133.481.310        | -               | 133.481.310        | -               |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành         | 133.481.310        | -               | 133.481.310        | -               |
| Cổ phiếu quỹ                           | (29.400)           | -               | (29.400)           | -               |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b> | <b>133.451.910</b> | <b>-</b>        | <b>133.451.910</b> | <b>-</b>        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|  | 31.12.2022         |            | 31.12.2021         |            |
|--|--------------------|------------|--------------------|------------|
|  | Cổ phiếu phổ thông | %          | Cổ phiếu phổ thông | %          |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP     | 65.504.200         | 49,07      | 65.504.200         | 49,07      |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương | 33.340.200         | 24,98      | 33.340.200         | 24,98      |
| Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu       | 20.538.400         | 15,39      | 20.538.400         | 15,39      |
| Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh       | 6.575.000          | 4,93       | 6.575.000          | 4,93       |
| Cổ phiếu quỹ                                     | 29.400             | 0,02       | 29.400             | 0,02       |
| Khác   | 7.494.110          | 5,61       | 7.494.110          | 5,61       |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>            | <b>133.481.310</b> | <b>100</b> | <b>133.481.310</b> | <b>100</b> |

**(c) Tình hình biến động vốn cổ phần**

|                               | Số cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông (VND) | Cổ phiếu ưu đãi (VND) | Tổng cộng (VND)   |
|-------------------------------|-------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021   | 133.481.310 | 1.334.813.100.000        | -                     | 1.334.813.100.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 133.481.310 | 1.334.813.100.000        | -                     | 1.334.813.100.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 133.481.310 | 1.334.813.100.000        | -                     | 1.334.813.100.000 |

**23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

|                                    | Vốn góp của chủ sở hữu (VND) | Thặng dư vốn cổ phần (VND) | Cổ phiếu quỹ (VND) | Quý đầu tư phát triển (VND) | LNST chưa phân phối (VND) | Tổng cộng (VND)          |
|------------------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021        | 1.334.813.100.000            | 3.862.620.000              | (341.040.000)      | 582.661.723                 | 172.817.516.795           | <b>1.511.734.858.518</b> |
| Lợi nhuận thuần trong năm          | -                            | -                          | -                  | -                           | 3.063.604.991             | <b>3.063.604.991</b>     |
| Trích lập các quỹ                  | -                            | -                          | -                  | -                           | (13.805.968.367)          | <b>(13.805.968.367)</b>  |
| Chia cổ tức                        | -                            | -                          | -                  | -                           | (80.071.146.000)          | <b>(80.071.146.000)</b>  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021      | 1.334.813.100.000            | 3.862.620.000              | (341.040.000)      | 582.661.723                 | 82.004.007.419            | <b>1.420.921.349.142</b> |
| Lợi nhuận thuần trong năm          | -                            | -                          | -                  | -                           | 210.010.808.140           | <b>210.010.808.140</b>   |
| Trích lập các quỹ (Thuyết minh 20) | -                            | -                          | -                  | -                           | (29.755.455.564)          | <b>(29.755.455.564)</b>  |
| Chia cổ tức (*)                    | -                            | -                          | -                  | -                           | (75.667.232.970)          | <b>(75.667.232.970)</b>  |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022      | 1.334.813.100.000            | 3.862.620.000              | (341.040.000)      | 582.661.723                 | 186.592.127.025           | <b>1.525.509.468.748</b> |

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16-2022/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2022, thông qua việc chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế còn lại đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ chi trả 567 Đồng/cổ phiếu, với số tiền là 75.667.232.970 Đồng.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

**24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

|  | 31.12.2022 (VND)       | 31.12.2021 (VND)     |
|--|------------------------|----------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)            | 210.010.808.140        | 3.063.604.991        |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | (23.521.210.512)       | -                    |
|  | <b>186.489.597.628</b> | <b>3.063.604.991</b> |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 133.451.910            | 133.451.910          |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)                       | 1.397                  | 23                   |

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

|                           | 31.12.2022   | 31.12.2021   |
|---------------------------|--------------|--------------|
| Đô la Mỹ ("USD")          | 6.226.902,63 | 1.916.397,22 |
| Đồng Euro ("EUR")         | 144.272,52   | 4.891,02     |
| Đô la Úc ("AUD")          | 14.234,55    | 29,55        |
| Bạt Thái Lan ("BHT")      | 22.281,29    | 12.500,00    |
| Đô la Canada ("CAD")      | 3.310,00     | 2.375,00     |
| Bảng Anh ("GBP")          | 1.115,01     | 335,01       |
| Franc Thụy Sĩ ("CHF")     | 410,00       | 350,00       |
| Đô la Hồng Kong ("HKD")   | 18.430,00    | 2.500,00     |
| Yên Nhật ("JPY")          | 1.925.000,00 | 33.000,00    |
| Đô la Singapore ("SGD")   | 6.979,00     | 750,00       |
| Won Hàn Quốc ("KRW")      | 307.000,00   | -            |
| Đô la New Zealand ("NZD") | 640,00       | -            |

**(b) Tài sản nhận giữ hộ**

|                       | 31.12.2022    |                | 31.12.2021    |               |
|-----------------------|---------------|----------------|---------------|---------------|
|                       | Đơn vị tính   |                | Đơn vị tính   |               |
|                       | Cái           | Khác           | Cái           | Khác          |
| Cây kiểng, tranh, hoa | -             | -              | 69            | -             |
| Hàng công nghệ phẩm   | 2.584         | 8.147          | 5.606         | 15.590        |
| Da và giả da          | 285           | 47             | 1.132         | 180           |
| Hàng may mặc, vải     | 18.960        | 676            | 13.371        | 848           |
| Hàng mỹ nghệ          | 42.881        | 13.767         | 16.068        | 20.738        |
| Hóa mỹ phẩm           | 1.061         | 17.556         | 2.375         | 3.746         |
| Hàng thực phẩm        | 1.540         | 62.900         | -             | 12.533        |
| Hàng trang sức        | 63            | 3              | 865           | 617           |
| Văn hóa phẩm          | 210           | 1.388          | 103           | 3.183         |
| Vàng bạc - đá quý     | -             | -              | -             | 482           |
|                       | <b>67.584</b> | <b>104.484</b> | <b>39.589</b> | <b>57.917</b> |

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

|                     | 31.12.2022 (VND)     | 31.12.2021 (VND)     |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu khách hàng | 3.387.753.061        | 3.347.753.061        |
| Trả trước người bán | 38.691.000           | 38.691.000           |
|                     | <b>3.426.444.061</b> | <b>3.386.444.061</b> |

**(d) Cam kết thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 37.

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

## 26 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|   | 2022 (VND)               | 2021 (VND)             |
|---|--------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                           |                          |                        |
| Doanh thu bán hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế                           | 417.294.289.848          | 101.263.198.766        |
| Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác       | 179.462.811.902          | 50.535.836.780         |
| Doanh thu hoạt động phòng chờ   | 308.553.007.877          | 55.362.592.368         |
| Doanh thu các hoạt động khác  | 495.274.947.588          | 114.302.065.426        |
|   | <b>1.400.585.057.215</b> | <b>321.463.693.340</b> |
| <b>Các khoản giảm trừ</b>   |                          |                        |
| Chiết khấu thương mại   | (720.065)                | (1.624.383)            |
| Hàng bán bị trả lại   | (328.354.079)            | (383.791.750)          |
|   | <b>(329.074.144)</b>     | <b>(385.416.133)</b>   |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                  |                          |                        |
| Doanh thu thuần bán hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế                     | 417.294.289.848          | 101.263.198.766        |
| Doanh thu thuần hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác | 179.133.737.758          | 50.150.420.647         |
| Doanh thu thuần hoạt động phòng chờ                                     | 308.553.007.877          | 55.362.592.368         |
| Doanh thu thuần các hoạt động khác                                      | 495.274.947.588          | 114.302.065.426        |
|   | <b>1.400.255.983.071</b> | <b>321.078.277.207</b> |

## 26 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|   | 2022 (VND)             | 2021 (VND)             |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế                         | 286.451.243.399        | 31.345.043.636         |
| Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác | 92.870.464.556         | 38.031.819.018         |
| Giá vốn dịch vụ phòng chờ                                       | 78.669.636.125         | 16.900.194.209         |
| Giá vốn các hoạt động khác                                      | 207.982.245.680        | 86.036.072.521         |
|   | <b>665.973.589.760</b> | <b>172.313.129.384</b> |

## 28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|   | 2022 (VND)            | 2021 (VND)             |
|---|-----------------------|------------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                 | 61.217.987.523        | 84.215.652.836         |
| Lãi tiền gửi                                | 22.130.717.412        | 20.614.624.387         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 6.081.926.063         | 2.025.035.038          |
| Lãi bán các khoản đầu tư                    | 302.571.368           | -                      |
|   | <b>89.733.202.366</b> | <b>106.855.312.261</b> |

## 29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|   | 2022 (VND)             | 2021 (VND)            |
|---|------------------------|-----------------------|
| (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng                               | (13.632.302.576)       | 15.756.699.271        |
| Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 3.120.007.718          | 29.423.389.742        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện                  | 6.795.638.587          | 1.001.180.633         |
| Chi phí lãi vay   | 91.451.462             | 302.411.787           |
| Khác  | 1.419.485              | 1.419.485             |
|   | <b>(3.623.785.324)</b> | <b>46.485.100.918</b> |

## 30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

|                                       | 2022 (VND)             | 2021 (VND)             |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho | 100.190.812.717        | 42.098.639.607         |
| Chi phí hợp tác kinh doanh            | 95.265.457.061         | 6.540.813.689          |
| Chi phí nhân viên                     | 66.885.700.403         | 27.492.851.545         |
| Chi phí quản lý thuê điều hành        | 57.375.222.370         | -                      |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                 | 14.535.915.824         | 12.837.873.916         |
| Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng    | 7.000.077.703          | 3.786.699.311          |
| Chi phí vật liệu, bao bì              | 1.021.564.577          | 648.842.069            |
| Khác                                  | 61.893.277.755         | 21.768.114.924         |
|                                       | <b>404.168.028.410</b> | <b>115.173.835.061</b> |

## Mẫu số B 09 – DN

## Mẫu số B 09 – DN

## 31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|  | 2022 (VND)             | 2021 (VND)            |
|--|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên                      | 141.110.275.147        | 65.112.456.312        |
| Thuế, phí, lệ phí                      | 15.634.431.023         | 15.428.809.270        |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                  | 6.125.878.877          | 10.523.836.283        |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng    | 560.072.642            | 1.840.581.670         |
| Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | (4.614.799.630)        | (29.246.452.654)      |
| Khác                                   | 40.243.906.378         | 29.708.018.624        |
|  | <b>199.059.764.437</b> | <b>93.367.249.505</b> |

## 32 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo mức thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

|  | 2022 (VND)            | 2021 (VND)       |
|--|-----------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế   | 229.869.004.686       | 3.063.604.991    |
| Thuế tính ở thuế suất 20%  | 45.973.800.937        | 612.720.998      |
| Điều chỉnh:  |                       |                  |
| Thu nhập không chịu thuế   | (12.303.929.978)      | (16.843.130.567) |
| Chi phí không được khấu trừ  | 2.242.161.684         | 316.528.019      |
| Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại                       | -                     | 15.913.881.550   |
| Thuế TNDN năm trước  | 13.243.715            | -                |
| Lỗi tính thuế đã được sử dụng  | (16.067.079.812)      | -                |
| Chi phí thuế TNDN (*)  | 19.858.196.546        | -                |
| Thu nhập thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp: |                       |                  |
| Thuế TNDN - hiện hành  | 19.704.998.284        | -                |
| Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 21)  | 153.198.262           | -                |
|  | <b>19.858.196.546</b> | <b>-</b>         |

(\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào lợi nhuận chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

## 33 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

|                               | 2022 (VND)             | 2021 (VND)             |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên             | 228.836.764.723        | 101.998.175.914        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 252.047.328.637        | 91.257.707.316         |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 164.735.708.072        | 60.939.464.313         |
| Chi phí khấu hao TSCĐ         | 42.418.389.894         | 39.695.509.381         |
| Hoàn nhập dự phòng            | (4.614.799.630)        | (29.246.452.654)       |
| Khác                          | 178.125.875.845        | 48.485.537.888         |
|                               | <b>861.549.267.541</b> | <b>313.129.942.158</b> |

## 34 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

|   | 31.12.2022 (VND) | 31.12.2021 (VND) |
|---|------------------|------------------|
| Phải thu lãi tiền gửi   | 7.909.558.137    | 6.874.427.999    |
| Trả trước người bán để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 7.741.325.654    | 12.164.113.890   |
| Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán  | 1.774.817.412    | 7.795.416.500    |
| Cổ tức còn phải thu   | 1.296.440.800    | -                |
| Cổ tức còn phải trả   | 1.132.520.135    | 1.251.013.700    |

## 35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Điều hành của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: hoạt động bán hàng miễn thuế, bán hàng hóa tại trung tâm thương mại (“TTTM”) và các chi nhánh khác, kinh doanh phòng chờ và các hoạt động khác.

Toàn bộ hoạt động của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

## 35 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

## Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

|   | Hàng hóa miễn thuế (VND) | Hàng hóa TTTM và các chi nhánh khác (VND) | Phòng chờ (VND)        | Các lĩnh vực khác (VND) | Tổng cộng (VND)          |
|---|--------------------------|---|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ             | 417.294.289.848          | 179.469.310.902                           | 308.553.007.877        | 495.268.448.588         | 1.400.585.057.215        |
| Giảm trừ doanh thu  | -                        | (329.074.144)                             | -                      | -                       | (329.074.144)            |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>417.294.289.848</b>   | <b>179.140.236.758</b>                    | <b>308.553.007.877</b> | <b>495.268.448.588</b>  | <b>1.400.255.983.071</b> |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                        | (286.451.243.399)        | (92.870.464.556)                          | (78.669.636.125)       | (207.982.245.680)       | (665.973.589.760)        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>  | <b>130.843.046.449</b>   | <b>86.269.772.202</b>                     | <b>229.883.371.752</b> | <b>287.286.202.908</b>  | <b>734.282.393.311</b>   |
| Chi phí bán hàng  | (73.625.007.681)         | (67.214.903.425)                          | (94.056.620.463)       | (169.271.496.841)       | (404.168.028.410)        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                | (9.459.634.828)          | (7.970.544.469)                           | (1.923.070.328)        | (25.102.854.212)        | (44.456.103.837)         |
| <b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>               |                          |   |                        |                         |                          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                |                          |   |                        |                         | (154.603.660.600)        |
| Doanh thu hoạt động tài chính                               |                          |   |                        |                         | 89.733.202.366           |
| Chi phí tài chính   |                          |   |                        |                         | 3.623.785.324            |
| Thu nhập khác   |                          |   |                        |                         | 6.685.937.576            |
| Chi phí khác  |                          |   |                        |                         | (1.228.521.044)          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>              |                          |   |                        |                         | <b>229.869.004.686</b>   |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                                 |                          |   |                        |                         | (19.704.998.284)         |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                  |                          |   |                        |                         | (153.198.262)            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                              |                          |   |                        |                         | <b>210.010.808.140</b>   |

Mẫu số B 09 - DN

## 35 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau (tiếp theo):

## Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

|   | Hàng hóa miễn thuế (VND) | Hàng hóa TTTM và các chi nhánh khác (VND) | Phòng chờ (VND)       | Các lĩnh vực khác (VND) | Tổng cộng (VND)        |
|---|--------------------------|---|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ             | 101.263.198.766          | 50.535.836.780                            | 55.362.592.368        | 114.302.065.426         | 321.463.693.340        |
| Giảm trừ doanh thu  | -                        | (385.416.133)                             | -                     | -                       | (385.416.133)          |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>101.263.198.766</b>   | <b>50.150.420.647</b>                     | <b>55.362.592.368</b> | <b>114.302.065.426</b>  | <b>321.078.277.207</b> |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp                        | (31.345.043.636)         | (38.031.819.018)                          | (16.900.194.209)      | (86.036.072.521)        | (172.313.129.384)      |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>  | <b>69.918.155.130</b>    | <b>12.118.601.629</b>                     | <b>38.462.398.159</b> | <b>28.265.992.905</b>   | <b>148.765.147.823</b> |
| Chi phí bán hàng  | (16.598.532.583)         | (24.808.462.616)                          | (36.941.896.430)      | (36.824.943.432)        | (115.173.835.061)      |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                | (5.352.091.216)          | (4.254.326.748)                           | (1.953.646.542)       | (26.723.395.415)        | (38.283.459.921)       |
| <b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>               |                          |   |                       |                         |                        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                |                          |   |                       |                         | (55.083.789.584)       |
| Doanh thu hoạt động tài chính                               |                          |   |                       |                         | 106.855.312.261        |
| Chi phí tài chính   |                          |   |                       |                         | (46.485.100.918)       |
| Thu nhập khác   |                          |   |                       |                         | 3.007.237.910          |
| Chi phí khác  |                          |   |                       |                         | (537.907.519)          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>              |                          |   |                       |                         | <b>3.063.604.991</b>   |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                                 |                          |   |                       |                         | -                      |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                  |                          |   |                       |                         | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                              |                          |   |                       |                         | <b>3.063.604.991</b>   |

Mẫu số B 09 - DN

## 35 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau (tiếp theo):

## Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

|                                   | Hàng hóa miễn thuế (VND) | Hàng hóa TTMM và các chi nhánh khác (VND) | Phòng chờ (VND)       | Các lĩnh vực khác (VND) | Tổng cộng (VND)          |
|-----------------------------------|--------------------------|---|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| Tài sản bộ phận                   |                          |   |                       |                         |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận     | 231.528.093.155          | 60.919.485.185                            | 85.631.894.428        | 508.242.787.226         | 886.322.259.994          |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận       | 6.486.286.821            | 2.789.612.641                             | 4.796.047.675         | 7.698.291.803           | 21.770.238.940           |
| Tài sản không phân bổ             | -                        | -   | -                     | -                       | 1.135.740.001.020        |
| <b>Tổng tài sản</b>               | <b>238.014.379.976</b>   | <b>63.709.097.826</b>                     | <b>90.427.942.103</b> | <b>515.941.079.029</b>  | <b>2.043.832.499.954</b> |
| Nợ phải trả bộ phận               |                          |   |                       |                         |                          |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 287.035.050.217          | 50.754.227.743                            | 15.292.532.692        | 45.430.784.071          | 398.512.594.723          |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận   | 15.254.750.356           | 6.560.740.468                             | 11.279.567.493        | 18.105.199.918          | 51.200.258.235           |
| Nợ phải trả không phân bổ         | -                        | -   | -                     | -                       | 68.610.178.248           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>           | <b>302.289.800.573</b>   | <b>57.314.968.211</b>                     | <b>26.572.100.185</b> | <b>63.535.983.989</b>   | <b>518.323.031.206</b>   |
| Tài sản bộ phận                   |                          |   |                       |                         |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận     | 20.713.536.223           | 50.957.564.144                            | 26.160.086.291        | 461.401.578.753         | 559.232.765.411          |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận       | 8.385.186.986            | 4.184.663.788                             | 4.584.347.470         | 9.464.881.646           | 26.619.079.890           |
| Tài sản không phân bổ             | -                        | -   | -                     | -                       | 965.295.097.594          |
| <b>Tổng tài sản</b>               | <b>29.098.723.209</b>    | <b>55.142.227.932</b>                     | <b>30.744.433.761</b> | <b>470.866.460.399</b>  | <b>1.551.146.942.895</b> |
| Nợ phải trả bộ phận               |                          |   |                       |                         |                          |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 15.747.348.847           | 7.050.871.719                             | 3.915.518.465         | 30.880.895.346          | 57.594.634.377           |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận   | 8.771.739.980            | 4.377.574.729                             | 4.795.683.632         | 9.901.208.034           | 27.846.206.375           |
| Nợ phải trả không phân bổ         | -                        | -   | -                     | -                       | 44.784.753.001           |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>           | <b>24.519.088.827</b>    | <b>11.428.446.448</b>                     | <b>8.711.202.097</b>  | <b>40.782.103.380</b>   | <b>130.225.593.753</b>   |

Mẫu số B 09 - DN

Mẫu số B 09 - DN

## 36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

| Bên liên quan   | Mối quan hệ   |
|---|---|
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP                    | Cổ đông   |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương                | Cổ đông   |
| Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duy Anh                      | Cổ đông   |
| Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu                      | Cổ đông   |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất                | Công ty liên kết  |
| Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh                            | Công ty liên kết  |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                             | Công ty liên kết  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh                 | Công ty liên kết  |
| Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco                                   | Công ty liên doanh  |
| Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn                         | Công ty liên kết của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP |
| Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội                          | Công ty liên kết của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam | Công ty liên kết của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam                  | Công ty liên kết của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam                     | Công ty liên kết của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP |
| IPP Group (S) Pte., Ltd.  | Bên liên quan khác  |
| Công ty TNHH Autogrill VFS F&B                                  | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt                       |

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

|  | 2022 (VND)             | 2021 (VND)            |
|--|------------------------|-----------------------|
| <b>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>               |                        |                       |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất               | 1.989.736.829          | 1.005.649.145         |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP                   | 1.563.494.691          | 170.464.140           |
| Công ty Cổ phần IPP Air Cargo                                  | 1.080.545.454          | -                     |
| Công ty TNHH Autogrill VFS F&B                                 | 342.289.527            | 1.021.217.516         |
| Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn                        | 108.441.667            | 3.499.998             |
| Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội                         | 73.926.242             | 3.000.000             |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam                    | 3.532.194              | -                     |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam                 | 431.999                | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh                | -                      | 649.279.273           |
|  | <b>5.162.398.603</b>   | <b>2.853.110.072</b>  |
| <b>ii) Doanh thu từ phần bù lợi nhuận gộp và bù chiết khấu</b> |                        |                       |
| IPP Groups (S) Pte., Ltd.                                      | 62.490.291.870         | 68.121.937.897        |
| <b>iii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>                            |                        |                       |
| IPP Groups (S) Pte., Ltd.                                      | 499.274.504.658        | 6.458.657.414         |
| Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP                   | 224.250.666.871        | 61.895.530.237        |
| Công ty TNHH Autogrill VFS F&B                                 | 62.314.780.104         | 125.457.605           |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất               | 12.901.980.329         | 3.172.007.501         |
| Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco                                  | 2.203.969.648          | 4.525.746.368         |
| Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh                           | 247.814.600            | 427.332.533           |
| Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn                        | 512.100.000            | 1.370.750.000         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam                 | 119.235.112            | 86.904.193            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh                | -                      | 678.495.400           |
|  | <b>801.825.051.322</b> | <b>78.740.881.251</b> |
| <b>iv) Tái xuất hàng hóa</b>                                   |                        |                       |
| IPP Groups (S) Pte., Ltd.                                      | -                      | 86.891.361.382        |

|  | 2022 (VND)            | 2021 (VND)           |
|--|-----------------------|----------------------|
| <b>v) Thu hộ</b>                                 |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam      | 25.155.000            | 101.577.636          |
| <b>vi) Cổ tức nhận được</b>                      |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất    | 57.566.599.860        | -                    |
| Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco                    | 1.196.334.163         | 992.367.997          |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền                 | 1.134.385.700         | -                    |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm | 24.227.000            | -                    |
| Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh             | -                     | 24.000.000           |
|  | <b>59.921.546.723</b> | <b>1.016.367.997</b> |

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

|   | 2022 (VND)            | 2021 (VND)            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>vii) Cổ tức đã trả</b>                               |                       |                       |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần | 37.140.881.400        | 39.302.520.000        |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu                             |                       |                       |
| Liên Thái Bình Dương                                    | 18.903.893.400        | 20.004.120.000        |
| Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm                      |                       |                       |
| Âu Châu   | 11.645.272.800        | 12.323.040.000        |
| Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm                      |                       |                       |
| Duy Anh   | 3.728.025.000         | 3.945.000.000         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Duy Anh                      | 1.672.026.300         | -                     |
|   | <b>73.090.098.900</b> | <b>75.574.680.000</b> |



Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

**36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

|   | 2022 (VND)            | 2021 (VND)           |
|---|-----------------------|----------------------|
| <b>viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b> |                       |                      |
| <b>(a) Tiền lương và thù lao</b>                            |                       |                      |
| <b>Hội đồng Quản trị</b>                                    |                       |                      |
| Bà Trần Thị Minh Nguyệt                                     | -                     | 96.000.000           |
| Ông Lê Anh Tuấn   | 72.000.000            | -                    |
| Ông Nguyễn Hạnh   | 96.000.000            | 96.000.000           |
| Ông Vũ Hoàng Long   | 96.000.000            | 96.000.000           |
| Bà Lê Thị Diệu Thúy   | 96.000.000            | 96.000.000           |
| <b>Ban Điều hành</b>  |                       |                      |
| Bà Đoàn Thị Mai Hương                                       | 945.454.545           | 830.454.546          |
| Ông Nguyễn Văn Hùng Cường                                   | 744.545.455           | 652.500.000          |
| Bà Nguyễn Minh Ngọc   | 744.545.455           | 652.500.000          |
| Bà Tôn Nữ Diệu Trí  | 614.545.455           | 533.863.636          |
| <b>Ban Kiểm Soát</b>  |                       |                      |
| Ông Lưu Quốc Hoàng  | 720.909.091           | 723.681.818          |
| Bà Trần Thị Thu Trang                                       | 330.909.091           | 332.181.818          |
| Ông Chu Khánh Toàn  | 60.000.000            | 60.000.000           |
| <b>(b) Tiền thưởng</b>                                      | <b>8.724.625.923</b>  | <b>1.729.881.050</b> |
|   | <b>13.245.535.015</b> | <b>5.899.062.868</b> |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>     |                       |                      |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                         | 4.562.914.090         | 4.604.226.335        |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP                | 3.897.424.980         | 1.160.691.890        |
| Công ty TNHH Autogrill VFS F&B                              | 9.224.400             | 1.030.392.921        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất            | 213.844.800           | -                    |
| Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội                      | 54.707.000            | -                    |
|   | <b>8.738.115.270</b>  | <b>6.795.311.146</b> |

|   | 2022 (VND)             | 2021 (VND)            |
|---|------------------------|-----------------------|
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</b> |                        |                       |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP            | -                      | 39.719.191            |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))</b>        |                        |                       |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 44.773.460.791         | 45.195.141.806        |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam             | 14.025.213.176         | 14.352.776.533        |
| IPP Group (S) Pte., Ltd.                                | 3.501.936.000          | 5.537.408.475         |
|   | <b>62.300.609.967</b>  | <b>65.085.326.814</b> |
| <b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))</b>         |                        |                       |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 230.111.185.641        | 235.485.506.266       |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)</b>     |                        |                       |
| IPP Group (S) Pte., Ltd.                                | 273.840.310.656        | 13.264.264.692        |
| Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP            | 45.686.265.473         | 4.818.819.847         |
| Công ty TNHH Autogrill VFS F&B                          | 9.553.202.816          | 11.078.184            |
| Công ty Liên doanh Cổ phần Nhà Việt                     | 1.041.432.161          | 1.065.820.426         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất        | 911.542.784            | 309.373.479           |
| Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh                    | 107.593.400            | -                     |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam          | 14.102.837             | 3.405.780             |
| Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn                 | -                      | 134.200.000           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bầu Trời Xanh         | -                      | 39.149.199            |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam             | -                      | 24.163.491            |
|   | <b>331.154.450.127</b> | <b>19.670.275.098</b> |

Mẫu số B 09 – DN

Mẫu số B 09 – DN

**37 CÁC CAM KẾT****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

|   | 31.12.2022 (VND)         | 31.12.2021 (VND)         |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Dưới 1 năm                                      | 204.501.830.886          | 72.483.521.488           |
| Từ 1 đến 5 năm                                  | 663.153.647.139          | 284.434.085.952          |
| Trên 5 năm                                      | 680.407.920.800          | 715.758.561.047          |
| <b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b> | <b>1.548.063.398.825</b> | <b>1.072.676.168.487</b> |

**(b) Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán tổng hợp nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

|               | 31.12.2022 (VND) | 31.12.2021 (VND) |
|---------------|------------------|------------------|
| TSCĐ hữu hình | 175.975.337.090  | 68.363.579.464   |

**38 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2023 ngày 15 tháng 2 năm 2023, thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt theo tỷ lệ tạm ứng 1.000 Đồng/cổ phiếu.

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2023.



**Nguyễn Thị Vân Anh**  
Người lập



**Tôn Nữ Diệu Trí**  
Kế toán trưởng



**Đoàn Thị Mai Hương**  
Tổng Giám đốc